

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

TÊN TIẾNG ANH: PSYCHOLOGY

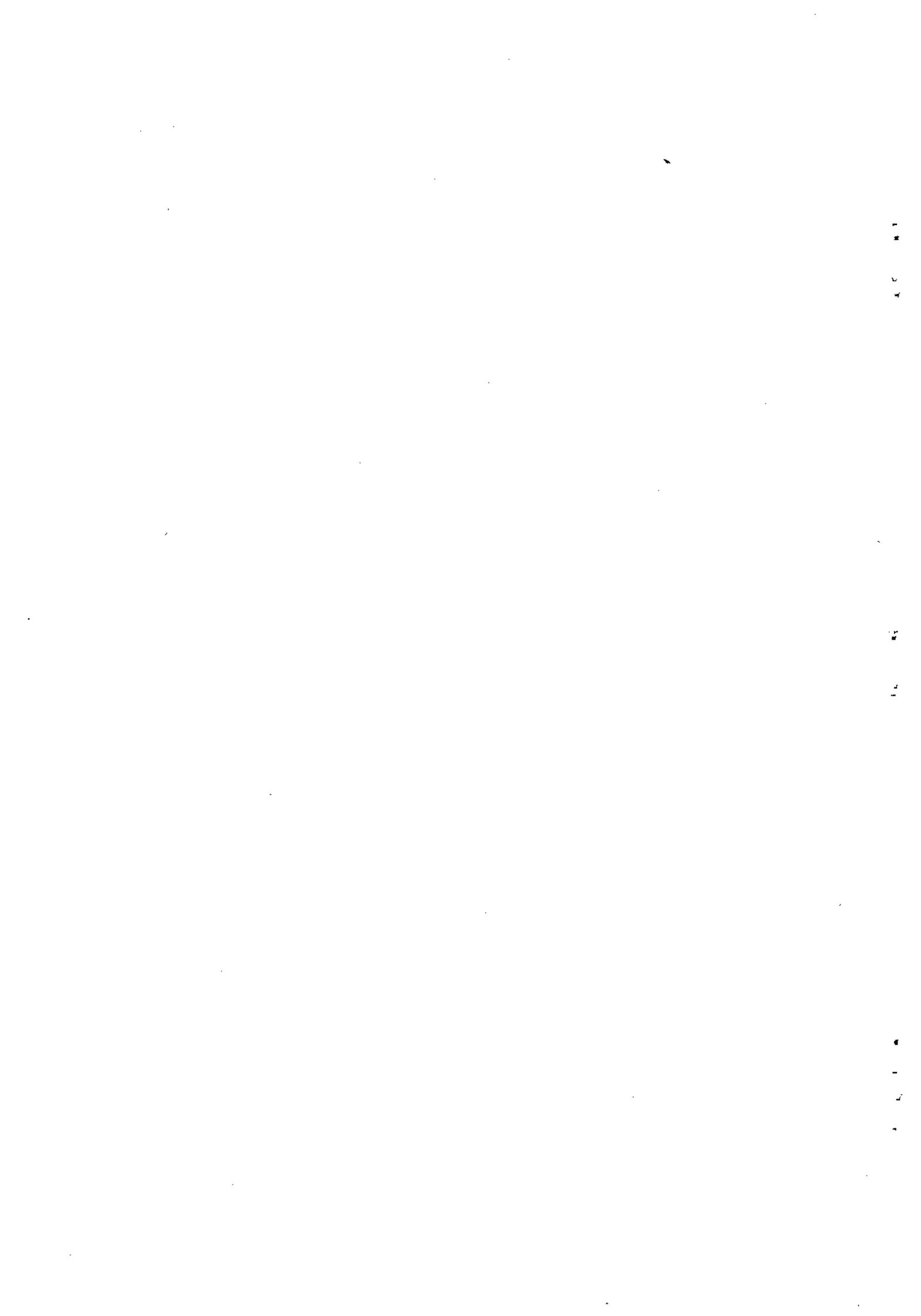
MÃ NGÀNH: 9310401

KHỐI NGÀNH:

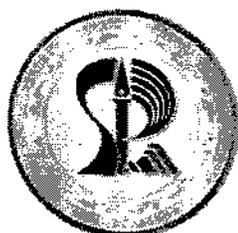
KHOA QUẢN LÝ: TÂM LÝ - GIÁO DỤC - CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: TIÊN SĨ

Đà Nẵng, tháng 11/2025



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: TÂM LÝ HỌC

TÊN TIẾNG ANH: PSYCHOLOGY

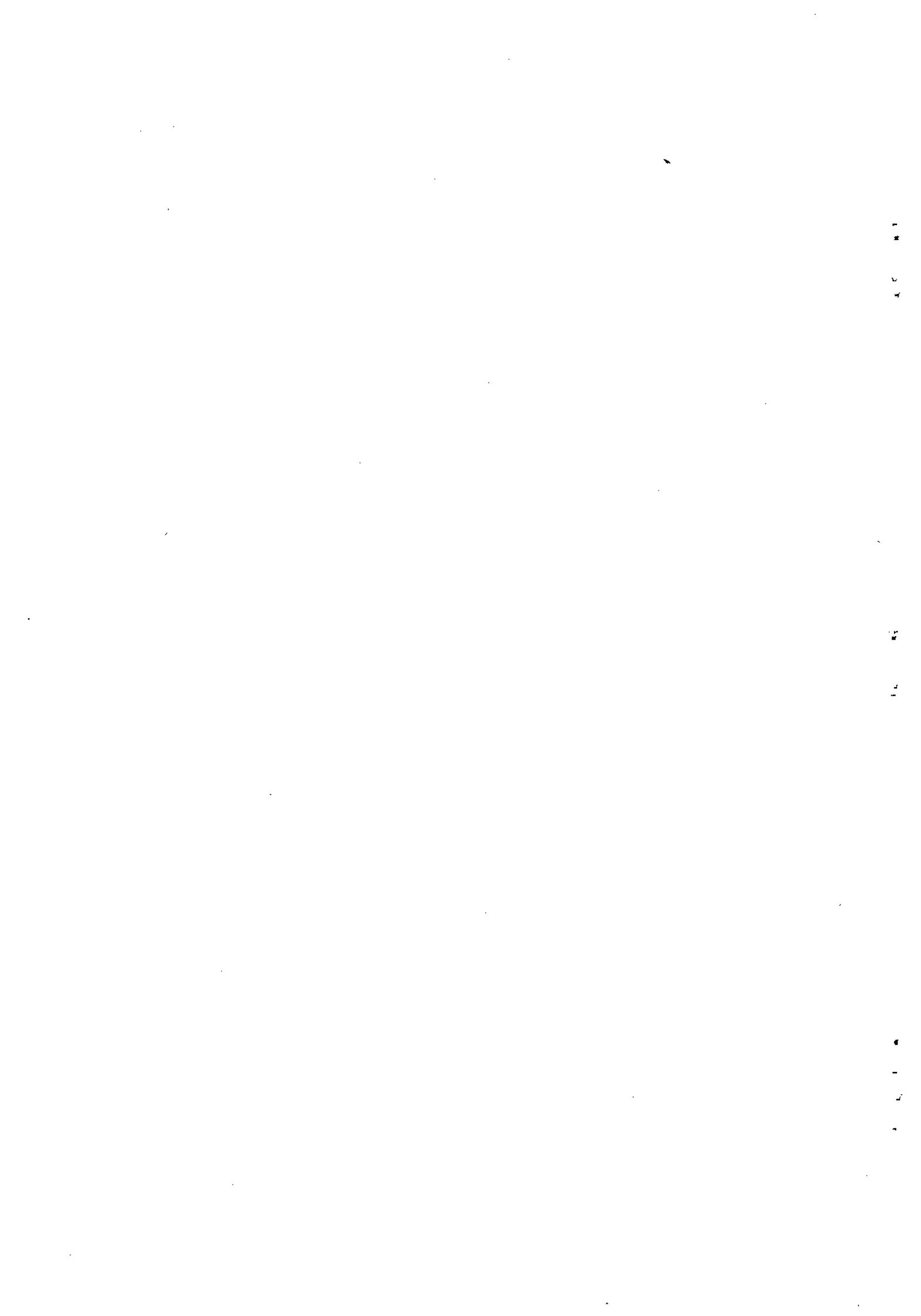
MÃ NGÀNH: 9310401

KHỐI NGÀNH:

KHOA QUẢN LÝ: TÂM LÝ - GIÁO DỤC - CÔNG TÁC XÃ HỘI

TRÌNH ĐỘ: TIẾN SĨ

Đà Nẵng, tháng 11/2025



MỤC LỤC

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT	1
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG	3
I. Triết lý giáo dục	3
II. Tâm nhìn	3
III. Sứ mạng.....	3
C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs).....	3
II. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	4
III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	4
IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam.....	6
V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau tiến sĩ.....	7
VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	7
VII. Chiến lược giảng dạy và học tập.....	10
D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
I. Cấu trúc chương trình đào tạo.....	12
II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức.....	13
III. Sơ đồ lộ trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)	19
V. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	19
E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	20
I. Quy trình đào tạo.....	20
I. Quy trình đào tạo.....	20
II. Cách thức và công cụ đánh giá	20
F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	23
G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	24
H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	25

K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	25
I. Cập nhật chương trình đào tạo.....	25
II. Đánh giá chương trình đào tạo.....	25
PHỤ LỤC 1: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT.....	27
PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	191
PHỤ LỤC 3. PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	193
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA.....	195
PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN.....	205
PHỤ LỤC 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT.....	210
PHỤ LỤC 7: THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH, SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	211

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 2271/QĐ-ĐHSP ngày 09/12/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng)*

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tâm lý học trình độ Tiến sĩ được ban hành và áp dụng tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng theo Quyết định số 2271/QĐ-ĐHSP ngày 09/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Tâm lý học được xây dựng và quản lý bởi Khoa Tâm lý - Giáo dục - Công tác xã hội. Hiện tại, Khoa đang quản lý 03 chương trình đào tạo cử nhân (Tâm lý học, Tâm lý học chất lượng cao và Công tác xã hội), 05 chương trình đào tạo thạc sĩ (Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Công tác xã hội, Giáo dục và phát triển cộng đồng), 01 chương trình tiến sĩ (Quản lý giáo dục), qua đó tích lũy kinh nghiệm trong tổ chức đào tạo sau đại học.

Khoa Tâm lý - Giáo dục - Công tác xã hội là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học trực thuộc Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục và Công tác xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển bền vững xã hội. Khoa được thành lập năm 1995, từng bước xây dựng nền tảng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt, Công tác xã hội và Quản lý giáo dục. Trong quá trình phát triển, Khoa không ngừng mở rộng lĩnh vực chuyên môn và nâng cao chất lượng đào tạo. Khoa định hướng phát triển theo mô hình liên ngành - ứng dụng - nhân văn, vừa đảm bảo nền tảng lý luận vững chắc, vừa trang bị năng lực nghề nghiệp thực tiễn cho người học. Thông qua đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Đến năm 2035, Khoa Tâm lý - Giáo dục - Công tác xã hội phấn đấu trở thành: Trung tâm đào tạo - nghiên cứu có uy tín hàng đầu khu vực miền Trung - Tây Nguyên và có vị thế trong toàn quốc về các lĩnh vực Tâm lý học, Giáo dục học, Quản lý giáo dục và Công tác xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước.

Hoạt động nghiên cứu khoa học được xác định là nền tảng cho đào tạo sau đại học. Cán bộ, giảng viên của Khoa tham gia nhiều đề tài khoa học các cấp và công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước, với các hướng nghiên cứu trọng tâm về Tâm lý học, Công tác xã hội, Giáo dục học và Quản lý giáo dục, phù hợp với yêu cầu đào tạo và nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ ngành Tâm lý học.

Khoa có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, hệ thống phòng thực hành phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đồng thời duy trì hợp tác với các cơ quan quản lý, các đơn vị thực hành thực tập phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Với các điều kiện về đội ngũ, năng lực nghiên cứu và cơ sở vật chất hiện có, Khoa Tâm lý - Giáo dục - Công tác xã hội đáp ứng đầy đủ yêu cầu để tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Tâm lý học theo quy định hiện hành.

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Tâm lý học
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Psychology
3. Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
4. Mã ngành đào tạo:	9310401
5. Đối tượng tuyển sinh:	- Tốt nghiệp Đại học loại Giỏi hoặc tương đương theo Quy định hiện hành - Tốt nghiệp thạc sĩ
6. Thời gian đào tạo:	3 năm (6 học kỳ)
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Chương trình đào tạo:	Định hướng nghiên cứu
9. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	- 90 đối với NCS có đầu vào trình độ thạc sĩ - 120 đối với NCS có đầu vào trình độ đại học
10. Khoa quản lý:	Tâm lý học
11. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
12. Website:	https://tlgd.ued.udn.vn/
13. Thang điểm:	Thang điểm 4
14. Điều kiện tốt nghiệp:	Theo Quyết định số 2065/QĐ-ĐHSP ngày 29/10/2021
15. Văn bằng tốt nghiệp:	Tiến sĩ ngành Tâm lý học
16. Vị trí việc làm:	Nghiên cứu sinh tốt nghiệp từ CTĐT ngành Tâm lý học học có thể làm các công việc: - Giảng viên Tâm lý học bậc Đại học/Cao đẳng/TCCN; - Chuyên viên tâm lý; - Nghiên cứu viên tại các viện/trung tâm nghiên cứu/ứng dụng Tâm lý học; - Chuyên viên tại các đơn vị có chức năng hỗ trợ tâm lý
17. Khả năng nâng cao trình độ:	- Có thể nghiên cứu tiếp sau tiến sĩ ở tất cả các chuyên ngành về tâm lý học - Có khả năng nghiên cứu độc lập để tiếp tục nghiên cứu thêm một số lĩnh vực khác. - Có thể làm hồ sơ đăng ký học tiến sĩ khoa học về tâm lý học tại viện nghiên cứu của một số nước trên thế giới.

18. Chương trình đào tạo đối sánh:	- CTĐT Tâm lý học trình độ Tiến sĩ, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội - CTĐT Tâm lý học trình độ Tiến sĩ, ĐH National University, San Diego, USA
19. Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo:	

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục

Triết lý giáo dục của Trường

HỌC THẬT – LÀM THẬT – SỐNG THẬT

Triết lý “HỌC THẬT – LÀM THẬT – SỐNG THẬT” không chỉ là định hướng hành vi trong giáo dục mà còn là kim chỉ nam để hình thành con người trung thực – bản lĩnh – trách nhiệm trong xã hội hiện đại. Đây là cách tiếp cận giáo dục lấy sự thật làm nền tảng, phản ánh đúng tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam.

II. Tâm nhìn

Tâm nhìn của Trường: Đến năm 2030, Trường ĐHSP-ĐHĐN trở thành 1 trong 3 trung tâm hàng đầu Việt Nam về đào tạo và nghiên cứu khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; là điểm kết nối văn hóa – khoa học – giáo dục của khu vực Đông Nam Á. Đến năm 2045, Trường trở thành đại học bền vững và đổi mới sáng tạo đặc sắc.

III. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường: Trường đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có đào tạo giáo viên, là nòng cốt, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn; phục vụ cho sự phát triển của đất nước, trọng tâm là khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

* Mục tiêu chung

Đào tạo chuyên gia tâm lý học có kiến thức hiện đại, chuyên sâu; có năng lực nghiên cứu độc lập và vận dụng sáng tạo lý thuyết tâm lý học vào đào tạo, thực hành và quản lý chuyên môn; có đạo đức nghề nghiệp và tích cực tham gia phát triển ngành nghề

* Mục tiêu cụ thể

Trường ĐHSP - ĐHĐN đào tạo người học tốt nghiệp ngành Tâm lý học trình độ tiến sĩ, có:

- PO1: Kiến thức hiện đại, chuyên sâu về tâm lý học và khả năng tiếp cận liên ngành trong lĩnh vực tâm lý học
- PO2: Năng lực nghiên cứu độc lập; vận dụng sáng tạo lý thuyết tâm lý học vào đào tạo, thực hành và quản lý chuyên môn
- PO3: Đạo đức nghề nghiệp và tích cực tham gia phát triển ngành nghề.

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Người học tốt nghiệp CTĐT ngành TLH tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt nam có khả năng:

PLO1: Có khả năng tổng hợp tri thức hiện đại, chuyên sâu và liên ngành về tâm lý học.

- PI1.1. Cập nhật được tri thức hiện đại và liên ngành về tâm lý học;
- PI1.2: Tổng hợp tri thức mới và liên kết tri thức trong lĩnh vực tâm lý học với các tri thức ở các ngành nghề liên quan.

PLO2: Có khả năng vận dụng chuyên sâu kiến thức tâm lý học vào các lĩnh vực nghề nghiệp

- PI2.1: Đề xuất các giải pháp tâm lý học cho các vấn đề trong giáo dục, y tế, tổ chức, xã hội...
- PI2.2: Đánh giá được các giải pháp cho các vấn đề trong trong giáo dục, y tế, tổ chức, xã hội.

PLO3: Có năng lực nghiên cứu độc lập và sáng tạo trong lĩnh vực TLH

- PI3.1: Tổ chức và thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực TLH một cách độc lập
- PI3.2: Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế

PLO4: Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp

- PI4.1: Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, giảng dạy và thực hành tâm lý học.
- PI4.2: Có trách nhiệm xã hội, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và nhân quyền trong hoạt động chuyên môn.

PLO5: Có khả năng phát triển chuyên môn nghề nghiệp

- PI5.1: Dẫn dắt nhóm nghiên cứu, tư vấn chuyên môn cho các tổ chức, phản biện xã hội trong lĩnh vực tâm lý học.
- PI5.2: Tự học suốt đời, cập nhật tri thức mới và thích ứng với sự thay đổi của môi trường học thuật và nghề nghiệp.

III. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng nghiên cứu sinh có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
PO1	X	X			X
PO2			X		X
PO3				X	X

Bảng 2. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa Pos, PLOs và PIs.

PO	PLO	PI
PO 1: Kiến thức hiện đại, chuyên sâu về tâm lý học và khả năng tiếp cận liên ngành trong lĩnh vực tâm lý học	PLO 1: Có khả năng tổng hợp tri thức hiện đại, chuyên sâu và liên ngành về tâm lý học	<ul style="list-style-type: none"> - PI1.1: Cập nhật được tri thức hiện đại và liên ngành về tâm lý học; - PI1.2: Tổng hợp tri thức mới và liên kết tri thức trong lĩnh vực tâm lý học với các tri thức ở các ngành nghề liên quan.
	PLO 2: Có khả năng vận dụng chuyên sâu kiến thức tâm lý học vào các lĩnh vực nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - PI2.1: Đề xuất các giải pháp tâm lý học cho các vấn đề trong giáo dục, y tế, tổ chức, xã hội... - PI2.2: Đánh giá được các giải pháp cho các vấn đề trong giáo dục, y tế, tổ chức, xã hội.
	PLO5: Có khả năng phát triển chuyên môn nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - PI5.1: Dẫn dắt nhóm nghiên cứu, tư vấn chuyên môn cho các tổ chức, phân biện xã hội trong lĩnh vực tâm lý học. - PI5.2: Tự học suốt đời, cập nhật tri thức mới và thích ứng với sự thay đổi của môi trường học thuật và nghề nghiệp
PO 2: Năng lực nghiên cứu độc lập; vận dụng sáng tạo lý thuyết tâm lý học vào đào tạo, thực hành và quản lý chuyên môn	PLO3: Có năng lực nghiên cứu độc lập và sáng tạo trong lĩnh vực TLH	<ul style="list-style-type: none"> PI3.1: Tổ chức và thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực TLH một cách độc lập PI3.2: Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế
	PLO5: Có khả năng phát triển chuyên môn nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - PI5.1: Dẫn dắt nhóm nghiên cứu, tư vấn chuyên môn cho các tổ chức, phân biện xã hội trong lĩnh vực tâm lý học. - PI5.2: Tự học suốt đời, cập nhật tri thức mới và thích ứng với sự thay đổi của môi trường học thuật và nghề nghiệp

PO	PLO	PI
PO 3: Đạo đức nghề nghiệp và tích cực tham gia phát triển ngành nghề.	PLO4: Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - PI4.1: Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, giảng dạy và thực hành tâm lý học. - PI4.2: Có trách nhiệm xã hội, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và nhân quyền trong hoạt động chuyên môn.
	PLO5: Có khả năng phát triển chuyên môn nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - PI5.1: Dẫn dắt nhóm nghiên cứu, tư vấn chuyên môn cho các tổ chức, phản biện xã hội trong lĩnh vực tâm lý học. - PI5.2: Tự học suốt đời, cập nhật tri thức mới và thích ứng với sự thay đổi của môi trường học thuật và nghề nghiệp

IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Bảng 3. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
<p>KT1: Kiến thức tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của một lĩnh vực khoa học;</p> <p>KT2: Kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo.</p> <p>KT3: Kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.</p> <p>KT4: Kiến thức về quản trị tổ chức.</p>	<p>KN1: Kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển;</p> <p>KN2: Kỹ năng tổng hợp, làm giàu và bổ sung tri thức chuyên môn.</p> <p>KN3: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.</p> <p>KN4: Kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo.</p> <p>KN5: Kỹ năng quản lý, điều hành chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển.</p> <p>KN6: Tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu và phổ biến các kết quả nghiên cứu.</p>	<p>TCTN1: Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới.</p> <p>TCTN2: Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau.</p> <p>TCTN3: Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác.</p> <p>TCTN4: Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia.</p> <p>TCTN5: Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.</p>

Bảng 4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam
(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CDR theo Khung trình độ QG Chuẩn đầu ra CTĐT	Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
	KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4	TCTN5
PLO 1	X	X	X	X											
PLO 2					X	X	X	X	X	X					
PLO 3			X								X	X	X	X	X
PLO 4															X
PLO 5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau tiến sĩ

1. Cơ hội việc làm

Nghiên cứu sinh (NCS) tốt nghiệp từ CTĐT ngành Tâm lý học học có thể làm các công việc:

- Giảng viên Tâm lý học bậc Đại học/Cao đẳng/TCCN;
- Chuyên viên tâm lý;
- Nghiên cứu viên tại các viện/trung tâm nghiên cứu/ứng dụng Tâm lý học;
- Chuyên viên tại các đơn vị có chức năng hỗ trợ tâm lý

2. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có thể nghiên cứu tiếp sau tiến sĩ ở tất cả các chuyên ngành về tâm lý học
- Có khả năng nghiên cứu độc lập để tiếp tục nghiên cứu thêm một số lĩnh vực khác.
- Có thể làm hồ sơ đăng ký học tiến sĩ khoa học về tâm lý học tại viện nghiên cứu của một số nước trên thế giới.

VI. Tiêu chí tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Tiêu chí tuyển sinh

1.1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Quy chế của cơ sở đào tạo quy định chi tiết yêu cầu về trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực ngoại ngữ, kinh nghiệm công tác và những yêu cầu khác đối với người dự tuyển tùy theo đặc điểm của từng lĩnh vực, ngành đào tạo và chương trình đào tạo cụ thể của cơ sở đào tạo trên cơ sở những yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều này.

1.2. Danh mục ngành phù hợp tuyển sinh ngành Tâm lý học trình độ tiến sĩ

STT	Điều kiện theo Điều 7/1/a	Điều kiện theo Điều 7/1/b	Điều kiện theo Điều 7/1/c	ĐK theo Điều 7/1/d	Giải thích
1	Có Đại học ngành đúng (TLH, TLHGD), tốt nghiệp loại giỏi	Có	Bài báo/báo cáo KH được đăng (Tạp chí thuộc hệ thống tính điểm của HDGSNN từ 0.5đ trở lên)	Có	Chi ngành đúng nếu ứng viên học thẳng từ ĐH
2	Có bằng ThS TLH, TLH lâm sàng hướng nghiên cứu	Có		Có	
3	Có bằng ThS TLH, TLH lâm sàng hướng ứng dụng	Học bổ sung môn: - Thiết kế và xây dựng nội dung nghiên cứu TLH	Bài báo được đăng hoặc ít nhất 24 tháng làm Giảng viên, Nghiên cứu viên, tại cơ sở GD-ĐT hoặc cơ sở NCKH, ứng dụng về TLH	Có	
4	Có bằng ThS ngành phù hợp:	Có bằng ĐH ngành TLH, TL-GD	Bài báo được đăng hoặc ít nhất	Có	

		Học bổ sung môn:	24 tháng làm Giảng viên, Nghiên cứu viên tại cơ sở GD-ĐT hoặc cơ sở NCKH, ứng dụng về TLH		
	- Khoa học giáo dục	1. Thiết kế nghiên cứu trong KHXH 2. Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý 3. Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý			
	- Công tác xã hội - Y tế công cộng - Xã hội học và Nhân học - Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài - Nhóm ngành "khác" thuộc lĩnh vực Nhân văn - Báo chí và truyền thông - Quản trị - Quản lý - Khoa học chính trị - Khu vực học - Y học - Quản lý y tế - Điều dưỡng - hộ sinh - Dược - Nhóm ngành "khác" thuộc lĩnh vực sức khỏe	1. Thiết kế nghiên cứu trong KHXH 2. Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý 3. Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý 4. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên 5. Tâm lý học trường học			
5	- Có bằng Tiến sĩ: + Khoa học giáo dục + Các ngành khác:	Có	+ Có bằng TS Khoa học giáo dục: Có bài báo được đăng phù hợp hướng nghiên cứu thể hiện trong đề cương nghiên cứu	có	Chỉ cần có bài báo liên quan
	- Công tác xã hội - Y tế công cộng - Xã hội học và Nhân học - Ngôn ngữ, Văn học và Văn hóa Việt Nam - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài	1. Thiết kế nghiên cứu trong KHXH 2. Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý 3. Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý	+ Có bằng TS các ngành khác: (1) Có bài báo được đăng phù hợp hướng nghiên cứu thể hiện trong đề		

<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh vực Nhân văn - Báo chí và truyền thông - Quản trị - Quản lý - Khoa học chính trị - Khu vực học - Y học - Quản lý y tế - Điều dưỡng – hộ sinh - Dược - Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh vực sức khỏe 		<p>cương nghiên cứu.</p>	
---	--	--------------------------	--

Các quy định khác trong quá trình đào tạo: tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ; yêu cầu về bài báo trước khi bảo vệ; những thay đổi trong quá trình đào tạo; giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ; người hướng dẫn nghiên cứu sinh; nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; trách nhiệm của nghiên cứu sinh; trách nhiệm của đơn vị chuyên môn; trách nhiệm của cơ sở đào tạo được thực hiện theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ và Quyết định số 2065/QĐ-ĐHSP ngày 29/10/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP – ĐHQĐHN về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Điều kiện tốt nghiệp

NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

- a) Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT theo qui định của trường ĐHSP – ĐHQĐHN.
- b) Luận án của NCS đã được hội đồng đánh giá luận án cấp trường đồng ý thông qua
- c) NCS đã nộp toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng cho thư viện quốc gia Việt Nam, thư viện trường ĐHSP – ĐHQĐHN theo qui định.

VII. Chiến lược giảng dạy và học tập

Nhằm giúp NCS đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Tâm lý học, trường đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và NCS lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Tâm lý học áp dụng gồm phương pháp phương pháp thuyết trình, giải quyết vấn đề

1.1. Thuyết trình: là phương pháp dạy học mà GV sử dụng ngôn ngữ để trình bày, giải thích một nội dung kiến thức (thông qua tài liệu học tập) một cách có hệ thống, logic.

1.2. Giải quyết vấn đề: Là phương pháp dạy học mà NCS được đặt vào tình huống có vấn đề (VD), được tổ chức giải quyết VD, từ đó lĩnh hội được tri thức, kỹ năng, phương pháp

nhận thức, năng lực giải quyết vấn đề.

2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến NCS mà thay vào đó, NCS được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: dạy học tình huống - Là phương pháp dạy học giải quyết vấn đề trong đó NCS được nghiên cứu, giải quyết một tình huống có thực, từ đó phân tích, bình luận, đánh giá, suy xét và trình bày ý tưởng của mình để từng bước chiếm lĩnh tri thức hay vận dụng những kiến thức đã học vào những trường hợp thực tế.

3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm:

3.1. *Tham quan - trải nghiệm thực tế*: Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại các cơ sở giáo dục, các bảo tàng, di tích lịch sử... để giúp học viên liên hệ được lí luận với thực tiễn, hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp. Phương pháp này không những giúp học viên hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho học viên sau khi tốt nghiệp.

3.2. *Thực hành - trình diễn mẫu*: phương pháp dạy học dưới sự chỉ dẫn của giảng viên, người học lặp đi lặp lại nhiều lần những hành động nhất định trong những hoàn cảnh khác nhau nhằm hình thành và phát triển những kỹ năng, kỹ xảo.

4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu học viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn học viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp học viên đạt được mục tiêu dạy học. Học viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tâm lý học áp dụng chủ yếu là: thảo luận nhóm, seminar.

4.1. *Thảo luận nhóm*: là phương pháp dạy học, trong đó GV chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Các thành viên trong nhóm đều phải làm việc, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được giao.

4.2. *Seminar*: là một hình thức tổ chức dạy học, trong đó, dưới sự điều khiển trực tiếp của GV, HV trình bày, thảo luận, tranh luận về những vấn đề khoa học có tính chuyên sâu nhất định.

5. Tự học

Được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp học viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và

điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tâm lý học áp dụng chủ yếu là tự học, nghiên cứu khoa học.

5.1. *Tự học*: là quá trình người học tác động một cách tích cực, tự lực, chủ động và sáng tạo vào đối tượng học nhằm chuyển hoá chúng thành tài sản riêng, làm cho chủ thể thay đổi và phát triển.

5.2. *Nghiên cứu khoa học*: là một hoạt động xã hội hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết hoặc phát hiện bản chất của sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới hoặc sáng tạo ra phương pháp mới và phương tiện kỹ thuật mới để cải tạo hiện thực.

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp NCS đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 5. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT

(Đánh dấu X vào ô có liên quan)

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)				
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
1	Dạy học trực tiếp					
1.1	Thuyết minh	x	x	x	x	x
1.2	Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x
2	Dạy học gián tiếp					
2.1	Dạy học tình huống	x	x		x	
3	Dạy học trải nghiệm					
3.1	Tham quan - trải nghiệm thực tế	x	x		x	
3.2	Thực hành trình diễn mẫu	x	x	x	x	
4	Dạy học tương tác					
4.1	Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x
4.2	Seminar	x	x	x	x	x
5	Học tập độc lập					
5.1	Tự học	x	x	x	x	x
5.2	Nghiên cứu khoa học	x	x	x		x

D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 4 khối kiến thức đối với CTĐT dành cho NCS có trình độ đại học; 2 khối kiến thức đối với CTĐT dành cho NCS có trình độ thạc sĩ; trong đó có các

học phần bắt buộc, học phần tự chọn (tự do) với số tín chỉ trong mỗi khối được đưa ra trong Bảng 6.

Bảng 6.1. Các khối kiến thức và số tín chỉ (dành cho NCS có trình độ cử nhân)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
I	Kiến thức chung	4	4		
II	Khối kiến thức trình độ thạc sĩ	26	26		
II	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trình độ TS	14			
1	Kiến thức bắt buộc		11		
2	Kiến thức tự chọn				3
3	Nghiên cứu khoa học và luận án	76	76		
Tổng cộng		120	117		3

Bảng 6.2. Các khối kiến thức và số tín chỉ (dành cho NCS có trình độ thạc sĩ)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số tín chỉ		
			Bắt buộc	Tự chọn	
				Bắt buộc	Tự do
II	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	14	11		3
1	Kiến thức bắt buộc		11		
2	Kiến thức tự chọn				3
3	Nghiên cứu khoa học và luận án	76			
Tổng cộng		90	87		3

II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

2.1. Khung chương trình đào tạo

a) Khung chương trình đào tạo (đối với học viên có đầu vào trình độ thạc sĩ)

T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước / tiên quyết / song hành	Khoa quản lý
			T	L	TH/T		
A		KHỐI KIẾN THỨC TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ	14	6	8		

1		Tiểu luận tổng quan	2	0	2		TL-GD-CTXH
2		Chuyên đề tiến sĩ 1	2	0	2		TL-GD-CTXH
3		Chuyên đề tiến sĩ 2	2	0	2		TL-GD-CTXH
4		Chuyên đề tiến sĩ 3	2	0	2		TL-GD-CTXH
5		Nghiên cứu định tính và định lượng trong TLH	3	2	1		TL-GD-CTXH
		<i>Học phần Tự chọn (3/15TC)</i>					TL-GD-CTXH
		<i>TLH ứng dụng trong tổ chức và quản lý</i>	3	2	1		TL-GD-CTXH
6		<i>TLH ứng dụng trong trường học</i>	3	2	1		TL-GD-CTXH
7		<i>TLH ứng dụng trong y tế</i>	3	2	1		TL-GD-CTXH
8		<i>TLH ứng dụng trong giáo dục</i>	3	2	1		TL-GD-CTXH
B	NCKH VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ		76	0	76		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			90	6	84		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			87	3	84		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			3	3	0		
<i>Ghi chú:</i>							
- Phải tích lũy tối thiểu 90 tín chỉ.							
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.							

b) Khung chương trình đào tạo (đối với học viên có đầu vào trình độ đại học)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC	LT	TH/TN		
A	KHỐI KIẾN THỨC TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ		30	30	0		
I	Kiến thức chung		3				
1		Triết học	4	3	0		

II	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành		26	24	0		
1		Thiết kế nghiên cứu trong khoa học xã hội	3	1.5	1.5		TL-GD-CTXH
2		Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý	3	2	1		TL-GD-CTXH
3		Tham vấn học đường	2	1	1		TL-GD-CTXH
4		Tâm lý học trường học	3	2	1		TL-GD-CTXH
5		Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1		TL-GD-CTXH
6		Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý	3	2	1		TL-GD-CTXH
7		Chuyên đề Tâm lý học trị liệu ứng dụng	3	2	1	TBH TE& TTN; ĐĐ NN của nhà TL	TL-GD-CTXH
8		Chuyên đề Các phương pháp đánh giá cảm xúc, hành vi trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1		TL-GD-CTXH
		Học phần tự chọn	3	3	0		TL-GD-CTXH
10		<i>Giáo dục năng lực cảm xúc xã hội cho học sinh</i>	3	2	1		TL-GD-CTXH
11		<i>Tâm lý học nhóm</i>	3	2	1		TL-GD-CTXH
12		<i>Chuyên đề xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách học sinh</i>	3	2	1	Tâm lý học trường học	TL-GD-CTXH
B	KHỐI KIẾN THỨC TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ		14	6	8		
1		Tiểu luận tổng quan	2	0	2		TL-GD-CTXH
2		Chuyên đề tiến sĩ 1	2	0	2		TL-GD-CTXH

3		Chuyên đề tiến sĩ 2	2	0	2		TL-GD-CTXH
4		Chuyên đề tiến sĩ 3	2	0	2		TL-GD-CTXH
		Nghiên cứu định tính và định lượng trong TLH	3	2	1		TL-GD-CTXH
		Học phần Tự chọn	3	3	0		TL-GD-CTXH
5		TLH ứng dụng trong tổ chức và quản lý	3	2	1		TL-GD-CTXH
6		TLH ứng dụng trong trường học	3	2	1		TL-GD-CTXH
7		TLH ứng dụng trong y tế	3	2	1		TL-GD-CTXH
8		TLH ứng dụng trong giáo dục	3	2	1		TL-GD-CTXH
C	NCKH VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ		76	0	76		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			120				
Tổng số tín chỉ bắt buộc			114				
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			6				

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ.
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

2.2. Kế hoạch đào tạo

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

(Dành cho nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ thạc sĩ)

Ngành: Tâm lý học (3 năm)

Khóa tuyển sinh:
2026

Trình độ Tiến sĩ

Hình thức đào tạo

Định hướng
nghiên cứu

Chính quy

Năm học	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
				LT	BT/TH			
					L1	L2		
1	320266010	Tiểu luận tổng quan	2	0	2		TL-GD-CTXH	
	320366014	Nghiên cứu định tính và định lượng trong TLH	3	2	1		TL-GD-CTXH	

	320266011	Chuyên đề tiến sĩ 1	2	0	2			TL- GD- CTXH
	3207666019	Nghiên cứu khoa học						TL- GD- CTXH
	3207666019	Luận án tiến sĩ						TL- GD- CTXH
		Học phần Tự chọn						
	320366015	<i>TLH ứng dụng trong tổ chức và quản lý</i>	3	2	1			TL- GD- CTXH
	320366016	<i>TLH ứng dụng trong trường học</i>	3	2	1			TL- GD- CTXH
	320366017	<i>TLH ứng dụng trong y tế</i>	3	2	1			TL- GD- CTXH
	320366018	<i>TLH ứng dụng trong giáo dục</i>	3	2	1			TL- GD- CTXH
		Tổng số tín chỉ tích lũy trong năm học	10					
2	320266012	Chuyên đề tiến sĩ 2	2	0	2			TL- GD- CTXH
	320266013	Chuyên đề tiến sĩ 3	2	0	2			TL- GD- CTXH
	3207666019	Nghiên cứu khoa học						TL- GD- CTXH
	3207666019	Luận án tiến sĩ						TL- GD- CTXH
		Tổng số tín chỉ tích lũy trong năm học	4					
3	3207666019	Nghiên cứu khoa học						TL- GD- CTXH
		Bảo vệ luận án tiến sĩ cấp bộ môn						TL- GD- CTXH
		Bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Trường	76					TL- GD- CTXH
		Tổng số tín chỉ tích lũy trong năm học	76					
		Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá	90					

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu 90 tín chỉ
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
(Dành cho nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học)

Ngành: (4 năm)

Khóa tuyển sinh: 2026

Trình độ Tiến sĩ

Hình thức đào tạo

Chính quy

Định hướng nghiên cứu

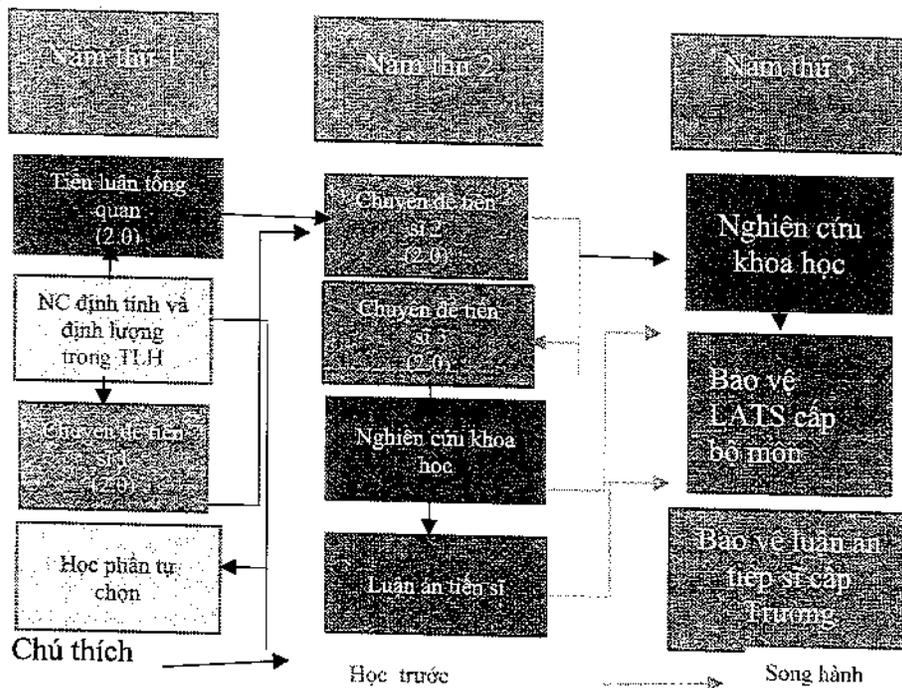
	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				HP học trước/ tiên quyết/ song hành	Khoa quản lý
			TC		LT	TH/TN		
Năm học 1		Triết học	4	3	1			
		Thiết kế và tổ chức nghiên cứu trong KHXH	3	1.5	1.5			
		Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý	3	2	1			
		Tâm lý học trường học	3	2	1			
		Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1			
		Tham vấn học đường	2	1	1			
		Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý	3	2	1			
		Chuyên đề Tâm lý học trị liệu ứng dụng	3	2	1			
		Chuyên đề Các phương pháp đánh giá cảm xúc, hành vi trẻ em và thanh thiếu niên	3	2	1			
		Học phần tự chọn						
		<i>Giáo dục năng lực cảm xúc xã hội cho học sinh</i>	3	2	1			
		<i>Tâm lý học nhóm</i>	3	2	1			
		<i>Chuyên đề xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách học sinh</i>	3	2	1			
	2		Tiểu luận tổng quan	2	0	2		
		Nghiên cứu định tính và định lượng trong TLH	3	2	1			
		Chuyên đề tiến sĩ 1	2	0	2			
		Nghiên cứu khoa học						
		Luận án tiến sĩ						
		Học phần Tự chọn						
		<i>TLH ứng dụng trong tổ chức và quản lý</i>	3	2	1			
		<i>TLH ứng dụng trong trường học</i>	3	2	1			

	TLH ứng dụng trong y tế	3	2	1		
	TLH ứng dụng trong giáo dục	3	2	1		
	Tổng số tín chỉ tích lũy trong năm học	10				
3	Chuyên đề tiến sĩ 2	2	0	2		
	Chuyên đề tiến sĩ 3	2	0	2		
	Nghiên cứu khoa học					
	Luận án tiến sĩ					
	Tổng số tín chỉ tích lũy trong năm học	4				
4	Nghiên cứu khoa học					
	Bảo vệ luận án tiến sĩ cấp bộ môn					
	Bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Trường	76				
	Tổng số tín chỉ tích lũy trong năm học	76				

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu 120 tín chỉ.
- Học phân tiên quyết là Học phân có gắn dấu *.

III. Sơ đồ lộ trình đào tạo (danh sách các học phân được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học)



V. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phân vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs) (PHỤ LỤC 3)

E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

I. Quy trình đào tạo

I. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm - ĐHQĐHN. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm 02 học kỳ chính. Theo lộ trình được thiết kế, nghiên cứu sinh được học các học phần thuộc khối kiến thức trình độ thạc sĩ (nếu có) và trình độ tiến sĩ từ học kỳ 1 đến học kỳ 4, thực hiện nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ từ học kỳ 1 đến học kỳ 6, bảo vệ luận án cấp Bộ môn và bảo vệ luận án cấp Trường vào học kỳ 7 và học kỳ 8.

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của CTĐT, tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu là 90 TC đối với nghiên cứu sinh có đầu vào thạc sĩ và 120 TC đối với nghiên cứu sinh có đầu vào trình độ đại học.

II. Cách thức và công cụ đánh giá

1. Đánh giá kết quả học tập

Cuối mỗi học kỳ, Trường sử dụng 4 tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của NCS: Khối lượng học tập đăng ký, điểm trung bình chung học kì, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy.

1.1. Khối lượng học tập đăng ký là tổng số tín chỉ của các học phần mà NCS đăng ký học trong học kì, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi;

1.2. Điểm trung bình chung học kì là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà NCS đăng ký trong học kì. Trọng số của mỗi học phần là số tín chỉ tương ứng của học phần đó;

1.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà NCS đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét;

1.4. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy được tính từ đầu khóa học

2. Đánh giá học phần

2.1. Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/ thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp, có trọng số là 50%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, thực hành, hoặc kết hợp các hình thức này.

2.2. Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần khi xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên công bố đề cương chi tiết cho NCS. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2.3. Kiểm tra giữa kì: Giảng viên phụ trách lớp học phần bố trí kiểm tra giữa kì trong buổi học của lớp học phần, theo kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Tùy theo yêu cầu của học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá của từng giảng viên, mà mỗi học phần sẽ có các cột điểm và trọng số như sau:

- + Điểm quá trình (không bắt buộc): 0,2
- + Điểm Giữa kỳ (bắt buộc): 0,3
- + Điểm Cuối kỳ (bắt buộc): 0,5
- Điểm đạt: từ 6,5 trở lên

2.4. Thi kết thúc học phần

- NCS vắng quá 20% thời gian học của lớp học phần thì giảng viên dạy lớp học phần có thể xem xét quyết định không cho dự thi kết thúc học phần.

- Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục ban hành; phải đảm bảo thời gian ôn thi bình quân ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

3. Phương pháp đánh giá học phần

Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá sau:

- *Đánh giá chuyên cần*: Đánh giá ý thức học tập chuyên cần và tính độc lập, sáng tạo của người học (điểm danh sự có mặt của người học, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài của người học trên lớp).

- *Đánh giá bài tập*: Đánh giá mức độ hoàn thành của NCS đối với các bài tập được giảng viên giao liên quan đến bài học ở trong và sau giờ lên lớp. Những bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và cho điểm trên cơ sở những tiêu chí đã được thông báo từ trước.

- *Nhóm phương pháp kiểm tra viết*: Phương pháp kiểm tra viết gồm bài kiểm tra dạng tự luận và kiểm tra viết dạng trắc nghiệm khác quan.

Đối với phương pháp kiểm tra viết Tự luận, NCS được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hoặc ý kiến cá nhân về các câu hỏi liên quan đến các yêu cầu tiêu chuẩn của học phần, khóa học. Phương pháp kiểm tra này được chia thành hai loại: Bài luận dài và Bài luận ngắn.

Đối với phương pháp kiểm tra Trắc nghiệm khách quan, NCS trả lời các loại hình câu hỏi hoặc bài tập mà các phương án trả lời đã có sẵn hoặc nếu NCS viết câu trả lời thì câu trả lời phải là câu ngắn và chỉ duy nhất có một cách viết đúng.

- *Đánh giá thí nghiệm/ thực hành*: NCS được đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ thảo luận và chia sẻ; mức độ thực hiện đúng các thao tác, quy trình; kết quả thực hành/ thí nghiệm; Báo cáo thực hành/ thí nghiệm.

- *Đánh giá Thuyết trình*: NCS được yêu cầu làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm và thuyết trình kết quả trước các NCS khác. Hoạt động này ngoài đánh giá mức độ đạt được của NCS về những kiến thức chuyên biệt còn đánh giá được mức độ phát triển các kỹ năng như giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm. Các học phần được xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoặc rubrics tương ứng với các chuẩn đầu ra học phần.

- *Đánh giá Vấn đáp*:

NCS được đánh giá thông qua các cuộc phỏng vấn, câu hỏi và câu trả lời trực tiếp. Phương pháp này được sử dụng trong một số khóa học để đánh giá năng lực tổng thể của NCS bao gồm kiến thức và kỹ năng giao tiếp, thuyết trình. Các học phần sử dụng các rubrics vấn đáp để đánh giá nhằm đảm bảo tính chính xác và công bằng đối với người học.

- Đánh giá Tiểu luận/ Bài tập lớn:

Tiểu luận là viết báo cáo về một vấn đề của một môn học hay một vấn đề thực tiễn của một đơn vị nào đó nhằm để rút ra những kết luận, những đóng góp ý kiến, những đề xuất giải pháp để có thể thực hiện hay cải tiến được vấn đề đã nêu ra. Đánh giá tiểu luận bao gồm đánh giá về Cấu trúc, Nội dung, Kết luận và Hình thức trình bày.

- Đánh giá Sản phẩm:

Phương pháp đánh giá kết quả học tập thông qua các sản phẩm của người học đã thực hiện được, thể hiện qua việc xây dựng, sáng tạo, thể hiện ở việc hoàn thành được công việc một cách có hiệu quả. Các tiêu chí và tiêu chuẩn để đánh giá sản phẩm là rất đa dạng. Đánh giá sản phẩm được dựa trên ngữ cảnh cụ thể của hiện thực.

- Đánh giá Luận án tốt nghiệp:

Đánh giá Luận án tốt nghiệp dựa trên các tiêu chí về Hình thức báo cáo; Chất lượng báo cáo; Chất lượng bảo vệ. Các nội dung đánh giá được xác định các tiêu chí cụ thể theo các rubrics đánh giá. Đánh giá Luận án tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng chấm đánh giá Luận án cấp Trường do Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập. Số thành viên của hội đồng là 7 người, trong đó có Chủ tịch và Thư ký, 03 Phản biện và các Ủy viên

4. Cách tính điểm học phần

4.1. Điểm đánh giá học phần đối với các học phần bổ sung: bao gồm Đánh giá quá trình và đánh giá cuối kì. Điểm đánh giá bộ phận (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra giữa kì, bài tập, tiểu luận...) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân. Trong đó:

- Đối với các học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, học phần thực tập thực tế: Điểm học phần bao gồm Điểm bộ phận 1 (Bài tập ngắn trên lớp, chuyên cần, tiểu luận, thực hành...) với trọng số là 0,1; Điểm bộ phận 2 (Điểm tiểu luận, thực hành...) với trọng số là 0,1; Điểm kiểm tra giữa kỳ (bắt buộc) với trọng số là 0,3 và Điểm thi kết thúc học phần (bắt buộc) với trọng số là 0,5. Tùy theo từng học phần các trọng số Điểm bộ phận 1, 2 có thể thay đổi cho phù hợp.

- Đối với các học phần đồ án môn học, bài tập lớn: Điểm học phần bao gồm Điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn với trọng số 0,2; Điểm đánh giá tinh thần thái độ làm việc với trọng số 0,2; Điểm bảo vệ với trọng số 0,6.

4.2. Điểm đánh giá học phần đối với các học phần NCS là điểm thi/vấn đáp kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân.

4.3. Điểm đánh giá học phần chuyên đề và tiểu luận tổng quan là điểm trung bình cộng của 03 thành viên trong hội đồng và được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân.

4.4. Đối với Luận án: Hội đồng đánh giá luận án bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn.

F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Tiểu luận tổng quan	<p>Học phần Tiểu luận Tổng quan là công trình học thuật mang tính nền tảng, thực hiện việc truy xuất, phân tích phê phán và tổng hợp hệ thống các tri thức hiện có, nhằm minh định các luận điểm lý thuyết chủ đạo và các vấn đề học thuật trong lĩnh vực chuyên sâu của đề tài. Học phần có mục đích giúp cho nghiên cứu sinh sử dụng tư duy phản biện cấp độ cao, xác định rõ ràng khoảng trống nghiên cứu, thiết lập nền tảng lý luận vững chắc, thông qua các quy trình: truy xuất tài liệu có hệ thống, phân tích đánh giá phê phán, và tổng hợp tri thức, từ đó lập luận một cách khoa học cho sự cần thiết và tính mới của Luận án Tiến sĩ.</p>
2	Chuyên đề tiến sĩ 1	<p>Chuyên đề tiến sĩ 1: “Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu” giúp nghiên cứu sinh xây dựng nền tảng lý luận vững chắc cho đề tài luận án tiến sĩ Tâm lý học. Chuyên đề tập trung vào việc xác định, phân tích và hệ thống hóa các lý thuyết, mô hình, trường phái tâm lý học liên quan đến vấn đề nghiên cứu; qua đó hình thành khung lý thuyết, giả thuyết và hướng tiếp cận của đề tài. Học phần đóng vai trò nền tảng, làm cơ sở cho các chuyên đề tiếp theo về phương pháp và kết quả nghiên cứu, đồng thời góp phần phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện và đạo đức học thuật cho nghiên cứu sinh.</p>
3	Chuyên đề tiến sĩ 2	<p>Chuyên đề tiến sĩ 2: “Tổ chức và phương pháp nghiên cứu” trang bị cho nghiên cứu sinh (NCS) các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tổ chức và triển khai nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tâm lý học ở cấp độ Tiến sĩ, đặc biệt là các phương pháp và thiết kế nghiên cứu phức tạp. Học phần tập trung vào quy trình xác định vấn đề, lập kế hoạch nghiên cứu chi tiết, lựa chọn và vận dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và hỗn hợp tiên tiến. Đồng thời, NCS được hướng dẫn về đạo đức nghiên cứu, quản lý dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu chuyên sâu và kỹ năng báo cáo khoa học. Học phần đóng vai trò nền tảng, trực tiếp phục vụ việc triển khai và hoàn thành luận án Tiến sĩ của NCS.</p>
4	Chuyên đề tiến sĩ 3	<p>Chuyên đề tiến sĩ 3 - Kết quả nghiên cứu trang bị cho nghiên cứu sinh (NCS) các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tâm lý học ở cấp độ Tiến sĩ. Học phần nhằm giúp NCS trình bày, phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ đề tài luận án tiến sĩ Tâm lý học. Nội dung tập trung vào việc hoàn thiện hệ thống dữ liệu, xử lý và diễn giải kết quả nghiên cứu theo hướng đảm bảo độ tin cậy, tính giá trị và tính khoa học của nghiên cứu. Học phần tạo cơ hội</p>

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		cho NCS trao đổi học thuật, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phân biện và kỹ năng trình bày khoa học.
5	Nghiên cứu định tính và định lượng trong TLH	Học phần gồm 4 chương, hướng đến tổ chức cho người học nhận thức những vấn đề cốt lõi về phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng trong tâm lý học. Ngoài phần giới thiệu tổng thể về hai loại phương pháp nghiên cứu, học phần tập trung tổ chức cho người học nghiên cứu và thực hành các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng trong tâm lý học.
6	TLH ứng dụng trong tổ chức và quản lý	Học phần gồm 5 chương, hướng đến tổ chức cho người học nhận thức những vấn đề cốt lõi về tâm lý học ứng dụng trong quản lý. Các nội dung chính của học phần tập trung làm rõ những phương diện ứng dụng của tâm lý học trong quản lý, bao gồm vấn đề tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý.
7	TLH ứng dụng trong trường học	Chuyên đề Tâm lý học ứng dụng trong trường học là chuyên đề tự chọn trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tâm lý học thể hiện kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu và thực tiễn của các hoạt động ứng dụng tâm lý học trong trường học: Sàng lọc, đánh giá các vấn đề tâm lý trong trường học; Tư vấn và hỗ trợ tâm lý trong trường học; Kết nối nguồn lực xây dựng hoạt động tâm lý trong trường học; Phát triển toàn diện nhân cách người học.
8	TLH ứng dụng trong y tế	Tâm lý học ứng dụng trong y tế gồm 5 chương cung cấp kiến thức về các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến sức khỏe, bệnh lý và quá trình điều trị. Học phần giúp học viên phát triển kỹ năng vận dụng tâm lý học vào thực hành y tế, đặc biệt trong chăm sóc sức khỏe của nhân viên y tế và hỗ trợ bệnh nhân. Thông qua đó, người học hiểu rõ vai trò của tâm lý học trong chăm sóc sức khỏe toàn diện, từ công tác phòng ngừa đến phục hồi chức năng.
9	TLH ứng dụng trong giáo dục	Học phần gồm 5 chương, hướng đến tổ chức cho người học nhận thức những vấn đề cốt lõi về tâm lý học ứng dụng trong giáo dục. Các nội dung chính của học phần tập trung làm rõ những phương diện ứng dụng của tâm lý học trong giáo dục.

G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ghi chú: Sử dụng mẫu Đề cương chi tiết theo quy định tại PHỤ LỤC 1 (Đưa vào phụ lục 1, sắp xếp Đề cương chi tiết theo thứ tự của mẫu Khung CTĐT)

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cập nhật chương trình đào tạo

Hàng năm, Trường Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng và theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 22/6/2021.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

II. Đánh giá chương trình đào tạo

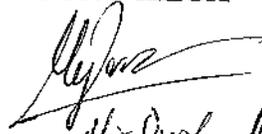
Ít nhất 4 năm một lần, Trường đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm và theo Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 17/02/2025.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá./.

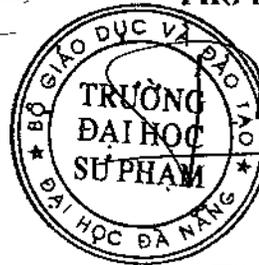
TRƯỞNG NGÀNH

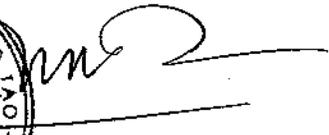

Trương Chí Châu Diên

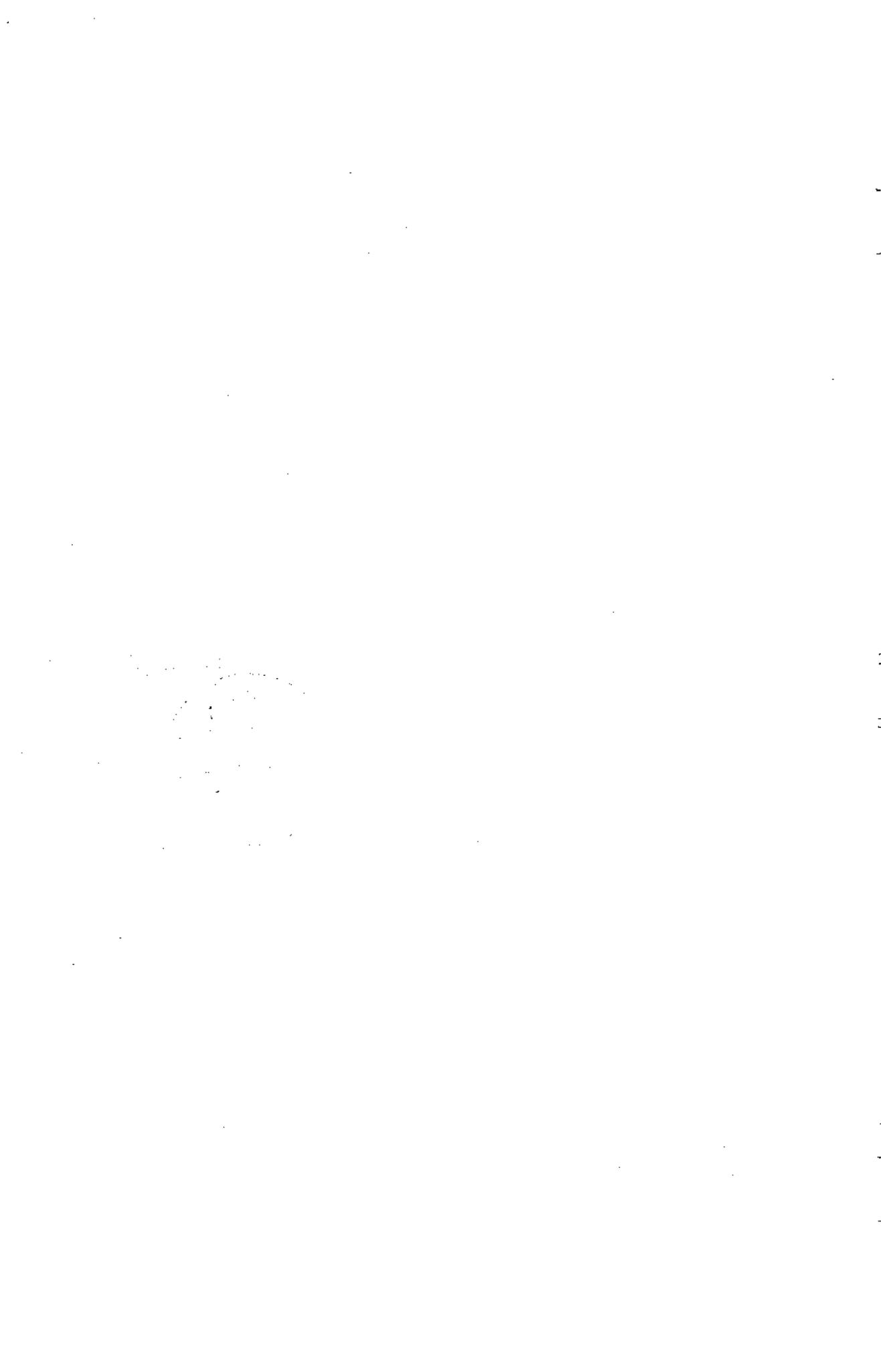
TRƯỞNG KHOA


Lê Mỹ Dung

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




TS. Phan Đức Tuấn



phần có mục đích giúp cho nghiên cứu sinh sử dụng tư duy phân biện cấp độ cao, xác định rõ ràng khoảng trống nghiên cứu, thiết lập nền tảng lý luận vững chắc, thông qua các quy trình: truy xuất tài liệu có hệ thống, phân tích đánh giá phê phán, và tổng hợp tri thức, từ đó lập luận một cách khoa học cho sự cần thiết và tính mới của Luận án Tiến sĩ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho Nghiên cứu sinh năng lực học thuật toàn diện để thực hiện quá trình tổng quan tài liệu một cách có hệ thống và phê phán, qua đó định vị luận án một cách khoa học, xác định cơ sở lý luận thực nghiệm vững chắc, và luận giải thuyết phục về sự đóng góp tri thức mới của đề tài trong bối cảnh tâm lý học toàn cầu.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Thực hiện thành thạo việc tìm kiếm và phân loại tài liệu có hệ thống theo chuẩn mực quốc tế.

CO2: Thực hiện phân tích phê phán sâu sắc, nhận diện rõ ràng giới hạn phương pháp luận và luận điểm quan trọng trong các công trình hiện hành.

CO3: Tổng hợp tri thức để xác định tường minh khoảng trống nghiên cứu.

CO4: Trình bày Tiểu luận Tổng quan với cấu trúc logic chặt chẽ, lập luận khoa học, và tuân thủ hoàn toàn quy chuẩn trích dẫn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Thực hiện được các bước tìm kiếm và phân loại tài liệu có hệ thống để xây dựng kho tài liệu chuyên sâu cho đề tài luận án.
CLO2	Phân tích được các công trình nghiên cứu hiện có, nhận diện rõ ràng hạn chế và mâu thuẫn học thuật trong lĩnh vực nghiên cứu.
CLO3	Tổng hợp được các thông tin ở tài liệu để xác định và luận giải khoảng trống nghiên cứu làm cơ sở cho luận án.
CLO4	Xây dựng và trình bày một bản Tiểu luận Tổng quan hoàn chỉnh với cấu trúc học thuật chặt chẽ, lập luận khoa học, và tuân thủ tuyệt đối quy tắc trích dẫn chuyên ngành.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	M				
CLO2		R			
CLO3			R		
CLO4				R	R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của nghiên cứu sinh được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1. Báo cáo chuyên đề (cá nhân)	P1. Cuốn báo cáo và trình bày trước người hướng dẫn	Theo quy định GVHD	W1		CLO 1,2,3,4
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2. Báo cáo chuyên đề tiến sĩ	P2. Báo cáo trước tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ; Hỏi & Đáp	Theo quy định của Trường	W2	W2 100%	CLO 1,2,3,4

Nhiệm vụ của nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia 100% số tiết tự học;
- Tham gia các hoạt động nghiên cứu theo qui định của học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên hướng dẫn để hoàn thành báo cáo;
- Báo cáo kết quả nghiên cứu trước Tiểu ban đánh giá.

6.2. Rubric đánh giá

- Đánh giá giữa kỳ: theo quy định của giảng viên hướng dẫn.
- Đánh giá cuối kỳ: theo quy định của Trường về đánh giá chuyên đề tiến sĩ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH/TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	- Giới thiệu chuyên đề - Hướng dẫn học viên cách thu thập, phân loại tài liệu liên quan.	0/5	- Thuyết trình hướng dẫn thực hiện chuyên đề - Hướng dẫn tìm kiếm các	- Tìm kiếm, nghiên cứu các tài liệu liên quan - Xây dựng lộ trình thực hiện	A1.1, A1.2	CLO 1, 2

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	Hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm quản lý tham khảo phục vụ việc thu thập thông tin - Lập kế hoạch và đề cương của chuyên đề		tài liệu liên quan - Hướng dẫn lập kế hoạch đề cương nghiên cứu	và đề cương nghiên cứu		
2-3	Hướng dẫn học viên truy xuất dữ liệu và phân tích nguồn dữ liệu	0/10	Hướng dẫn kỹ thuật phân tích, đánh giá phê phán (đánh giá tính hợp lệ, độ tin cậy của phương pháp luận), và tổ chức ma trận tổng hợp tài liệu.	Trình bày/Phản biện kết quả truy xuất và ma trận tổng hợp ban đầu trước GVHD Tập báo cáo chuyên đề tổng quan	A1.1, A1.2	CLO 1, 2
4-5	Tổng hợp Tri thức và Định vị Luận án	0/10	Hướng dẫn kỹ thuật Tổng hợp Tri thức, nhạy bén, sáng tạo: tìm kiếm mâu thuẫn/khác biệt, mới mẻ trong học thuật, xác định khoảng trống nghiên cứu.	Lập bản đồ tài liệu để thuận tiện cho việc tổng hợp, định vị tri thức và chọn lọc Trình bày/thảo luận chuyên sâu về Khoảng trống Nghiên cứu và tính mới của đề tài	A1.1, A1.2	CLO 3, 4

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
			- Hướng dẫn xây dựng Khung lý thuyết/Khái niệm.			
6	Hoàn thiện Cấu trúc và Bảo vệ Chuyên đề	0/5	Hướng dẫn cấu trúc lần cuối về Tiểu luận Tổng quan; về khoảng trống và Đóng góp Tri thức - Hướng dẫn chuẩn bị cho phần Hỏi & Đáp khi báo cáo với Hội đồng	Hoàn thiện bản thảo cuối cùng và chuẩn bị slide trình bày	A2	CLO 1, 2,3,4

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Hoàng Mộc Lan	2013	Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học	NXB ĐHQGHN
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Văn Tuấn	2024	Đi vào nghiên cứu khoa học	NXB Tổng hợp TP HCM
3	Vũ Cao Đàm	2025	Phương pháp luận Nghiên cứu khoa học	NXB Khoa học & Kỹ thuật

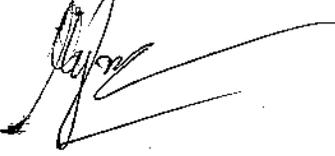
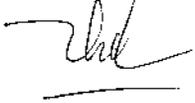
8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	A typology of reviews: An analysis of 14 review types and associated methodologies.	Grant, M. J., & Booth, A. (2009). <i>Health Information & Libraries Journal</i> , 26(2), 91–108. https://doi.org/10.1111/j.1471-1842.2009.00848.x	2009
2	Framework for Identifying Research Gaps for Future Academic Research	Ragneel Chand (2023), <i>IRA International Journal of Education and Multidisciplinary Studies</i> . 19, tr. 160, 10.21013/jems.v19.n2.p12	2023
3	How to write a good scientific review article.	Dhillon P. (2022). <i>The FEBS journal</i> , 289(13), 3592–3602. https://doi.org/10.1111/febs.16565	2022
4	Undertaking a literature review: a step-by-step approach.	Cronin, P., Ryan, F., & Coughlan, M. (2008).. <i>British journal of nursing (Mark Allen Publishing)</i> , 17(1), 38–43. https://doi.org/10.12968/bjon.2008.17.1.28059	2008
5	Issues in methodological research: perspectives from researchers and commissioners	Cronin, P., Ryan, F., & Coughlan, M. (2008). <i>British journal of nursing (Mark Allen Publishing)</i> , 17(1), 38–43. https://doi.org/10.12968/bjon.2008.17.1.28059	2008
6	How to write a good scientific review article.	Dhillon P. (2022). <i>The FEBS journal</i> , 289(13), 3592–3602. https://doi.org/10.1111/febs.16565	2022
7	A guide to writing a review article for novice researchers	Saputra, H., Saputra, B., & Ginting, D. A. . (2024).. <i>American Journal of STEM Education</i> , 3, 43-58. https://doi.org/10.32674/bc8knf91	2024

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 11 năm 2025

<p>Trưởng khoa</p>  <p>PGS.TS. Lê Mỹ Dung</p>	<p>Trưởng ngành</p>  <p>PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu</p>	<p>Giảng viên biên soạn</p>  <p>PGS.TS. Nguyễn Thị Hằng Phương</p>
--	---	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TL-GD-CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên đề tiến sĩ 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Doctoral Dissertation Chapter 1: Theoretical Framework of the Research Problem
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	02
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0
-	Bài tập/Thảo luận:	30
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	60
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Giảng viên hướng dẫn luận án 1
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên hướng dẫn luận án 2
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên đề tiến sĩ 1: “Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu” giúp nghiên cứu sinh xây dựng nền tảng lý luận vững chắc cho đề tài luận án tiến sĩ Tâm lý học. Chuyên đề tập trung vào việc xác định, phân tích và hệ thống hóa các lý thuyết, mô hình, trường phái tâm lý học liên quan đến vấn đề nghiên cứu; qua đó hình thành khung lý thuyết, giả thuyết và hướng tiếp cận của đề tài. Học phần đóng vai trò nền tảng, làm cơ sở cho các chuyên đề tiếp theo về phương pháp và kết quả nghiên cứu, đồng thời góp phần phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phân biện và đạo đức học thuật cho nghiên cứu sinh.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Giúp nghiên cứu sinh vận dụng kiến thức tâm lý học hiện đại và chuyên sâu để xác định, phân tích và xây dựng cơ sở lý luận khoa học cho vấn đề nghiên cứu, góp phần phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Tâm lý học.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Hiểu và trình bày được các lý thuyết, mô hình, trường phái tâm lý học liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

CO2: Phân tích, đánh giá và tổng hợp các quan điểm lý thuyết hiện đại.

CO3: Xây dựng khung lý thuyết, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu cho đề tài luận án tiến sĩ.

CO4: Viết, trình bày và bảo vệ báo cáo chuyên đề đảm bảo tính học thuật, đạo đức và chuẩn mực nghiên cứu.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Cập nhật và trình bày được tri thức hiện đại, chuyên sâu và liên ngành liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu
CLO2	Phân tích, đánh giá và tổng hợp các quan điểm lý thuyết hiện đại.
CLO3	Thiết kế và phát triển khung lý thuyết, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu phù hợp với luận án.
CLO4	Thực hiện báo cáo chuyên đề và bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách học thuật, có đạo đức và trách nhiệm

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	R				

CLO2		M			
CLO3			R		
CLO4				R	R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của nghiên cứu sinh được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1. Báo cáo chuyên đề (cá nhân)	P1. Cuốn báo cáo và trình bày trước người hướng dẫn	Theo quy định GVHD	W1		CLO 1,2,3,4
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2. Báo cáo chuyên đề tiến sĩ	P2. Báo cáo trước tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ; Hỏi & Đáp	Theo quy định của Trường	W2	W2 100%	1,2,3,4

Nhiệm vụ của nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia 100% số tiết tự học;
- Tham gia các hoạt động nghiên cứu theo qui định của học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên hướng dẫn để hoàn thành báo cáo;
- Báo cáo kết quả nghiên cứu trước Tiểu ban đánh giá.

6.2. Rubric đánh giá

- Đánh giá giữa kỳ: theo quy định của giảng viên hướng dẫn.
- Đánh giá cuối kỳ: theo quy định của Trường về đánh giá chuyên đề tiến sĩ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1	- Giới thiệu chuyên đề;	0/5	- Thuyết trình giới thiệu chuyên đề;	- Tìm kiếm, thu thập, phân tích tài liệu liên quan;	A1.1, A1.2	CLO 1, 2

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	- Hướng dẫn thu thập, phân tích tài liệu. - Lập đề cương lý thuyết		- Hướng dẫn phương pháp tra cứu, thu thập, phân tích tài liệu; - Hướng dẫn lập đề cương lý thuyết luận án	- Lập đề cương lý thuyết cho luận án		
Tuần 2	- Hướng dẫn thiết kế và phát triển khung lý thuyết cho luận án	0/5	- Hướng dẫn thiết kế và phát triển khung lý thuyết cho luận án	Thiết kế và phát triển khung lý thuyết cho luận án	A1.1, A1.2	CLO 1, 2,3,4
Tuần 3-8	- Triển khai thực hiện các nội dung trong đề cương lý thuyết	30 (tự học)	Hướng dẫn thực hiện các nội dung trong đề cương lý thuyết	Thực hiện và báo cáo kết quả nghiên cứu		
Tuần 9-10	Viết và trình bày báo cáo giữa kỳ	0/10	Nhận xét, đánh giá báo cáo; Góp ý, chỉnh sửa khung lý thuyết.	Báo cáo nội dung thực hiện, giải đáp các vấn đề nêu ra của người hướng dẫn; Chỉnh sửa khung lý thuyết.	A1.1, A1.2	CLO 1,2,3, 4

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 11-16	- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung trong đề cương lý thuyết	30 (tự học)	Hướng dẫn thực hiện các nội dung trong đề cương	Thực hiện và báo cáo kết quả nghiên cứu	A1.1, A1.2	CLO 1,2,3, 4
Tuần 17-18	Viết và hoàn thiện báo cáo chuyên đề 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu	0/10	Nhận xét, góp ý và chỉnh sửa báo cáo;	Viết và hoàn thiện báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của học phần	A1.1, A1.2	CLO 1,2,3, 4
Tuần 19-20	Đánh giá chuyên đề tiến sĩ 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu		Tiểu ban Chuyên môn chấm điểm báo cáo chuyên đề tiến sĩ	Nghiên cứu sinh trình bày báo cáo và trả lời câu hỏi trước Tiểu ban	A1.1, A1.2	CLO 1,2,3, 4

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	John W. Creswell & J. David Creswell	2023	Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches	SAGE Publications
Sách, giáo trình tham khảo				
2	APA	2020	Publication Manual of the American Psychological Association (7th Ed.)	APA
3	G. Lindzey & E. Aronson (Eds.)		Handbook of Social Psychology	McGraw-Hill

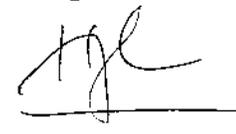
8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ	https://www.apa.org	17/10/2025
2	CSDL học thuật quốc tế	https://scholar.google.com	17/10/2025
3	Cổng truy cập nguồn tin điện tử – VISTA / STD (Cơ sở dữ liệu công bố KH&CN Việt Nam)	https://db.vista.gov.vn/users/login.html	17/10/2025

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học Sau đại học	Máy chiếu, Internet	01	Hướng dẫn, trình bày, thảo luận

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS. Lê Mỹ Dung	Trưởng ngành  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS. Hoàng Thế Hải
---	--	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TL-GD-CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Doctoral Dissertation Chapter 2: Research Organization and Methodology
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	02
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0
-	Bài tập/Thảo luận:	30
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	60
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Giảng viên hướng dẫn luận án 1
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên hướng dẫn luận án 2
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên đề tiến sĩ 2: “Tổ chức và phương pháp nghiên cứu” trang bị cho nghiên cứu sinh (NCS) các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tổ chức và triển khai nghiên cứu khoa học trong

lĩnh vực tâm lý học ở cấp độ Tiến sĩ, đặc biệt là các phương pháp và thiết kế nghiên cứu phức tạp. Học phần tập trung vào quy trình xác định vấn đề, lập kế hoạch nghiên cứu chi tiết, lựa chọn và vận dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính và hỗn hợp tiên tiến. Đồng thời, NCS được hướng dẫn về đạo đức nghiên cứu, quản lý dữ liệu lớn, phân tích dữ liệu chuyên sâu và kỹ năng báo cáo khoa học. Học phần đóng vai trò nền tảng, trực tiếp phục vụ việc triển khai và hoàn thành luận án Tiến sĩ của NCS.

3. Mục tiêu học phần

a. Mục tiêu chung

Trang bị cho NCS khả năng tổ chức, lập kế hoạch, và độc lập triển khai một công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu, bài bản theo đúng quy chuẩn quốc tế và chuyên ngành, đảm bảo tính khoa học, đạo đức và khả thi của luận án Tiến sĩ Tâm lý học.

b. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Phân tích và đánh giá được các thiết kế nghiên cứu và lựa chọn thiết kế phù hợp nhất cho đề tài luận án.

CO2: Xây dựng được đề cương nghiên cứu chi tiết cho đề tài luận án theo chuẩn khoa học.

CO3: Áp dụng thành thạo các kỹ thuật phân tích dữ liệu chuyên sâu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Phân tích và tổng hợp được cơ sở lý luận, các mô hình/lý thuyết chuyên ngành có liên quan để đặt vấn đề nghiên cứu
CLO2	So sánh, đánh giá được các thiết kế nghiên cứu và các phương pháp phân tích dữ liệu khả thi để đạt được mục tiêu luận án
CLO3	Trình bày và bảo vệ được lý do lựa chọn thiết kế nghiên cứu và phương pháp phân tích, đảm bảo tính khoa học và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu Tâm lý học.
CLO4	Thực hiện được các bước thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu chuyên sâu, độc lập giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai nghiên cứu
CLO5	Tổng hợp, viết báo cáo khoa học chuyên đề tổ chức và phương pháp nghiên cứu rõ ràng, logic, đáp ứng yêu cầu của một chuyên đề tiến sĩ.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	R				

CLO2		M			
CLO3			R	R	
CLO4			R		
CLO5			R		R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của nghiên cứu sinh được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1. Báo cáo chuyên đề (cá nhân)	P1. Cuốn báo cáo và trình bày trước người hướng dẫn	Theo quy định GVHD	W1		CLO 1,2,3,4,5
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2. Báo cáo chuyên đề tiến sĩ	P2. Báo cáo trước tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ; Hỏi & Đáp	Theo quy định của Trường	W2	W2 100%	1,2,3,4,5

Nhiệm vụ của nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia 100% số tiết tự học;
- Tham gia các hoạt động nghiên cứu theo qui định của học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên hướng dẫn để hoàn thành báo cáo;
- Báo cáo kết quả nghiên cứu trước Tiểu ban đánh giá.

6.2. Rubric đánh giá

- Đánh giá giữa kỳ: theo quy định của giảng viên hướng dẫn.
- Đánh giá cuối kỳ: theo quy định của Trường về đánh giá chuyên đề tiến sĩ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH/TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1 Đặt vấn đề và Mục tiêu	- Giới thiệu chuyên đề; - Hướng dẫn đặt vấn đề và	0/5	- Thuyết trình giới thiệu chuyên đề;	- Tìm kiếm, thu thập, phân tích tài liệu liên quan;	A1.1, A1.2	CLO 1

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	mục tiêu của chuyên đề.		- Hướng dẫn giới thiệu tóm tắt chủ đề luận án, nêu lý do cần tiến hành chuyên đề, và xác định mục tiêu của chuyên đề	- Xây dựng phần Đặt vấn đề và Mục tiêu		
Tuần 2 Thiết kế nghiên cứu và Phương pháp thực hiện	- Hướng dẫn thiết kế nghiên cứu	0/5	- Hướng dẫn phân tích cơ sở lý luận và các bước thực hiện để lựa chọn thiết kế nghiên cứu hoặc phương pháp phân tích phù hợp.	Nghiên cứu chuyên sâu về các mô hình/thiết kế nghiên cứu khác nhau có thể áp dụng cho đề tài luận án.	A1.1, A1.2	CLO 2
Tuần 3 Báo cáo giữa kỳ đề cương chi tiết chuyên đề	Nhận xét, đánh giá đề cương chi tiết chuyên đề	0/5	Nhận xét, đánh giá đề cương chi tiết tập trung vào các lựa chọn phương pháp nghiên cứu ban đầu.	Thực hiện và báo cáo đề cương và chỉnh sửa.	A1.1, A1.2	CLO 1, 2,3
Tuần 4 Kết quả và Bàn luận (Lựa chọn	Hướng dẫn so sánh các phương pháp/thiết kế	0/5	Hướng dẫn so sánh các phương pháp/thiết kế	Triển khai viết phần Kết quả và Bàn luận, tập trung vào	A1.1, A1.2	CLO 3, 4

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
& Bảo vệ phương pháp)	nghiên cứu, phân tích các lý do lựa chọn thiết kế, bàn luận về ưu điểm/hạn chế của phương pháp đã chọn.		nghiên cứu có thể sử dụng. Hướng dẫn phân tích các lý do lựa chọn thiết kế nghiên cứu/phương pháp phân tích chính thức cho Luận án. Hướng dẫn bàn luận về ưu điểm/hạn chế của phương pháp đã chọn.	tính nhất quán giữa phương pháp và mục tiêu nghiên cứu		
Tuần 5 Viết và Hoàn thiện Báo cáo	Hướng dẫn viết phần Kết luận	0/5	Hướng dẫn viết kết luận tóm tắt những kết luận chính theo mục tiêu và định dạng Tài liệu tham khảo (APA). -Nhận xét bản nháp báo cáo.	Hoàn thiện bản báo cáo chuyên đề	A1.1, A1.2	CLO 5
Tuần 6	Đánh giá Chuyên đề Tiến sĩ	0/5	Tiểu ban chuyên môn chấm điểm báo cáo chuyên đề tiến sĩ.	NCS trình bày báo cáo và trả lời câu hỏi trước Tiểu ban.	A1.1, A1.2	CLO 3, 4,5

8. Tài liệu học tập

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	John W. Creswell & David Creswell	2023	Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches	SAGE Publications
2	Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên)	2022	Vận dụng phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu: Từ hình thành ý tưởng đến phát hiện khoa học	NXB Khoa học xã hội
3	Hoàng Mộc Lan	2013	Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học	NXB ĐHQGHN
Sách, giáo trình tham khảo				
4	APA	2020	Publication Manual of the American Psychological Association (7th Ed.)	APA
5	Nguyễn Văn Tuấn	2018	Cẩm nang nghiên cứu khoa học- Từ ý tưởng đến công bố	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh
6	Nancy L. Leech	2005	SPSS for Intermediate Statistics: Use and Interpretation	Lawrence Erlbaum Associates.
7	Dennis Howitt, Duncan Cramer	2008	Statistics in Psychology	Prentice Hall
8	Creswell, J. W.	2003	Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (2nd.edition)	ThousandOaks,CA:Sage
9	John J. Shaughnessy	2003	Research Methods in Psychology	Mc Graw Hill

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

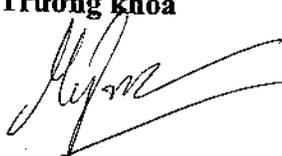
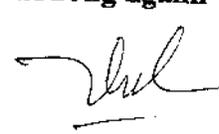
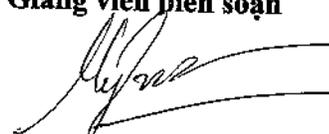
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ	https://www.apa.org	9/10/2025
2	CSDL học thuật quốc tế	https://scholar.google.com	9/10/2025
3	Cổng truy cập nguồn tin điện tử – VISTA / STD (Cơ	https://db.vista.gov.vn/users/login.html	9/10/2025

	sở dữ liệu công bố KH&CN Việt Nam)		
4	Tâm lý học, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục	UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education (jshe.vn)	9/10/2025
5	Tâm lý học, Giáo dục học	Hệ thống thông tin KHCN - Trường ĐHSP Hà Nội (hnue.edu.vn)	9/10/2025
6	Tâm lý học, Khoa học xã hội và nhân văn	http://tckh.hcmup.edu.vn/	9/10/2025

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học Sau đại học	Máy chiếu, Internet	01	Hướng dẫn, trình bày, thảo luận
2	Phòng Thực hành nghiên cứu và chẩn đoán tâm lý	Máy chiếu, máy tính kết nối mạng tốc độ cao		Thảo luận chuyên đề, Báo cáo, Seminar
3	Phòng Máy tính/Phòng Phân tích dữ liệu	Phần mềm chuyên dụng (SPSS, AMOS, R, NVivo)		Phân tích và xử lý dữ liệu chuyên sâu

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS. Lê Mỹ Dung	Trưởng ngành  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS. Lê Mỹ Dung
---	--	--

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TL-GD-CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Doctoral Dissertation Chapter 3: Research Findings
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	02
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	0
-	Bài tập/Thảo luận:	30
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	60
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	Giảng viên hướng dẫn luận án 1
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Giảng viên hướng dẫn luận án 2
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên đề tiến sĩ 3 - Kết quả nghiên cứu trang bị cho nghiên cứu sinh (NCS) các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về cách trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tâm lý học ở cấp độ Tiến sĩ. Học phần nhằm giúp NCS trình bày, phân tích và thảo luận kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ đề tài luận án tiến sĩ Tâm lý học. Nội dung tập trung vào việc hoàn

thiện hệ thống dữ liệu, xử lý và diễn giải kết quả nghiên cứu theo hướng đảm bảo độ tin cậy, tính giá trị và tính khoa học của nghiên cứu. Học phần tạo cơ hội cho NCS trao đổi học thuật, qua đó nâng cao năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện và kỹ năng trình bày khoa học.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần giúp NCS hoàn thiện, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ tâm lý học một cách khoa học, có hệ thống; phát triển năng lực nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện và kỹ năng trình bày kết quả nghiên cứu.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Xử lý, phân tích kết quả nghiên cứu bằng các phương pháp thống kê và phân tích chuyên sâu trong lĩnh vực tâm lý học.

CO2: Trình bày kết quả nghiên cứu một cách logic, khoa học và phù hợp với chuẩn mực công bố học thuật quốc tế.

CO3: Nâng cao năng lực phản biện khoa học và thảo luận học thuật trong lĩnh vực nghiên cứu chuyên sâu tâm lý học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích dữ liệu định tính và định lượng trong nghiên cứu tâm lý học.
CLO2	Phân tích kết quả nghiên cứu một cách khoa học, đáp ứng yêu cầu của một chuyên đề tiến sĩ.
CLO3	Thể hiện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hợp tác học thuật trong quá trình phản biện, công bố kết quả nghiên cứu.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	R				
CLO2		M			
CLO3			R	R	M

6. Đánh giá học phần

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của nghiên cứu sinh được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1. Báo cáo chuyên đề (cá nhân)	P1. Cuốn báo cáo và trình bày trước người hướng dẫn	Theo quy định GVHD	W1		CLO 1,2,3
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2. Báo cáo chuyên đề tiến sĩ	P2. Báo cáo trước tiểu ban chấm chuyên đề tiến sĩ; Hỏi & Đáp	Theo quy định của Trường	W2	W2 100%	1,2,3

Nhiệm vụ của nghiên cứu sinh

Nghiên cứu sinh phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia 100% số tiết tự học;
- Tham gia các hoạt động nghiên cứu theo qui định của học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên hướng dẫn để hoàn thành báo cáo;
- Báo cáo kết quả nghiên cứu trước Tiểu ban đánh giá.

b. Rubric đánh giá

- Đánh giá giữa kỳ: theo quy định của giảng viên hướng dẫn.
- Đánh giá cuối kỳ: theo quy định của Trường về đánh giá chuyên đề tiến sĩ

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1 Đặt vấn đề và Mục tiêu	- Giới thiệu chuyên đề; - Hướng dẫn đặt vấn đề và mục tiêu của chuyên đề.	0/5	- Thuyết trình giới thiệu chuyên đề; - Hướng dẫn giới thiệu tóm tắt chủ đề luận án, nêu lý do cần tiến hành chuyên đề, và xác định mục	- Tìm kiếm, thu thập, phân tích tài liệu liên quan; - Xây dựng phần Đặt vấn đề và Mục tiêu	A1.1, A1.2	CLO 1,2

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
			tiêu của chuyên đề			
Tuần 2 Kiểm tra và xử lý số liệu	- Hướng dẫn kiểm tra và xử lý số liệu thu được từ các phương pháp nghiên cứu của luận án	0/5	- Thuyết trình, hướng dẫn NCS kiểm tra và xử lý số liệu	Thực hiện kiểm tra và xử lý số liệu	A1.1, A1.2	CLO 1, 2
Tuần 3 Phân tích số liệu	Phân tích kết quả định lượng và định tính; nhận diện các xu hướng và mối quan hệ chính	0/5	Thuyết trình, hướng dẫn NCS phân tích dữ liệu	Thực hiện và báo cáo nội dung chuyên đề và chỉnh sửa.	A1.1, A1.2	CLO 1, 2,3
Tuần 4 Diễn giải kết quả và bàn luận	Hướng dẫn diễn giải kết quả nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu	0/5	Hướng dẫn diễn giải kết quả nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu	Triển khai viết báo cáo kết quả nghiên cứu	A1.1, A1.2	CLO 1,2,3
Tuần 5 Viết và Hoàn thiện Báo cáo	Trình bày kết quả nghiên cứu theo yêu cầu của chuyên đề tiền sĩ.	0/5	Hướng dẫn viết báo cáo theo quy định về nội dung và hình thức của 1 chuyên đề tiền sĩ.	Hoàn thiện bản báo cáo chuyên đề	A1.1, A1.2	CLO 1,2,3

Tuần/ Buổi (5 tiết/ buổi)	Nội dung thực hiện chi tiết	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động giảng dạy và học tập		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 6	Đánh giá Chuyên đề Tiến sĩ	0/5	Tiểu ban chuyên môn chăm điểm báo cáo chuyên đề tiến sĩ.	NCS trình bày báo cáo và trả lời câu hỏi trước Tiểu ban.	A1.1, A1.2	CLO 1,2,3

8. Tài liệu học tập

a. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Phan Thị Mai Hương	2013	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học – Giáo trình sau đại học	NXB Khoa học xã hội
Sách, giáo trình tham khảo				
4	APA	2020	Publication Manual of the American Psychological Association (7th Ed.)	APA
5	Nguyễn Văn Tuấn	2018	Cẩm nang nghiên cứu khoa học- Từ ý tưởng đến công bố	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh
6	Nancy L. Leech	2005	SPSS for Intermediate Statistics: Use and Interpretation	Lawrence Erlbaum Associates.
7	Dennis Howitt, Duncan Cramer	2008	Statistics in Psychology	Prentice Hall
8	Creswell, J. W.	2003	Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (2nd.edition)	ThousandOaks,CA:Sage
9	John J. Shauhnessy	2003	Research Methods in Psychology	Mc Graw Hill

b. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

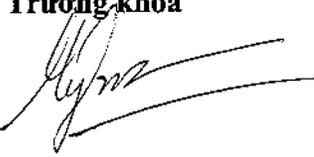
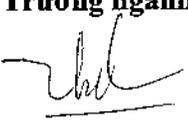
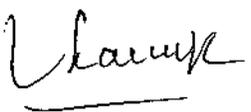
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ	https://www.apa.org	9/10/2025
2	CSDL học thuật quốc tế	https://scholar.google.com	9/10/2025
3	Cổng truy cập nguồn tin điện tử – VISTA / STD (Co	https://db.vista.gov.vn/users/login.html	9/10/2025

	sở dữ liệu công bố KH&CN Việt Nam)		
4	Tâm lý học, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục	UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education (jshe.vn)	9/10/2025
5	Tâm lý học, Giáo dục học	Hệ thống thông tin KHCN - Trường ĐHSP Hà Nội (hnue.edu.vn)	9/10/2025
6	Tâm lý học, Khoa học xã hội và nhân văn	http://tckh.hcmup.edu.vn/	9/10/2025

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học Sau đại học	Máy chiếu, Internet	01	Hướng dẫn, trình bày, thảo luận
2	Phòng Thực hành nghiên cứu và chẩn đoán tâm lý	Máy chiếu, máy tính kết nối mạng tốc độ cao		Thảo luận chuyên đề, Báo cáo, Seminar
3	Phòng Máy tính/Phòng Phân tích dữ liệu	Phần mềm chuyên dụng (SPSS, AMOS, R, NVivo)		Phân tích và xử lý dữ liệu chuyên sâu

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS. Lê Mỹ Dung	Trưởng ngành  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  TS Hồ Thị Thúy Hằng
---	--	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SU PHẠM
KHOA: TÂM LÝ – GD - CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Qualitative and quantitative research methods in psychology
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	GS.TS. Lê Quang Sơn
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu PGS.TS. Lê Mỹ Dung
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do x
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành x Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 4 chương, hướng đến tổ chức cho người học nhận thức những vấn đề cốt lõi về phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng trong tâm lý học. Ngoài phần giới thiệu tổng thể về hai loại phương pháp nghiên cứu, học phần tập trung tổ chức cho người học nghiên cứu và thực hành các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng trong tâm lý học.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng: phân tích được những ưu thế và trường hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng trong tâm lý học; vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng vào nghiên cứu tâm lý học; đánh giá khách quan, khoa học về cách tổ chức nghiên cứu và việc lựa chọn, tiến hành nghiên cứu tâm lý học.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Phân biệt được nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng, phân tích được những ưu thế và trường hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng

CO2: Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng vào nghiên cứu tâm lý học

CO3: Đánh giá khách quan, khoa học về cách tổ chức nghiên cứu và việc lựa chọn, tiến hành nghiên cứu tâm lý học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Phân biệt được nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng
CLO2	Phân tích được những ưu thế và trường hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng
CLO3	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng vào một nghiên cứu tâm lý học cụ thể
CLO4	Đánh giá khách quan, khoa học về cách tổ chức nghiên cứu và việc lựa chọn, tiến hành nghiên cứu tâm lý học

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	R	R	R		I
CLO2	R	R	R		I
CLO3		M	M	I	
CLO4				M	I

6. Đánh giá học phần

Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3,4

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên.
Tiểu luận	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo đúng quy định, nhiều lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/T H)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học (5t) 1.1. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 1.2. Các loại phương pháp nghiên cứu: định tính và định lượng 1.2.3. Sự khác biệt giữa nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 1
2	Chương 2. Phương pháp nghiên cứu định tính (qualitative methods) (15t) 2.1. Các phương pháp nghiên cứu định tính 2.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu định tính 2.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu định tính 2.4. Lợi ích của sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 2,3
3	Chương 2. Phương pháp nghiên cứu định tính (qualitative methods) (15t) 2.1. Các phương pháp nghiên cứu định tính 2.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu định tính	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 2,3,4

	<p>2.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu định tính</p> <p>2.4. Lợi ích của sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính</p>					
4	<p>Chương 2. Phương pháp nghiên cứu định tính (qualitative methods) (15t)</p> <p>2.1. Các phương pháp nghiên cứu định tính</p> <p>2.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu định tính</p> <p>2.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu định tính</p> <p>2.4. Lợi ích của sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn, tổ chức thảo luận	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả	A1.1	CLO 2,3,4
5	<p>Chương 3. Phương pháp nghiên cứu định lượng (quantitative methods) (15t)</p> <p>3.1. Các phương pháp nghiên cứu định lượng</p> <p>3.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu định lượng</p> <p>3.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu định lượng</p> <p>3.4. Lợi ích của sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A1.1	CLO 2,3,4
6	<p>Chương 3. Phương pháp nghiên cứu định lượng (quantitative methods) (15t)</p> <p>3.1. Các phương pháp nghiên cứu định lượng</p> <p>3.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu định lượng</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2,3,4

	<p>3.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu định lượng</p> <p>3.4. Lợi ích của sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng</p>					
7	<p>Chương 3. Phương pháp nghiên cứu định lượng (quantitative methods) (15t)</p> <p>3.1. Các phương pháp nghiên cứu định lượng</p> <p>3.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu định lượng</p> <p>3.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu định lượng</p> <p>3.4. Lợi ích của sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2, 3, 4
8	<p>Chương 4. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed methods) (10t)</p> <p>4.1. Các phương pháp tổ chức nghiên cứu hỗn hợp</p> <p>4.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu hỗn hợp</p> <p>4.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu hỗn hợp</p> <p>4.4. Lợi ích và thách thức của sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp</p> <p>4.5. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2, 3, 4
9	<p>Chương 4. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed methods) (10t)</p> <p>4.1. Các phương pháp tổ chức nghiên cứu hỗn hợp</p> <p>4.2. Lĩnh vực áp dụng nghiên cứu hỗn hợp</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2, 3, 4

<p>4.3. Các bước cơ bản để thực hiện một nghiên cứu hỗn hợp</p> <p>4.4. Lợi ích và thách thức của sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp</p> <p>4.5. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu</p>					
--	--	--	--	--	--

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Quang Sơn	2025	Đề cương bài giảng “ Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học ”	
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Hoàng Mộc Lan	2013	Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học	NXB ĐHQGHN
3	Andrew M. Colman	2015	<i>Oxford Dictionary of Psychology</i>	Oxford University Press, Fourth edition 2015, ebook ISBN 978-0-19-174435-8
4	Punch, K.	1998	<i>Introduction to Social Research: Quantitative and Qualitative Approaches</i>	London: Sage
5	Ulrika Östlund, Lisa Kidd, Yvonne Wengström, Neneh Rowa-Dewar	2011	Combining qualitative and quantitative research within mixed method research designs: A methodological review	International Journal of Nursing Studies, Volume 48, Issue 3, March 2011, Pages 369-383

9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	

1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phân, bảng, micro	1	Tất cả
---	----------------------------	--	---	--------

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS. Lê Mỹ Dung	Trưởng ngành  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS Lê Mỹ Dung
--	---	--

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TL-GD-CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỀN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tâm lý học ứng dụng trong tổ chức và quản lý
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Applied Psychology in Management
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	GS.TS. Lê Quang Sơn
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.PGS.TS Lê Mỹ Dung PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu PGS.TS. Hoàng Thế Hải
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do x
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành x Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 5 chương, hướng đến tổ chức cho người học nhận thức những vấn đề cốt lõi về tâm lý học ứng dụng trong quản lý. Các nội dung chính của học phần tập trung làm rõ những phương diện ứng dụng của tâm lý học trong quản lý, bao gồm vấn đề tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý.

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng: phân tích được các phương diện ứng dụng của tâm lý học trong hoạt động quản lý; vận dụng được các lý thuyết tâm lý học tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý; đánh giá khách quan, khoa học từ góc độ tâm lý học về tổ chức và hoạt động quản lý tổ chức.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Phân tích được các phương diện ứng dụng của tâm lý học trong hoạt động quản lý

CO2: Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào việc tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý.

CO3: Đánh giá khách quan, khoa học từ góc độ tâm lý học về tổ chức và hoạt động quản lý tổ chức.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Liệt kê và phân tích được các phương diện ứng dụng của tâm lý học trong hoạt động quản lý
CLO2	Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào việc tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý.
CLO3	Đánh giá khách quan, khoa học từ góc độ tâm lý học về tổ chức và hoạt động quản lý tổ chức.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	R				
CLO2	R	M	I	R	
CLO3	R		I		M

6. Đánh giá học phần

Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên.
Tiểu luận	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo đúng quy định, nhiều lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Tâm lý học và khoa học quản lý (5t) 1.1. Khái quát về tâm lý học 1.2. Tâm lý học trong hệ thống các bộ môn khoa học 1.3. Những phương diện ứng dụng của tâm lý học trong quản lý	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 1
2	Chương 2. Tâm lý học và vấn đề tạo động cơ cho người lao động (10t) 2.1. Động cơ và thành tích 2.2. Các lý thuyết tâm lý học về tạo động cơ 2.3. Chiến lược và giải pháp tạo động cơ lao động	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 2
3	Chương 2. Tâm lý học và vấn đề tạo động cơ cho người lao động (10t) 2.1. Động cơ và thành tích 2.2. Các lý thuyết tâm lý học về tạo động cơ 2.3. Chiến lược và giải pháp tạo động cơ lao động	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 2
4	Chương 3. Tâm lý học ứng dụng trong quản lý	2/3	Thuyết trình;	Nghiên cứu tài liệu, trả	A1.1	CLO 2

	nhóm và tập thể lao động (10t) 3.1. Nhóm và tập thể lao động 3.2. Ứng dụng tâm lý học trong quản lý nhóm và tập thể lao động		Phát vấn, tổ chức thảo luận	lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả		
5	Chương 3. Tâm lý học ứng dụng trong quản lý nhóm và tập thể lao động (10t) 3.1. Nhóm và tập thể lao động 3.2. Ứng dụng tâm lý học trong quản lý nhóm và tập thể lao động	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A1.1	CLO 2
6	Chương 4. Tâm lý học ứng dụng trong xây dựng văn hoá tổ chức (10t) 4.1. Văn hoá tổ chức 4.2. Ứng dụng tâm lý học trong xây dựng văn hoá tổ chức	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2
7	Chương 4. Tâm lý học ứng dụng trong xây dựng văn hoá tổ chức (10t) 4.1. Văn hoá tổ chức 4.2. Ứng dụng tâm lý học trong xây dựng văn hoá tổ chức	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2
8	Chương 5. Tâm lý học về lao động của nhà quản lý (10t) 5.1. Những đặc trưng tâm lý của lao động quản lý 5.2. Những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà quản lý	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 3

	5.3. Vấn đề nâng cao hiệu quả lao động quản lý 5.4. Phát triển nhân cách nhà quản lý					
9	Chương 5. Tâm lý học về lao động của nhà quản lý (10t) 5.1. Những đặc trưng tâm lý của lao động quản lý 5.2. Những yêu cầu về phẩm chất và năng lực của nhà quản lý 5.3. Vấn đề nâng cao hiệu quả lao động quản lý 5.4. Phát triển nhân cách nhà quản lý	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày, kết quả	A2.1	CLO 3

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Quang Sơn, Bùi Thị Thanh Diệu	2024	Tâm lý học ứng dụng trong quản lý giáo dục	Nxb. ĐHQG Hà Nội
2	Lê Quang Sơn	2025	Đề cương bài giảng “Tâm lý học ứng dụng trong quản lý”	
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Hersey Paul, Kenneth Blanchard	2004	Management of organizational behavior Bản dịch tiếng Việt	NXB Thống kê, HN
2	Bass Bernard M.	2009	The Bass Handbook of Leadership - Theory, Research, and Managerial Applications	Free Press, 2009

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
3	Martin Hilb	2003	Quản trị nhân sự tổng thể	Nxb Thống kê
4	Muchinsky Paul M.	1997	Psychology Applied to Work - An Introduction to Industrial and Organizational Psychology	Brooks/Cole Pub

9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Số lượng	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...			
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro		1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa	Trưởng ngành	Giảng viên biên soạn
		
PGS.TS. Lê Mỹ Dung	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ-GIÁO DỤC-CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DCHP.01-01

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9313401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**2. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tâm lý học ứng dụng trong trường học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Applied Psychology in Schools
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	25
-	Bài tập/Thảo luận:	20
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	125
-	Học trực tiếp (face to face):	35
-	Học trực tuyến (không đồng bộ):	10
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS Nguyễn Thị Trâm Anh
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS. TS. Nguyễn Thị Hằng Phương TS. Hồ Thị Thuý Hằng
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	Kiến thức Giáo dục đại cương Kiến thức Cơ sở ngành X Kiến thức Cốt lõi ngành / Chuyên ngành Kiến thức Thực tập, trải nghiệm/ Nghiệp vụ

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chuyên đề Tâm lý học ứng dụng trong trường học là chuyên đề tự chọn trong chương trình đào tạo tiến sĩ Tâm lý học thể hiện kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu và thực tiễn của các hoạt động ứng dụng tâm lý học trong trường học: Sàng lọc, đánh giá các vấn đề tâm lý trong trường học; Tư vấn và hỗ trợ tâm lý trong trường học; Kết nối nguồn lực xây dựng hoạt động tâm lý trong trường học; Phát triển toàn diện nhân cách người học.

2. Mục tiêu học phần

5.1. Mục tiêu chung

Học phần Tâm lý học ứng dụng trong trường học cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu và hiện đại về tâm lý học ứng dụng trong trường học, hình thành năng lực nghiên cứu và triển khai vào thực tiễn trong tâm lý học ứng dụng trường học, đồng thời hình thành k

5.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về ứng dụng tâm lý học trong trường học.
- CO2: Có năng lực nghiên cứu và triển khai thực tiễn ứng dụng tâm lý học trong trường học.
- CO3: Có kỹ năng kỹ năng giám sát và tư vấn chuyên môn cho nhóm phụ trách tâm lý trường học, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, nghiên cứu sinh có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Tổng quan được vấn đề nghiên cứu về ứng dụng tâm lý trong trường học
CLO2	Đề xuất kế hoạch, quy trình đánh giá, sàng lọc và tư vấn, hỗ trợ tâm lý trong trường học
CLO3	Đề xuất kế hoạch và quy trình kết nối các nguồn lực trong ứng dụng tâm lý học vào trường học.
CLO4	Thiết kế và tổ chức thực hiện được chương trình phát triển toàn diện nhân cách người học trong nhà trường
CLO5	Thể hiện kỹ năng dẫn dắt, tư vấn nhóm chuyên môn ứng dụng tâm lý trong trường học, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO 1	M				
CLO2		R		R	
CLO3		R		R	
CLO4		R		R	
CLO5				R	R

5. Phân bổ thời lượng giảng dạy học tập

TT	Hình thức tổ chức dạy học	Thời lượng (tiết)
1	Trực tiếp	30
2	Trực tuyến không đồng bộ	15
3	Tự học, làm bài tập	125

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của nghiên cứu sinh được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Phương thức	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Báo cáo chuyên đề tổng quan nghiên cứu	P1.3. Cuốn báo cáo và trình bày tại lớp	Trực tuyến	R1.1	W1.1	W1	CLO 1,5
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2.1 Kiểm tra giữa kỳ	P2.1 Tiêu luận báo cáo đề xuất kế hoạch	Trực tiếp	R2.1	W2.1	W2	CLO 2, 3, 5
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3.1 Kiểm tra cuối kỳ	P3.1 Tiêu luận báo cáo kết quả thiết kế chương trình	Trực tiếp	R3.1	W3.1	W3	CLO 4, 5

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Nghiên cứu sinh phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Trọng số %	Tốt (8,5 điểm – 10 điểm)	Khá (7,0 điểm – 8,4 điểm)	Trung bình (4,0 điểm – 6,9 điểm)	Yếu (<4,0 điểm)
Cấu trúc	10	Cấu trúc cân đối, hợp lý.	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý.	Cấu trúc tương đối cân đối, hợp lý.	Cấu trúc không cân đối, thiếu hợp lý.
Nội dung	70	- Nội dung có phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic	- Nội dung phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	- Nội dung phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề - Lập luận tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	- Nội dung phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận không chặt chẽ, logic
Kết luận	15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	5	Nhất quán về format trong toàn bài. Không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format. Một vài lỗi nhỏ	Format vài chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả khá nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả rất nhiều

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Phương thức tổ chức dạy học (Trực tiếp/ Trực tuyến không đồng bộ)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
				Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	<p>CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU HIỆN ĐẠI VỀ TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG TRONG TRƯỜNG HỌC</p> <p>1.1. Các nghiên cứu về đánh giá, sàng lọc các vấn đề tâm lý trong trường học</p> <p>1.2. Các nghiên cứu về can thiệp, hỗ trợ tâm lý trong trường học</p>	5/0	Trực tuyến	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A1.1,	CLO 1
2	<p>1.3 Các nghiên cứu về kết nối nguồn lực hỗ trợ tâm lý trong trường học</p> <p>1.4. Các nghiên cứu về phát triển nhân cách toàn diện người học</p>	5/0	Trực tuyến	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A1.1,	CLO 1
3	<p>CHƯƠNG 2. NGHIÊN CỨU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ QUY TRÌNH TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, SÀNG LỌC CÁC VẤN ĐỀ TÂM LÝ TRONG TRƯỜNG HỌC</p> <p>2.1. Nhận diện các vấn đề tâm lý trong trường học và lập kế hoạch sàng lọc</p>	5/0	Trực tiếp	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A2.1	CLO2, CLO5

	2.2. Các công cụ sàng lọc và đánh giá vấn đề tâm lý trong trường học						
4	2.3. Quy trình tổ chức thực hiện sàng lọc và đánh giá các vấn đề tâm lý trong trường học 2.4. Xử lý kết quả sàng lọc và đánh giá vấn đề tâm lý trong trường học	0/5	Trực tiếp	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A2.1	CLO2, CLO5
5	CHƯƠNG 3. NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG CAN THIỆP TÂM LÝ TRONG TRƯỜNG HỌC 3.1. Hoạt động giáo dục tâm lý cải thiện vấn đề nhận thức, hành vi	2/3	Trực tiếp	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A3.1	CLO3, CLO5
6	3.2. Hoạt động tư vấn tâm lý - mô hình và quy trình triển khai trong trường học 3.3. Hoạt động trị liệu tâm lý cải thiện vấn đề khó khăn nhận thức, cảm xúc và hành vi ở học sinh.	2/3	Trực tiếp	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A3.1	CLO3, CLO5
7	CHƯƠNG 4. NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI CÁC NGUỒN LỰC HỖ TRỢ TÂM LÝ TRONG TRƯỜNG HỌC 4.1. Kết nối hỗ trợ tâm lý trong nhà trường 4.2. Kết nối hỗ trợ tâm lý từ các chuyên gia bên ngoài trường học	2/3	Trực tiếp	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A3.1	CLO4, CLO5

	4.3. Kết nối hỗ trợ tâm lý từ gia đình và người thân 4.4. Kết nối hỗ trợ tâm lý từ các cơ sở xã hội khác						
8	CHƯƠNG 5. NGHIÊN CỨU HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN NHÂN CÁCH NGƯỜI HỌC 5.1. Căn cứ xây dựng hoạt động phát triển toàn diện nhân cách người học 5.2. Phát triển các quá trình nhận thức ở người học 5.3. Phát triển các năng lực cảm xúc-xã hội ở người học	2/3	Trực tiếp	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A3.1	CLO4, CLO5
9	5.4. Phát triển giá trị sống và kỹ năng sống 5.5. Hình thành thói quen và kỹ xảo của hoạt động	2/3	Trực tiếp	Thuyết trình hướng dẫn	Tự nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu	A3.1	CLO4, CLO5

- Phương thức tổ chức dạy học: Trực tiếp hoặc trực tuyến không đồng bộ thông qua hệ thống LMS.

9. Tài liệu học tập

9.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Frank C. Worrell University of California, Berkeley Tammy L. Hughes Duquesne University Dante D. Dixson Michigan State University	2020	The Cambridge Handbook of Applied School Psychology	Cambridge University Press
	<u>Thomas K. Fagan</u> , <u>Paula Sachs Wise</u>	2000	School Psychology Past, Present, and Future	National Association of School Psychologists

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Thị Oanh	2023	Tư vấn tâm lý học đường - để tự khám phá và làm chủ bản thân	NXB Dân trí
3	Nguyễn Thị Trâm Anh	2019	Giáo trình Kỹ năng tham vấn học đường	NXB Thông tin và truyền thông
4	Nguyễn Thị Trâm Anh	2016	Nghiên cứu hoạt động tham vấn tâm lý cho học sinh tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Đề tài cấp Đại học Đà Nẵng Đ2015-03-71
5	Nguyễn Thị Trâm Anh	2014	Nghiên cứu đề xuất mô hình hỗ trợ tâm lý học đường tại các trường THCS thành phố Đà Nẵng (thí điểm trường THCS Tây Sơn)	Đề tài cấp ĐHSP T2014 - 03 - 31

9.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

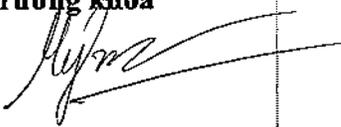
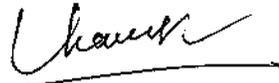
TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	The Cambridge Handbook of Applied School Psychology	https://www.cambridge.org/core/books/cambridge-handbook-of-applied-school-psychology/CB86506826A095A0D6A35400DFE9ECA	19/11/2025
2	Journal of Applied School Psychology	https://www.tandfonline.com/journals/wapp20	19/11/2025

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5	Máy tính, project	1	Tất cả

11. Ngày cập nhật đề cương học phần:

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS. TS. Lê Mỹ Dung	Trưởng ngành  PGS. TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  TS Hồ Thị Thúy Hằng
--	---	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA TL- GD- CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tâm lý học ứng dụng trong y tế
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Applied Psychology in Medicine
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
	Lý thuyết:	15 tiết
	Bài tập/Thảo luận:	30 tiết
	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
	Tự học:	135 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu
	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS. Nguyễn Thị Hằng Phương TS. Nguyễn Thị Hồng Nhung
	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
	Học phần tiên quyết:	Không
	Học phần học trước:	Không
	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do x
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành Kiến thức Chuyên ngành x <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Tâm lý học ứng dụng trong y tế gồm 5 chương cung cấp kiến thức về các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến sức khỏe, bệnh lý và quá trình điều trị. Học phần giúp học viên phát triển kỹ năng vận dụng tâm lý học vào thực hành y tế, đặc biệt trong chăm sóc sức khỏe của nhân viên y tế và hỗ trợ bệnh nhân. Thông qua đó, người học hiểu rõ vai trò của tâm lý học trong chăm sóc sức khỏe toàn diện, từ công tác phòng ngừa đến phục hồi chức năng.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi hoàn thành học phần này, học viên có khả năng phân tích các lý thuyết tâm lý học liên quan đến lĩnh vực y tế; ứng dụng kiến thức tâm lý học vào thực hành chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán và điều trị; đánh giá các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quá trình điều trị và phục hồi; phát triển các mô hình can thiệp tâm lý phù hợp với từng nhóm bệnh nhân.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Tổng hợp được các lý thuyết tâm lý học trong lĩnh vực y tế

CO2: Vận dụng được kiến thức tâm lý học vào thực hành chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán và điều trị, đánh giá các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến quá trình điều trị và phục hồi

CO3: Phát triển các mô hình can thiệp tâm lý phù hợp với từng nhóm bệnh nhân

CO4: Đảm bảo đạo đức trong nghiên cứu, thực hành ứng dụng tâm lý trong lĩnh vực y tế

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Tổng hợp được một số lý thuyết phổ biến được ứng dụng trong lĩnh vực y tế
CLO2	Vận dụng được kiến thức tâm lý học vào nghiên cứu, thực hành chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán và điều trị
CLO3	Xác định được yếu tố tâm lý của bệnh nhân và nhân viên y tế
CLO4	Xây dựng được chương trình hỗ trợ tâm lý trong bệnh viện
CLO5	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, ứng dụng tâm lý vào lĩnh vực y tế

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	R				
CLO2		M			
CLO3		M			
CLO4		M			
CLO5				R	

6. Đánh giá học phần

Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2,3
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 4,5

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên.
Tiểu luận	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo đúng quy định, nhiều lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Khái quát chung về ứng dụng TLH trong y tế 1.1 Tâm lý học và ứng dụng tâm lý học trong y tế 1.2. Các lý thuyết tâm lý trong y học 1.3 Đạo đức trong nghiên cứu và ứng dụng	2/3	Thuyết trình; Phát vấn Hoạt động nhóm	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 1

	tâm lý trong lĩnh vực y tế					
2	<p>Chương 2. Tâm lý của nhân viên y tế</p> <p>2.1. Các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của nhân viên y tế</p> <p>2.2. Sức khoẻ tâm thần của nhân viên y tế và cách phòng ngừa</p>	2/3	<p>Phát vấn</p> <p>Hoạt động nhóm</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi</p>	A1.1	<p>CLO 2,3</p>
3	<p>Chương 2. Tâm lý của nhân viên y tế</p> <p>2.1. Các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hiệu suất làm việc của nhân viên y tế</p> <p>2.2. Sức khoẻ tâm thần của nhân viên y tế và cách phòng ngừa</p>	0/5	<p>Hoạt động nhóm</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi</p>	A1.1	<p>CLO 2,3</p>
4	<p>Chương 3. Tâm lý của người bệnh và người nhà bệnh nhân</p> <p>3.1. Phản ứng tâm lý khi mắc bệnh cấp tính và mãn tính</p> <p>3.2 Tác động của bệnh lý đến hành vi, cảm xúc và nhận thức</p> <p>3.3 Tâm lý người nhà bệnh nhân</p>	2/3	<p>Thuyết trình;</p> <p>Phát vấn, tổ chức thảo luận</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả</p>	A1.1	<p>CLO 2</p>

5	<p>Chương 3. Tâm lý người bệnh và người nhà bệnh nhân</p> <p>3.1. Phản ứng tâm lý khi mắc bệnh cấp tính và mãn tính</p> <p>3.2 Tác động của bệnh lý đến hành vi, cảm xúc và nhận thức</p> <p>3.3 Tâm lý người nhà bệnh nhân</p>	1/4	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A1.1	CLO 3
6	<p>Chương 4. Tâm lý trong điều trị và phục hồi</p> <p>4.1. Tâm lý trong chăm sóc, điều trị bệnh</p> <p>4.2. Tâm lý trong phục hồi chức năng</p> <p>4.3 Tâm lý trong chăm sóc cuối đời</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2, 3
7	<p>Chương 4. Tâm lý trong điều trị và phục hồi</p> <p>4.1. Tâm lý trong chăm sóc, điều trị bệnh</p> <p>4.2. Tâm lý trong phục hồi chức năng</p> <p>4.3 Tâm lý trong chăm sóc cuối đời</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 2,3
8	<p>Chương 5. Mô hình hỗ trợ tâm lý trong cơ sở y tế</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm,	A2.1	CLO 4,5

	5.1 Các mô hình hỗ trợ tâm lý trong chăm sóc sức khỏe trên thế giới và ở Việt Nam 5.2 Xây dựng mô hình hỗ trợ tâm lý tại cơ sở			trình bày kết quả		
9	Chương 5. Mô hình hỗ trợ tâm lý trong cơ sở y tế 5.1 Các mô hình hỗ trợ tâm lý trong chăm sóc sức khỏe trên thế giới và ở Việt Nam 5.2 Xây dựng mô hình hỗ trợ tâm lý tại cơ sở	1/4	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 4,5

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Huỳnh Tấn Sơn	2023	Tâm lý y học ứng dụng	ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch
2	Bộ môn y đức và khoa học hành vi	2017	Giáo trình TLH y học	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch
3	Nguyễn Văn Nhận	1998	Tâm lý học y học	Học viện Quân y
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Susanne S	2022	Textbook of Applied Medical Psychology	University Press of Southern Denmark, United Kingdom

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
2	Cerņițanu Mariana	2011	Medical Psychology	University of Medicine and Pharmacy "Nicolae Testemițanu"

9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Medical Psychology	https://link.springer.com/rwe/10.1007/978-1-4419-1005-9_970	19/11/2022
2	The importance and purpose of medical psychology in the study of medicine	https://pubmed.ncbi.nlm.nih.gov/2290882/	19/11/2022

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Số lượng	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...			
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng,		1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa	Trưởng ngành	Giảng viên biên soạn
		
PGS.TS. Lê Mỹ Dung	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TL-GD-CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Applied Psychology in Education
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
	Lý thuyết:	30 tiết
	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Lê Mỹ Dung
	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS. Hoàng Thế Hải TS. Hồ Thị Thủy Hằng
	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
	Học phần tiên quyết:	Không
	Học phần học trước:	Không
	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do x
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành x Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần gồm 5 chương, hướng đến tổ chức cho người học nhận thức những vấn đề cốt lõi về tâm lý học ứng dụng trong giáo dục. Các nội dung chính của học phần tập trung làm rõ những phương diện ứng dụng của tâm lý học trong giáo dục, bao gồm .

3. Mục tiêu học phần

Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng: phân tích được các phương diện ứng dụng của tâm lý học trong hoạt động giáo dục; vận dụng được các lý thuyết tâm lý học

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Tổng hợp được các lý thuyết tâm lý học trong lĩnh vực giáo dục và các xu hướng nghiên cứu mới.

CO2: Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào quá trình dạy, học và kiến tạo môi trường học tập.

CO3: Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong lĩnh vực tâm lý học ứng dụng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Tổng hợp được các lý thuyết tâm lý học trong lĩnh vực giáo dục, các cơ chế tâm lý cốt lõi (nhận thức, siêu nhận thức, động lực, cảm xúc) và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của người học.
CLO2	Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào quá trình dạy, học và kiến tạo môi trường học tập.
CLO3	Đánh giá được tính thời sự và tính ứng dụng của các lý thuyết trong bối cảnh giáo dục cụ thể tại Việt Nam và quốc tế
CLO4	Thiết kế, triển khai và đánh giá các chương trình can thiệp/tư vấn dựa trên bằng chứng khoa học nhằm giải quyết các vấn đề tâm lý giáo dục
CLO5	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học ứng dụng.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

CLOs	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5
CLO1	R	R			
CLO2		R	R		R
CLO3		R	I		
CLO4			R		
CLO5				M	

6. Đánh giá học phần

Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2,3
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 4,5

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên.
Tiểu luận	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo đúng quy định, nhiều lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	<p>Chương 1. Các lý thuyết nền tảng và xu hướng mới (10t)</p> <p>1.1. Thuyết kiến tạo xã hội (Vygotsky) và ứng dụng trong thiết kế môi trường học tập.</p> <p>1.2. Thuyết tự quyết (SDT) và thuyết mục tiêu thành tích (Achievement Goal Theory).</p> <p>1.3. Tâm lý học tích cực trong giáo dục: Thúc đẩy sự gắn bó (engagement) và hạnh phúc học đường (well-being).</p> <p>1.4. Khoa học thần kinh nhận thức và ứng dụng trong dạy học</p>	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 1,2,3
2	<p>Chương 2. Quản lý nhận thức, siêu nhận thức và tự điều chỉnh học tập</p> <p>2.1. Khái niệm chuyên sâu về Siêu nhận thức (Metacognition) và các Chức năng điều hành (Executive Functions).</p> <p>2.2. Mô hình Học tập Tự điều chỉnh (Self-Regulated Learning - SRL)</p> <p>2.3. Ứng dụng Tâm lý học trong Đánh giá quá trình học tập.</p>	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 1,2
3	<p>Chương 2. Quản lý nhận thức, siêu nhận thức và tự điều chỉnh học tập</p>	5	Thuyết trình; Phát vấn	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 1,2

	<p>2.1. Khái niệm chuyên sâu về Siêu nhận thức (Metacognition) và các Chức năng điều hành (Executive Functions).</p> <p>2.2. Mô hình Học tập Tự điều chỉnh (Self-Regulated Learning - SRL)</p> <p>2.3. Ứng dụng Tâm lý học trong Đánh giá quá trình học tập.</p>					
4	<p>Chương 3. Động cơ học tập, Sáng tạo và Trí tuệ cảm xúc</p> <p>3.1. Phân tích mô hình động lực phức tạp: Vai trò của niềm tin hiệu quả (Self-Efficacy), tư duy phát triển (Growth Mindset - Dweck).</p> <p>3.2. Tâm lý học về sáng tạo: Các mô hình thúc đẩy sáng tạo trong môi trường học thuật.</p> <p>3.3. Trí tuệ cảm xúc (EQ) và vai trò của EQ trong hiệu suất học tập, nghiên cứu và quan hệ xã hội.</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn, tổ chức thảo luận	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận, trình bày kết quả	A1.1	CLO 1,2
5	<p>Chương 3. Động cơ học tập, Sáng tạo và Trí tuệ cảm xúc</p> <p>3.1. Phân tích mô hình động lực phức tạp: Vai trò của niềm tin hiệu quả (Self-Efficacy), tư duy phát triển (Growth Mindset - Dweck).</p> <p>3.2. Tâm lý học về sáng tạo: Các mô hình thúc đẩy sáng tạo trong môi trường học thuật.</p> <p>3.3. Trí tuệ cảm xúc (EQ) và vai trò của EQ trong hiệu suất học tập, nghiên cứu và quan hệ xã hội.</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A1.1	CLO 1,2

6	<p>Chương 4. Tâm lý học về sự phát triển nghề nghiệp và quản lý lớp học (10t) 4.1. Tâm lý học về Mentoring (Cố vấn) và Coaching (Huấn luyện) cho giáo viên. 4.2. Quản lý stress và duy trì sức khỏe tâm thần trong môi trường áp lực cao. 4.3. Ứng dụng các nguyên tắc tâm lý học để quản lý và phát triển nhóm, lớp.</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 1,2
7	<p>Chương 4. Tâm lý học về sự phát triển nghề nghiệp và quản lý lớp học (10t) 4.1. Tâm lý học về Mentoring (Cố vấn) và Coaching (Huấn luyện) cho giáo viên. 4.2. Quản lý stress và duy trì sức khỏe tâm thần trong môi trường áp lực cao. 4.3. Ứng dụng các nguyên tắc tâm lý học để quản lý và phát triển nhóm, lớp.</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thảo luận nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày kết quả	A2.1	CLO 1,2
8	<p>Chương 5. Thiết kế và đánh giá can thiệp tâm lý giáo dục (10t) 5.1. Quy trình thiết kế Can thiệp dựa trên bằng chứng (EBI) 5.2. Các phương pháp nghiên cứu đánh giá chuyên sâu 5.3. Rủi ro đạo đức và văn hóa khi triển khai can thiệp.</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; tổ chức thực hành	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thực hành, báo cáo kết quả	A2.1	CLO 4,5
9	<p>Chương 5. Thiết kế và đánh giá can thiệp tâm lý giáo dục (10t)</p>	3/2	Thuyết trình;	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thực	A2.1	CLO 4,5

5.1. Quy trình thiết kế Can thiệp dựa trên bằng chứng (EBI) 5.2. Các phương pháp nghiên cứu đánh giá chuyên sâu 5.3. Rủi ro đạo đức và văn hóa khi triển khai can thiệp.		Phát vấn; tổ chức thực hành	hành, báo cáo kết quả		
--	--	-----------------------------	-----------------------	--	--

9. Tài liệu học tập

Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Quang Sơn (Chủ biên)	2019	Tâm lý học giáo dục	Nxb. ĐHQG Hà Nội
2	Phan Trọng Ngọ (Chủ biên)	2000	Tâm lý học hoạt động và ứng dụng trong giáo dục	Nxb. ĐHQG Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Woolfolk, A.	2022	<i>Educational Psychology</i>	Pearson Education
2	Santrock, J.	2021	<i>Psychology of Education.</i>	McGraw-Hill.
3	Shuell, T.	2018	<i>Learning Theories and Educational Practice.</i>	Routledge
4	Fred Paas, Alexander Renkl, John Sweller	2016	Cognitive Load Theory: A Special Issue of educational psychologist	Routledge
5	Greg Ashman	2022	A Little Guide for Teachers: Cognitive Load Theory	Corwin
6	Zimmerman, B. J., & Schunk, D. H. (Eds.).	2011	Handbook of self-regulation of learning and performance.	Routledge
7	Dweck, C. S.	2006	Mindset: The new psychology of success.	Random House.
8	Pintrich, P. R., & Schunk, D. H.	2002	Motivation in education: Theory, research, and applications.	Merrill/Prentice Hall.

9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Số lượng	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...			
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phần, bảng, micro	1		Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa	Trưởng ngành	Giảng viên biên soạn
		
PGS.TS. Lê Mỹ Dung	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	PGS.TS. Lê Mỹ Dung

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA SỬ - ĐỊA - CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Triết học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Phylosophy
1.3	Mã học phần:	31645001
1.4	Số tín chỉ:	4 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	42 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	18 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	120 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Văn Quế
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Khoa Sử - Địa - Chính trị
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Triết học là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Học phần phát triển thế giới quan, nhân sinh quan khoa học cho học viên; giúp học viên có cách nhìn toàn diện về vai trò của triết học trong đời sống từ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; bên cạnh đó, học phần trang bị kiến thức nâng cao về quy luật phát triển các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử; giúp học viên nhận thức được quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản là tất yếu khách quan. Trên cơ sở thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng, học phần giúp học viên khi đi vào nghiên cứu vấn đề chuyên môn.

3. Mục tiêu học phần

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức khái luận về triết học và lịch sử hình thành triết học Mác- Lênin; kiến thức chuyên sâu về bản thể luận, phép biện chứng, nhận thức luận, học thuyết hình thái kinh tế- xã hội, đời sống chính trị, đời sống tinh thần và những tri thức về con người. Trên cơ sở đó, giúp người học hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học trong nhận xét, đánh giá sự vật, hiện tượng.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1. Có kiến thức khái luận về triết học và lịch sử hình thành triết học Mác- Lênin.

CO2: Có kiến thức nền chuyên sâu về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

CO3. Có kiến thức nền tảng về nhận thức luận và nhận thức luận duy vật biện chứng.

CO4. Có kiến thức hiện đại về triết học chính trị, về sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội trong lịch sử và triết học về con người.

CO5. Hình thành thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PI (đáp ứng)	Mức PI
CLO1	Phân tích được các thế giới quan khác nhau trong lịch sử triết học; nhận diện được tính khoa học, cách mạng của thế giới quan duy vật biện chứng.		
CLO2	Vận dụng được phép biện chứng duy vật trong nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn.		
CLO3	Đánh giá được giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế- xã hội đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.		
CLO4	Phân tích được đời sống tinh thần của xã hội; nội dung triết học con người		
CLO5	Phê phán các quan điểm sai trái; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam.		

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2			PLO3			PLO4			PLO5	
	PI1.1												
CLO 1	R												
CLO 2	R												
CLO3	R												
CLO4	R												
CLO5	R												

5. Đánh giá học phần

5.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1 Đánh giá giữa kỳ	A1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tiểu luận	R1.1	W1.1 50%	W1 20%	CLO 1,2, 3, 4,5
		P1.2 Bài báo cáo và thuyết trình tại lớp	R1.2	W1.2 50%	20%	CLO 1,2, 3, 4,5
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2 Kiểm tra cuối kỳ	P2 Tự luận	R2 (Theo đáp án)	W2 100%	W2 60%	CLO 2,3,4

5.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 70% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

5. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
A1.2 Seminar (Kiểm tra giữa kỳ)				
R1.2 Nội dung (Trọng số 50%)	Thiếu nhiều nội dung quan trọng	Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng	Đầy đủ theo yêu cầu	Phong phú hơn yêu cầu
R1.2 Lập luận có căn cứ khoa học và logic (Trọng số 20%)	Lập luận không có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có chú ý đến sử dụng căn cứ khoa học và tuân theo logic nhưng còn một vài sai sót quan trọng	Lập luận có căn cứ khoa học và logic nhưng còn một vài sai sót nhỏ	Lập luận có căn cứ khoa học và logic vững chắc
R1.2 Trình bày báo cáo (Trọng số 10%)	Thiếu rõ ràng	Tương đối rõ ràng	Khá mạch lạc, rõ ràng	Mạch lạc, rõ ràng đủ và phân tích rõ ràng.
R1.2 Trả lời câu hỏi của nhóm bạn và của giảng viên Trọng số 10%	Trả lời sai đa số các câu hỏi	Trả lời đúng đa số các câu hỏi, phần chưa nêu được định hướng phù hợp	Trả lời đúng đa số các câu hỏi và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Các câu hỏi được trả lời đầy đủ, rõ ràng và thỏa đáng
R1.2 Phối hợp giữa các thành viên trong nhóm Trọng số 10%	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời
A1.1 Bài tự luận (kiểm tra giữa kỳ)				
Hình thức Trọng số 10%	Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi	- Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi	- Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi	- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.

	chính tả và diễn đạt.	chính tả và diễn đạt.	chính tả và diễn đạt	
A1.1 Nội dung Trọng số 90%	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày vấn đề một cách đơn giản. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện được hiểu biết về vấn đề. - Chưa đưa ra được ý kiến cá nhân. - Chưa nêu được dẫn chứng và xây dựng lập luận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện hiểu biết tương đối toàn diện về vấn đề nêu ra. - Có đưa ra quan điểm cá nhân. - Dẫn chứng và lập luận chưa thực sự chặt chẽ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện hiểu biết sâu sắc và quan điểm cá nhân về vấn đề nêu ra. - Có dẫn chứng và lập luận thuyết phục để bảo vệ quan điểm của mình.
A2 Bài tự luận (kiểm tra cuối kỳ)				
Hình thức Trọng số 10%	Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án. - Có trên 6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và di	Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án. - Có 5-6 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt.	- Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án. - Có 3-4 lỗi nhầm lẫn thông tin, lỗi chính tả và diễn đạt	- Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án. - Không có hoặc có 1-2 lỗi chính tả và diễn đạt.
A2.1 Nội dung Trọng số 90%	Trình bày đúng và đạt 40-50% nội dung nêu trong đáp án.	Trình bày đúng và đạt 50-60% nội dung nêu trong đáp án	Trình bày đúng và đạt 70-80% nội dung nêu trong đáp án.	Trình bày đúng và đầy đủ các nội dung nêu trong đáp án

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/1 buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
Tuần 1	<p>Chương 1. KHAI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC</p> <p>1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.1 Triết học và đối tượng của triết học.</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.</p> <p>1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử</p> <p>1.2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.</p> <p>1.2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.</p> <p>1.2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.</p> <p>1.2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.</p> <p>1.3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội</p> <p>1.3.2. Triết học Mác - Lênin.</p> <p>13.2. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.</p> <p>1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam</p> <p>1.4.1. Sự kế thừa, phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>1.4.2. Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu Tranh luận - Thảo luận nhóm - Bài tập cá nhân 	AI.1 AI.2	CLO1

	Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.					
Tuần 2	<p>Chương 2. BẢN THỂ LUẬN</p> <p>2.1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây</p> <p>2.1.1. Khái niệm bản thể luận.</p> <p>2.1.2. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.</p> <p>2.1.3. Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.</p> <p>2.2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin</p> <p>2.2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác - Lênin.</p> <p>2.2.2. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất</p> <p>2.2.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.</p> <p>2.2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Suy nghĩ ghép nối Giải quyết vấn đề Tranh luận có cấu trúc 	A1.1 A1.2	CLO2
Tuần 3	<p>Chương 3. PHÉP BIỆN CHỨNG</p> <p>3.1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử</p> <p>3.1.1. Lịch sử khái niệm “biện chứng” và khái niệm “siêu hình”.</p> <p>3.1.2. Phép biện chứng “tự phát” (sơ khai) trong nền triết học Trung Quốc Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại.</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não; - Thảo luận 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu Giải quyết vấn đề - Thảo luận nhóm - Làm bài tập cá nhân; 	A1.1A1.2	CLO3

	<p>3.1.3. Phép biện chứng duy tâm trong triết học Cổ điển Đức (Kant, Hêghen).</p> <p>3.1.4. Sự hình thành, phát triển của phép biện chứng duy vật trong triết học Mác – Lênin.</p>					
Tuần 4	<p>3.2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật</p> <p>3.2.1. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.</p> <p>3.2.2. Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.</p> <p>3.3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn</p> <p>3.1.1. Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật .</p> <p>3.1.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Làm việc cá nhân - Bài tập cá nhân Tranh luận có cấu trúc 	A1.1A1.2	CLO2
Tuần 5	<p>Chương 4. NHẬN THỨC LUẬN</p> <p>4.1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức</p> <p>4.1.1. Các khái niệm "nhận thức", "ý thức", "tư duy", "tư tưởng" và "lý luận nhận thức"; "lý luận nhận thức duy vật" và "lý luận nhận thức duy tâm".</p> <p>4.1.2. Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức.</p> <p>4.1.3. Nguồn gốc, bản chất, mục đích, nội dung của nhận thức.</p> <p>4.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan - Thảo luận nhóm 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm đôi, - Bài tập cá nhân. 	A1.1A1.2	CLO2 CLO5

	<p>4.2.1. Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.</p> <p>4.2.2. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.</p> <p>4.2.3. Biện chứng của quá trình nhận thức</p> <p>4.2.4. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý</p> <p>4.3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội</p> <p>4.3.1. Tính đặc thù của nhận thức xã hội.</p> <p>4.3.2. Vai trò của nhận thức xã hội.</p> <p>4.3.2. Định hướng phát triển khoa học xã hội - nhân văn.</p> <p>4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>4.4.1. Nội dung của nguyên tắc.</p> <p>4.4.2. Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.</p>					
Tuần 6	<p>Chương 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI</p> <p>5.1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại</p> <p>5.1.1. Phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo và những hạn chế của nó.</p> <p>5.1.2. Phương pháp tiếp cận của lý thuyết về sự tiến triển các nền văn minh trong triết học phương Tây đương đại – giá trị và hạn chế của nó.</p> <p>5.1.3. Phương pháp tiếp cận của triết học Mác-</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Học tập hợp tác 	A1.1A1.2	CLO3

	Lênin và bản chất khoa học, cách mạng của nó.					
Tuần 7	<p>5.2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>5.2.1. Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội</p> <p>5.2.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>5.2.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>5.2.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.</p> <p>5.3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>5.3.1. Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam</p> <p>5.3.2. Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Động não - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Câu hỏi chỉ định 	A1.1A1.2	CLO3
Tuần 8	Kiểm tra Giữa kỳ		Tiểu luận		A1.1 A1.2	
Tuần 9	<p>Chương 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ</p> <p>6.1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học</p> <p>6.1.1. Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị</p> <p>6.1.2. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.</p> <p>6.1.3. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.</p> <p>6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề; - Động não - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận - Bài tập về nhà. 	A1.1A1.2	CLO3

	<p>6.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>6.2.2. Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>6.2.3. Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị</p>					
Tuần 10	<p>6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay</p> <p>6.3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay</p> <p>6.3.2. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay</p> <p>6.3.3. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay</p> <p>6.2.4. Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.</p>	4/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Bài tập về nhà 	AI.1A1.2	CLO3
Tuần 11	<p>Chương 7. Ý THỨC XÃ HỘI</p> <p>7.1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội</p> <p>7.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội</p> <p>7.1.2. Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội</p> <p>7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>7.2.1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội</p> <p>7.2.1. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội</p> <p>7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay</p> <p>7.3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Bài tập cá nhân 	AI.1A1.2	CLO4

	tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay 7.3.2. Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.					
Tuần 12	<p>Chương 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI</p> <p>8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử</p> <p>8.1.1. Triết học phương Đông</p> <p>8.1.2. Triết học phương Tây trước Mác</p> <p>8.1.3. Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại</p> <p>8.2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người</p> <p>8.2.1. Khái niệm con người</p> <p>8.2.2. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người</p> <p>8.2.3. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người</p>	3/1	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Động não - Vấn đáp 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Trò chơi 	A1.1A1.2	CLO4
Tuần 13	<p>8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh</p> <p>8.3.1. Quan niệm về con người.</p> <p>8.3.2. Về mục tiêu giải phóng con người.</p> <p>8.3.3. Về vai trò động lực của con người trong Cách mạng Việt Nam.</p> <p>8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</p> <p>8.4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người</p> <p>8.4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay</p>	3/2	<ul style="list-style-type: none"> Kết hợp: - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu - Thảo luận nhóm - Bài tập cá nhân 	A1.1A1.2	CLO4
Tuần 14						CLO2

	Kiểm tra cuối kỳ		Tự luận	Làm bài tự luận	A2	CLO3 CLO4	8.
--	------------------	--	---------	-----------------	----	--------------	----

Học liệu**8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn, không chuyên ngành Triết học)	Nxb Đại học Sư phạm.
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Đại học Quốc gia Hà Nội	2017	Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc nhóm ngành khoa học xã hội và nhân văn)	Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật.
2	Lê Hữu Ái, Nguyễn Tấn Hùng	2010	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo sau đại học không chuyên ngành Triết học)	Nxb Đà Nẵng.
3	Viện thông tin khoa học xã hội	2008	Những vấn đề mũi nhọn trong nghiên cứu triết học đương đại	Nxb Khoa học xã hội

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

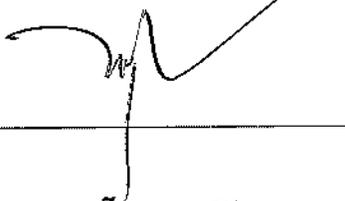
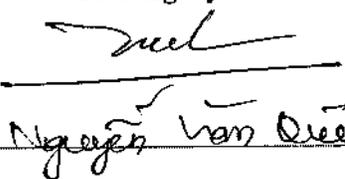
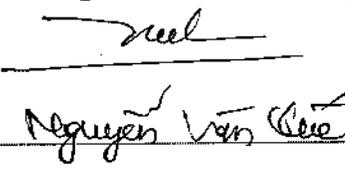
T T	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	- Nghiên cứu Triết học - Thư viện	http://philosophy.vass.gov.vn/	21/11/2025
2	Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề Triết học	http://lyluanchinhtri.vn/	21/11/2025
3	Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề Triết học	http://tapchikhxh.vass.gov.vn/	21/11/2025
4	- Thông tin nghiên cứu Khoa học xã hội & nhân văn, - Khoa học giáo dục	https://vass.gov.vn/Pages/Index.aspx	21/11/2025
5	- Lịch sử Biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Đảng toàn tập	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap	21/11/2025

6	- Thông tin lý luận - Sự kiện, bình luận - Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề Triết học	https://www.tapchicongsan.org.vn/	21/11/2025
---	--	---	------------

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng giảng dạy	Máy chiếu, máy tính		Chương 1, 2,3,4,5,6

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa	Trưởng bộ môn	Giảng viên biên soạn
	 Nguyễn Văn Đức	 Nguyễn Văn Khoa

TS. Nguyễn Duy Phương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ Ngành: Tâm lý học
Mã số: Chuyên ngành:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Thiết kế nghiên cứu trong khoa học xã hội
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Research design in psychology
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	120
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Lê Mỹ Dung
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần “Thiết kế và tổ chức nghiên cứu trong Tâm lý học” giới thiệu cho học viên quá trình triển khai một cách khoa học một đề tài nghiên cứu, đồng thời cập nhật những tri thức về phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu cụ thể trong Tâm lý học: phương pháp luận nghiên cứu, các mô hình nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thiết kế công cụ nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu, xử lý và phân tích số liệu nghiên cứu, viết báo cáo kết quả nghiên cứu tâm lý học.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về quá trình thiết kế và triển khai một cách khoa học đề tài nghiên cứu, đồng thời cập nhật những tri thức về phương pháp, kỹ

thuật nghiên cứu cụ thể trong Tâm lý học, từ đó vận dụng vào hoạt động nghiên cứu đặc điểm tâm lý của các đối tượng ở nhà trường, đồng thời phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có hiểu biết về các mô hình nghiên cứu trong tâm lý học.
- CO2: Vận dụng phù hợp quy trình, nguyên tắc phương pháp luận, mô hình nghiên cứu vào việc thiết kế một nghiên cứu tâm lý học;
- CO3: Nghiêm túc, khách quan, trung thực trong thực hiện đề tài nghiên cứu về tâm lý học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	- Trình bày được nguyên tắc phương pháp luận và các mô hình nghiên cứu trong tâm lý học
CLO2	- Thiết kế được đề cương nghiên cứu chi tiết
CLO3	- Lựa chọn phương pháp, kỹ thuật cụ thể và thiết kế công cụ phù hợp đề tài nghiên cứu trong tâm lý học;
CLO4	- Lập kế hoạch, tổ chức triển khai được hoạt động nghiên cứu tâm lý học trong thực tiễn

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

a. Định hướng nghiên cứu

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2		PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI45.1	PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO 1				R									
CLO 2			M,A									R	
CLO3				R									
CLO4				R									

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tiểu luận	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO1,3
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 2,4

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Rubric đánh giá tiểu luận

Tiêu chí Đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Cấu trúc	Cấu trúc không cân đối, thiếu hợp lý	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý	Cấu trúc cân đối, hợp lý.
Nội dung	- Nội dung phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề - Lập luận không chặt chẽ, logic	- Nội dung phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	- Nội dung có phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic
Kết luận	Không phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, fomat...)	Format rất nhiều chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả rất nhiều	Vài sai sót nhỏ về format. Một vài lỗi chính tả	Nhất quán về format trong toàn bài. Không có lỗi chính tả

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	<p>Giới thiệu về học phần.</p> <p>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÍ LUẬN CHUNG</p> <p>1.1. Nghiên cứu khoa học và nghiên cứu tâm lí học</p> <p>1.1.1. Nghiên cứu: một con đường thu thập chứng cứ thực tiễn</p> <p>1.1.2. Các giai đoạn, các bước, điều kiện thực hiện một nghiên cứu về tâm lí học</p> <p>1.2. Phương pháp luận nghiên cứu tâm lí học</p> <p>1.2.1. Các nguyên tắc phương pháp luận chỉ đạo nghiên cứu tâm lí học</p> <p>1.2.2. Các phương pháp nghiên cứu trong tâm lí học</p>	2/0	<p>Thuyết trình về nội dung học phần và những vấn đề lí luận chung về nghiên cứu tâm lý học</p> <p>Thảo luận nhóm: Nguyên tắc, quy trình và phương pháp nghiên cứu tâm lý học</p> <p>Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo.</p>	<p>- Lắng nghe, ghi chép về nội dung học phần và những vấn đề lí luận chung về nghiên cứu tâm lý học</p> <p>- Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Nguyên tắc, quy trình và phương pháp nghiên cứu tâm lý học</p> <p>- Tự học Đọc tài liệu [1, tr1-10], [2, tr15-41], [3, tr7-15], [4, tr1-82], [5, tr5-57, tr199-208],</p>	R1.1	CLO 1
	<p>CHƯƠNG 2: CÁC MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG TÂM LÝ HỌC</p> <p>2.1. Nghiên cứu định lượng – các loại hình</p> <p>2.1.1. Nghiên cứu tương quan</p> <p>2.1.2. Nghiên cứu thực nghiệm</p> <p>2.1.3. Nghiên cứu so sánh nguyên nhân</p> <p>2.2. Nghiên cứu định tính trong tâm lý học</p> <p>2.2.1. Những đặc trung cơ bản của nghiên cứu định tính</p> <p>2.2.2. Quy trình nghiên cứu định tính</p>	3/0	<p>Thảo luận nhóm: Các mô hình nghiên cứu trong tâm lý học</p> <p>Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: “Đề xuất tên 01 đề tài nghiên cứu tâm lý học”</p>	<p>- Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Các mô hình nghiên cứu trong tâm lý học</p> <p>- Tự học Đọc tài liệu [1, tr11-26], [2, tr42-53], [3, tr66-108], [4, tr83-359], [5, tr58-198]</p>	R1.1	CLO 2,4

	2.3. Kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính					
2-5	<p>CHƯƠNG 3: XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU</p> <p>3.1. Hình thành vấn đề nghiên cứu</p> <p>3.1.1. “Nghiên cứu tiếp xúc” và xác định tên đề tài nghiên cứu</p> <p>3.1.2. Xác định các biến nghiên cứu</p> <p>3.2. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu</p> <p>3.2.1. Chức năng của giả thuyết và các loại giả thuyết</p> <p>3.2.2. Kiểm tra giả thuyết và lỗi trong kiểm tra giả thuyết</p> <p>3.3. Lựa chọn mô hình nghiên cứu</p> <p>3.3.1. Xác định mô hình nghiên cứu</p> <p>3.3.2. Lựa chọn phương pháp nghiên cứu</p> <p>3.4. Xác định nội dung nghiên cứu</p> <p>2.4.1. Viết các câu hỏi nghiên cứu</p> <p>2.4.2. Mô tả hành động cần tiến hành nghiên cứu</p> <p>3.5. Lập kế hoạch triển khai nghiên cứu</p> <p>2.5.1. Xây dựng thời gian biểu</p> <p>2.5.2. Lập kế hoạch thu thập số liệu</p>	5/25	<p>Thuyết trình Quy trình xây dựng và nội dung đề cương nghiên cứu đề tài tâm lý học</p> <p>Hướng dẫn thực hành xây dựng đề cương nghiên cứu đề tài tâm lý học.</p> <p>Hướng dẫn thực hành xây dựng kế hoạch triển khai nghiên cứu đề tài tâm lý học.</p>	<p>- HV đọc tài liệu [1, tr27-44], [2, tr54-247], [3, tr24-65],</p> <p>-HV thực hành cá nhân theo hướng dẫn và yêu cầu xây dựng đề cương nghiên cứu cho 1 đề tài tâm lý học.</p> <p>- Hoàn thiện đề cương nghiên cứu của 1 đề tài tâm lý học</p> <p>- Thực hành cá nhân xây dựng kế hoạch triển khai nghiên cứu đề tài tâm lý học.</p> <p>- Hoàn thiện kế hoạch nghiên cứu của 1 đề tài tâm lý học</p>	R2.1	CLO 2
6-9	<p>CHƯƠNG 4: XÂY DỰNG CÔNG CỤ VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU</p> <p>4.1. Xây dựng công cụ trong nghiên cứu tâm lý học</p>	5/15	<p>Thuyết trình Quy trình xây dựng và lựa chọn công cụ nghiên cứu đề tài tâm lý học</p> <p>- Hướng dẫn thực hành xây dựng và</p>	<p>- HV đọc tài liệu [1, tr27-44], [2, tr54-247], [3, tr24-65],</p> <p>-HV thực hành cá nhân theo hướng</p>	R1.1	CLO 2

	<p>4.1.1. Đo lường và thang đo</p> <p>4.1.2. Nguyên tắc, quy trình xây dựng công cụ trong nghiên cứu tâm lý học</p> <p>4.2. Chọn mẫu trong nghiên cứu tâm lý học</p> <p>4.2.1. Mục đích, ý nghĩa</p> <p>4.2.2. Phương pháp chọn và cỡ mẫu</p> <p>4.3. Tổ chức thu thập số liệu trong nghiên cứu tâm lý học</p> <p>4.3.1. Những vấn đề đạo đức trong thu thập số liệu đối với nghiên cứu tâm lý học</p> <p>4.3.2. Xử lý và phân tích số liệu nghiên cứu</p>		<p>lựa chọn bộ công cụ nghiên cứu đề tài tâm lý học.</p>	<p>dẫn và yêu cầu xây dựng đề cương nghiên cứu cho 1 đề tài tâm lý học.</p> <p>- Hoàn thiện bộ công cụ nghiên cứu của 1 đề tài tâm lý học</p>		
6	<p>CHƯƠNG 5: VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TÂM LÝ HỌC</p> <p>5.1. Xây dựng đề cương báo cáo kết quả nghiên cứu</p> <p>5.2. Viết báo cáo kết quả nghiên cứu hoàn chỉnh</p>	3/2	<p>Thuyết trình Quy trình viết báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài tâm lý học.</p> <p>Hướng dẫn thực hành xây dựng khung báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài tâm lý học.</p>	<p>- HV đọc tài liệu [1, tr90-97], [3, tr232-372], [4, tr360-359].</p> <p>-HV thực hành cá nhân xây dựng khung báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài tâm lý học.</p>	R2.1	CLO 2,4
	Hướng dẫn thực hiện bài tiểu luận cuối khoá		Học viên thực hiện bài tiểu luận Thiết kế đề cương nghiên cứu đề tài tâm lý học chi tiết.	Trên cơ sở kiến thức đã học ở môn học, HV làm bài tiểu luận đáp ứng yêu cầu nội dung nghiên cứu tâm lý học có độ dài từ 20-30 trang.	R2.1	CLO2 CLO 4

9. Tài liệu học tập

9.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Mỹ Dung	2018	Tài liệu bài giảng “Thiết kế và tổ chức nghiên cứu trong tâm lý học”	ĐHSP- ĐHQĐN
2	Hoàng Mộc Lan	2013	Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học	NXB ĐHQGHN
3	Nguyễn Văn Tuấn	2018	Cẩm nang nghiên cứu khoa học- Tư ý tưởng đến công bố	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh
4	John J. Shauhnessy	2003	Research Methods in Psychology	Mc Graw Hill
5	AlnoI Bhattacharjee, Copyright Vietnamese version 2015 by Phan Viet Phong and Cao Ngoc Anh	2012	Nghiên cứu khoa học xã hội: Nguyên tắc, phương pháp và thực hành	Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 3.0 Unported Licens
Sách, giáo trình tham khảo				
6	Vũ Cao Đàm	1997	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội,
7	Nguyễn Công Khanh,	2004	Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội,	NXB Chính trị quốc gia.
8	Nguyễn Công Khanh,	2009	Phương pháp thiết kế công cụ	ĐHSP Hà Nội
9	Nguyễn Công Khanh	2006	Các phương pháp xử lý phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS, Ver.13.0.	ĐHSP Hà Nội.
10	Võ Văn Huy, Võ Thị Lan, Hoàng Trọng	1997	Ứng dụng SPSS for windows để xử lý và phân tích dữ kiện nghiên cứu	NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội
11	Nancy L. Leech	2005	SPSS for Intermediate Statistics: Use and Interpretation	Lawrence Erlbaum Associates.
12	Dennis Howitt, Duncan Cramer	2008	Statistics in Psychology	Prentice Hall
13	Creswell, J. W.	2003	Research design: Qualitative, quantitative, and mixed methods approaches (2nd.edition)	ThousandOaks,CA:Sage

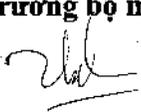
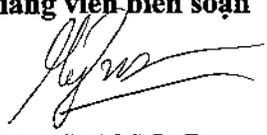
9.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Bài viết đăng tải cơ sở lý luận, phương pháp và kết quả nghiên cứu chuyên ngành tâm lý học	http://vientamlyhoc.vass.gov.vn/an-pham-khoa-hoc/Pages/tap-chi.aspx	2025
2	Tâm lý học, Khoa học giáo dục	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam (vnies.edu.vn)	2025
3	Sinh lý và Tâm lý học lứa tuổi	TAP CHÍ GIÁO DỤC (moet.gov.vn)	2025
4	Tâm lý học, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục	UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education (jshe.vn)	2025
5	Tâm lý học, Giáo dục học	Hệ thống thông tin KHCN - Trường ĐHSP Hà Nội (hnue.edu.vn)	2025
6	Tâm lý học, Khoa học xã hội và nhân văn	http://tckh.hcmup.edu.vn/	2025

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Có âm thanh, máy chiếu	1	Giấy A0, Bút dạ

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS. Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS. Lê Mỹ Dung
--	--	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ – GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

Chuyên ngành:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Theories of learning and psychological development
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS Lê Quang Sơn
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Hồ Thị Thuý Hằng
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tâm lý học. Học phần gồm 6 chương cung cấp cho người học những kiến thức khoa học, hiện đại về các lý thuyết học tập và phát triển tâm lý người. Cụ thể là những vấn đề chung về sự phát triển tâm lý và một số lý thuyết như Phân tâm học; Tâm lý học hành vi; học thuyết văn hoá xã hội, lý thuyết nhận thức và một số lý thuyết khác. Những kiến thức này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho các học phần tiếp theo như Giáo dục năng lực cảm xúc xã hội hay; Phương pháp giáo dục trẻ em; Phương pháp đánh giá trí tuệ và nhân cách trẻ em...

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 1,3,4

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	- Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên.	- Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên.	- Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên.
Tiểu luận	- Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo đúng quy định, nhiều lỗi kỹ thuật.	- Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.	- Trình bày đầy đủ nội dung, vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH/ /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Những vấn đề chung về sự	5/0	Thuyết trình; Phát vấn;	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời	A1.1	CLO 1

	<p>phát triển con người</p> <p>1.1. Khái niệm con người, cá nhân, cá tính, nhân cách</p> <p>1.2. Lý thuyết và nghiên cứu về sự phát triển con người</p> <p>1.3. Lý thuyết và các thành tố của lý thuyết</p> <p>1.4. Những luận đề cơ bản trong nghiên cứu con người</p>		Tổ chức thảo luận nhóm	câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm		
2	<p>Chương 2: Lý thuyết phân tâm về sự phát triển con người</p> <p>2.1. Một số nét chung của thuyết</p> <p>2.2. Quan điểm phát triển của thuyết</p> <p>2.3. Các giai đoạn phát triển tâm sinh học</p> <p>2.4. Cơ chế của sự phát triển</p>	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1;2
3	<p>Chương 3: Thuyết hành vi về học tập và sự phát triển con người</p> <p>3.1 Những luận điểm chủ yếu về trẻ em và sự phát triển</p> <p>3.2. Mô hình dạy học điều kiện hóa cổ điển của Watson</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1;2
4	<p>Chương 3: Thuyết hành vi về học tập và</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời	A1.1	CLO 1,2

	<p>sự phát triển con người</p> <p>3.3. Mô hình dạy học hành vi tạo tác của Skinner</p> <p>3.4. Mô hình học tập nhận thức của E.C.Tolman</p> <p>3.5. Mô hình học tập nhận thức xã hội của A.Bandura</p>		động nhóm nhỏ	câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm		
5	<p>Chương 4: Thuyết nhận thức về học tập và sự phát triển tâm lý con người</p> <p>4.1. Học thuyết về chức năng, cấu trúc và sự phát sinh của trí tuệ</p> <p>4.2. Học thuyết về các giai đoạn phát triển trí tuệ ở trẻ em</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1,2,5
6	Thi giữa kỳ		Tự luận	Tham gia thi giữa kỳ	A1.1	CLO 1,2
7	<p>Chương 5: Học thuyết văn hoá xã hội</p> <p>5.1. Một số nét chung của học thuyết</p> <p>5.2. Quan điểm về sự phát triển tâm lý, nhân cách</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 1,3,4
8	<p>Chương 5: Học thuyết văn hoá xã hội</p> <p>5.3. Cách nhìn mới về hoạt động dạy và học</p>	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 1,3,4

	5.4. Vấn đề lứa tuổi trong sự phát triển của trẻ em					
9	Chương 6: Một số lý thuyết khác về học tập và phát triển con người 6.1. Thuyết xử lý thông tin 6.2. Thuyết học tập khám phá	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1.	CLO 1,3,4
10	Chương 6: Một số lý thuyết khác về học tập và phát triển con người 6.3. Lý thuyết đa trí tuệ	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1.	CLO 1,3,4
11	Thi kết thúc học phần		Tiểu luận	Tham gia thi kết thúc học phần	A2.1.	CLO 1,3,4

9. Tài liệu học tập

9.1 Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Nguyễn Ngọc Bích	1998	Tâm lý học nhân cách - Một số vấn đề lý luận,	NXB Giáo dục
2	Phan Trọng Ngọ	2003	Các lý thuyết phát triển tâm lý người	NXB Giáo dục
3	Lê Quang Sơn	2011	Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm	NXB Đà Nẵng
4	Lê Quang Sơn	2017	Cơ sở Tâm lý – Giáo dục học đại học	NXB Thông tin và truyền thông
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Nguyễn Thạc	2003	Lý thuyết và Phương pháp nghiên cứu sự phát triển của trẻ em	NXB ĐHQG Hà Nội

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
4	Barry. Smith & Harold. Vetter	2005	Các học thuyết về nhân cách	NXB VH TT
5	Patricia. Miler	1989	Các thuyết về tâm lý học phát triển	NXB VH TT
6	Jeffrey J.Magnavita	2002	Theories of personality	John Wiley & sons Inc

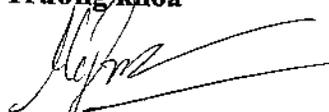
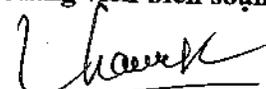
9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Quá trình phát triển con người	https://phcn-online.com/2015/10/16/bai-2-cac-thuyet-ve-su-phat-trien-con-nguoi/	2025
2	Lý thuyết phát triển tâm lý	https://www.simplypsychology.org/theories.html	2025

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  TS Hồ Thị Thúy Hằng
---	--	--

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ – GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	THAM VẤN HỌC ĐƯỜNG
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	SCHOOL COUNSELING
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	02 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	15 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS Lê Mỹ Dung
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS Nguyễn Thị Hằng Phương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	Tâm lý học trường học
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tham vấn học đường là học phần bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành đề cập đến những kiến thức lý luận và thực tiễn cơ bản nhất về những vấn đề tham vấn học đường hiện nay, như: tổng quan về tham vấn tâm lý học đường, các khái niệm cơ bản; các mô hình tiếp cận, các kỹ năng, quy trình và hình thức trong tham vấn tâm lý học đường.

Học phần hình thành cho học viên có kỹ năng can thiệp độc lập cho các đối tượng trong môi trường học đường.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học viên học xong học phần này có thể có kiến thức chuyên sâu về tham vấn học đường, có năng lực tham vấn độc lập trường hợp cá nhân, nhóm có nhu cầu tham vấn các vấn đề liên quan đến học đường và thể hiện được hành vi đạo đức nghề trong tham vấn.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có kiến thức chuyên sâu về các vấn đề khó khăn tâm lý học đường và mô hình tham vấn học đường trên thế giới, ở Việt Nam và các kỹ thuật tham vấn học đường hiệu quả.
- CO2: Có năng lực độc lập tham vấn trường hợp cá nhân, nhóm trong môi trường học đường
- CO3: Thể hiện hành vi đạo đức nghề tham vấn trong môi trường học đường; có kỹ năng làm việc nhóm và quản trị hoạt động tham vấn học đường.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Phát biểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về khó khăn tâm lý học đường, các mô hình tham vấn học đường trên thế giới và ở Việt Nam, các kỹ thuật tham vấn học đường hiệu quả
CLO2	Vận dụng được quy trình, hình thức và các kỹ năng tham vấn vào hỗ trợ trường hợp có nhu cầu tham vấn
CLO3	Xây dựng được mô hình hoạt động tham vấn học đường tại cơ sở giáo dục
CLO4	Hợp tác nhóm và quản trị được hoạt động tham vấn của cá nhân
CLO5	Thực hiện đúng quy tắc đạo đức trong hoạt động tham vấn

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2			PI4.1	PI4.2	PI4.3		PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO 1	R	R											
CLO 2					M,A								
CLO3						R							

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2			PI4.1	PI4.2	PI4.3		PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO4							R		R	I	R		
CLO5													R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Thảo luận nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,3, 4,5
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Thực hành cá nhân	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 1,2, 4, 5

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm (kiểm tra giữa kỳ) Đánh giá thực tiễn hoạt động tham vấn học đường (1 cơ sở cụ thể), đề xuất mô hình tham vấn học đường hiệu quả Trọng số: 0.4	Hợp tác nhóm rời rạc. Đánh giá được một phần ưu điểm, hạn chế của hoạt động tham vấn học đường tại cơ sở cụ thể.	Thể hiện được sự hợp tác nhóm trong công việc. Đánh giá được cơ bản ưu điểm, hạn chế của hoạt động tham vấn học đường tại cơ sở cụ thể. Đề xuất khuyến nghị áp dụng	Hợp tác nhóm tốt. Đánh giá được ưu điểm, hạn chế của hoạt động tham vấn học đường tại cơ sở cụ thể bằng các bằng chứng khoa học và tin cậy. Đề xuất được khuyến nghị áp	Hợp tác nhóm hiệu quả. Đánh giá được chính xác, đầy đủ những ưu điểm, hạn chế của hoạt động tham vấn học đường tại cơ sở cụ thể bằng các bằng chứng khoa học và tin cậy

	Chưa đề xuất được khuyến nghị áp dụng mô hình tham vấn học đường hiệu quả	mô hình tham vấn học đường.	dụng mô hình tham vấn học đường hiệu quả.	Đề xuất được khuyến nghị áp dụng mô hình tham vấn học đường hiệu quả, có tính khả thi.
Bài tập thực hành cá nhân (kiểm tra cuối kỳ): Tham vấn trường hợp Trọng số: 0.6	Phúc trình ca tham vấn chưa đầy đủ; chưa thể hiện được quy trình, hình thức và kỹ năng tham vấn; việc quản trị ca. Chưa thể hiện đúng theo yêu cầu quy tắc đạo đức trong tham vấn.	Phúc trình được một phần ca tham vấn; trong đó thể hiện được vài nét về quy trình, hình thức và kỹ năng tham vấn; việc quản trị ca còn chưa bộc lộ rõ; có thực hiện theo một phần theo yêu cầu quy tắc đạo đức trong tham vấn.	Phúc trình được ca tham vấn; trong đó thể hiện được cơ bản quy trình, hình thức và kỹ năng tham vấn, đồng thời thể hiện được công việc quản trị ca; thực hiện theo yêu cầu quy tắc đạo đức trong tham vấn.	Phúc trình được ca tham vấn; trong đó thể hiện được tốt quy trình, hình thức và kỹ năng tham vấn, đồng thời thể hiện được công việc quản trị ca hiệu quả, thực hiện đúng theo yêu cầu quy tắc đạo đức trong tham vấn.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Tổng quan về tham vấn tâm lý học đường 1.1. Khái niệm cơ bản về tham vấn 1.2. Lịch sử hình thành tham vấn học đường	3/2/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1, 5
2	Chương 1: Tổng quan về tham vấn tâm lý học đường 1.3. Một số lý thuyết về tham vấn tâm lý	3/2/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV;	A1.1	CLO 1, 5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	1.4. Vai trò tham vấn học đường 1.5. Đạo đức trong tham vấn học đường			Thảo luận nhóm		
3	Chương 2: Hình thức và tiến trình tham vấn tâm lý học đường 2.1. Những vấn đề cần tham vấn trong học đường (học tập/các mối quan hệ/phát triển cá nhân...) 2.2. Hình thức tham vấn (cá nhân/ nhóm/...)	3/2/0	Tổ chức thảo luận nhóm; Thực hành trải nghiệm tình huống giả định	Thảo luận nhóm; Đóng vai	A2.1	CLO 2
4	Chương 2: Hình thức và tiến trình tham vấn tâm lý học đường 2.3. Tiến trình tham vấn 2.4. Các kỹ năng tham vấn học đường	2/3/0	Tổ chức thảo luận nhóm; Thực hành trải nghiệm tình huống giả định	Thảo luận nhóm; Đóng vai	A2.1	CLO 2
5	Chương 3: Các mô hình tham vấn học đường và ứng dụng thực tiễn tại các cơ sở giáo dục Việt Nam 3.1. Các mô hình tham vấn học đường 3.2. Thực tiễn áp dụng mô	4/1/0	Tổ chức thảo luận nhóm; Nghiên cứu trường hợp	Thảo luận nhóm; Nghiên cứu và đánh giá trường hợp	A1.1	CLO 1,3,4,5

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	hình tham vấn học đường ở Việt Nam					
6	Thi giữa kỳ:	0/5/0	Bài tập nhóm	Thực hành: Đánh giá thực tiễn hoạt động tham vấn tại các cơ sở giáo dục Việt Nam và đề xuất mô hình vận dụng.	A1.1	CLO 1,3,4,5
7	Chương 4. Thực hành ca tham vấn học đường 4.1. Thực hành tham vấn cá nhân 4.2. Thực hành tham vấn nhóm	0/5/0	Bài tập thực hành cá nhân	Thực hành trải nghiệm	A2.1.	CLO 2, 4, 5
8	Thi hết môn	0/5/0	Thi thực hành	Thực hành tham vấn trường hợp có vấn đề SKTT học đường	A2.1.	CLO 1,2, 4, 5

9. Tài liệu học tập

9.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Trần Thị Minh Đức	2014	Giáo trình tham vấn tâm lý	NXB. ĐHQG Hà Nội
2	Nguyễn Thị Trâm Anh Bùi Thị Thanh Diệu Nguyễn Thị Hằng Phương	2019	Giáo trình Kỹ năng tham vấn học đường	NXB Thông tin và truyền thông

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Nguyễn Thị Trâm Anh	2016	Nghiên cứu hoạt động tham vấn tâm lý cho học sinh tại các trường THCS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng	Đề tài cấp Đại học Đà Nẵng Đ2015-03-71
3	Nguyễn Thị Trâm Anh	2014	Nghiên cứu đề xuất mô hình hỗ trợ tâm lý học đường tại các trường THCS thành phố Đà Nẵng (thí điểm trường THCS Tây Sơn)	Đề tài cấp ĐHSP T2014 - 03 - 31
4	Nguyễn Thơ Sinh	2006	Tư vấn tâm lý căn bản,	NXB Lao động
5	Kiến Văn, Lý Chủ Hùng	2007	Tư vấn tâm lý học đường	NXB phụ nữ

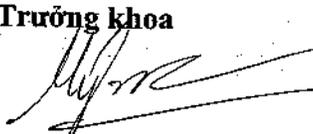
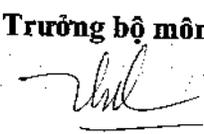
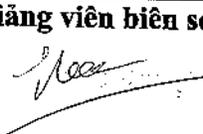
9.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Cách thức tham vấn hiệu quả cho trẻ và gia đình	https://tamlyhochiendai.com	
2	Các lý thuyết về tham vấn	gocnhintamlyhoc.wordpress.com	

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 1 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS Nguyễn Thị Hằng Phương
---	--	--

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA TÂM LÝ – GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tâm lý học trường học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	School psychology
1.3	Mã học phần:	32035056
1.4	Số tín chỉ:	3
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	
-	Tự học:	90
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Hoàng Thế Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS Lê Mỹ Dung
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần tập trung vào những vấn đề chuyên môn sâu và thực hành trong tâm lý học trường học. Xem xét một cách kỹ lưỡng vai trò và chức năng của nhà tâm lý học trường học và diễn giải những mối quan hệ của họ trong phạm vi quan hệ công việc của một nhà tâm lý học trường học; chuyên môn sâu của một nhà tâm lý học và những kỹ năng thực hành chuyên môn tâm lý học trường học; những khía cạnh của dịch vụ hỗ trợ tâm lý trong trường học; những vấn đề cơ bản có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của nhà tâm lý học trường học

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần giúp học viên có hiểu biết về hoạt động tâm lý học trường học, các mô hình tâm lý học trường học và đặc điểm hoạt động trợ giúp tâm lý học đường, xây dựng và tổ chức được hoạt động trợ giúp tâm lý học đường. Đồng thời hình thành cho học viên năng lực đánh

giá thực trạng hoạt động tâm lý học tại trường học, từ đó xây dựng được một chương trình làm việc của nhà tâm lý học trường học tại một trường học cụ thể.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Kiến thức cơ bản về tâm lý học trường học.
- CO2: Phân tích được các mô hình tâm lý học trường học.
- CO3: Hiểu được đặc điểm hoạt động trợ giúp tâm lý học đường.
- CO4: Phân tích được hoạt động xây dựng và tổ chức được hoạt động trợ giúp tâm lý học đường
- CO5: Đánh giá thực trạng hoạt động tâm lý học tại trường học, từ đó xây dựng được một chương trình làm việc của nhà tâm lý học trường học tại một trường học cụ thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được những vấn đề chung của tâm lý học trường học.
CLO2	Trình bày được các mô hình tâm lý học trường học trên thế giới và hướng ứng dụng vào Việt Nam.
CLO3	Hiểu được đặc điểm hoạt động trợ giúp tâm lý học đường.
CLO4	Phân tích được hoạt động xây dựng và tổ chức được hoạt động trợ giúp tâm lý học đường
CLO5	Đánh giá được thực trạng hoạt động tâm lý học tại trường học
CLO6	Đề xuất các biện pháp phát triển tâm lý học đường tại trường học
CLO7	Thực hiện được hoạt động truyền thông các vấn đề tâm lý học đường

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
	PI1.1		PI3.1	PI4.1		PI6.2	
CLO 1	R						
CLO 2	R						
CLO 3	R						

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
	PI1.1		PI3.1	PI4.1		PI6.2	
CLO 4	R,A						
CLO5			R				
CLO 6				R			
CLO7						R,A	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1. Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 7
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Bài tập cá nhân	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 4

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

7.1. Bài kiểm tra giữa kỳ

RUBIC ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP NHÓM						
Tiêu chí	Trọng số (%)	MỨC F	MỨC D	MỨC C	MỨC B	MỨC A
		<4	4.0-5.4	5.5-6.9	7.0-8.4	8.5-10
1. Xây dựng được kế hoạch thực hiện và nộp đúng	20	Không thực hiện các nhiệm vụ, không	Thực hiện 40-50% các nhiệm vụ, nộp sản	Thực hiện 50-60% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nộp sản phẩm trong thời	Thực hiện tốt các nhiệm vụ, nộp sản phẩm đúng hạn

hạn		nội sản phẩm	phẩm sau thời gian gia hạn	sau thời gian gia hạn	gian gia hạn	
2. Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu, thể hiện tự duy sáng tạo và tư duy phân biện	50	Nội dung trình bày chưa chính xác, thiếu căn cứ và không có bằng chứng thuyết phục	Nội dung sản phẩm thực hành còn thiếu, chưa chính xác, khó ứng dụng thực tiễn.	Nội dung sản phẩm thực hành cơ bản đầy đủ, đôi chỗ còn chưa chính xác, ít thể hiện tính ứng dụng thực tiễn	Nội dung sản phẩm thực hành khá đầy đủ, chính xác, có tính ứng dụng thực tiễn	Nội dung sản phẩm thực hành đầy đủ, chính xác, sáng tạo, có tính ứng dụng thực tiễn cao..
3. Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu	10	Format sai, lỗi chính tả rất nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Format vài chỗ không thống nhất, tương đối nhiều lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả, đánh máy nhỏ	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả, đánh máy
4. Trình bày báo cáo rõ ràng	10	Trình bày không rõ ràng, không thuyết phục	Thiếu rõ ràng, thiếu thuyết phục	Tương đối rõ ràng, mạch lạc, một số chỗ chưa thuyết phục	Mạch lạc, rõ ràng, một số chỗ chưa thuyết phục	Mạch lạc, rõ ràng, hấp dẫn, thuyết phục.
5. Trả lời câu hỏi đầy đủ, đúng, thuyết phục	10	Không trả lời đúng câu hỏi	Trả lời đúng 40-55% câu hỏi, nhiều chỗ chưa thuyết phục	Trả lời đúng 55-70% câu hỏi, một số chỗ chưa thuyết phục	Trả lời đúng 70-85% câu hỏi, một số chỗ chưa thuyết phục	Trả lời đầy đủ, đúng và thuyết phục tất cả các câu hỏi

7.2. Bài kiểm tra cuối kỳ

RUBIC ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN						
Tiêu chí	Trọng số (%)	MỨC F	MỨC D	MỨC C	MỨC B	MỨC A
		<4	4.0-5.4	5.5-6.9	7.0-8.4	8.5-10
1. Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	20	Không thực hiện các nhiệm vụ, nộp sản phẩm	Thực hiện 40-49% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện 50-59% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện 60-79% các nhiệm vụ nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực đầy đủ các nhiệm vụ (80%-100%), nộp sản phẩm đúng hạn

2. Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	60	Nội dung trình bày chưa chính xác, thiếu căn cứ và không có bằng chứng thuyết phục	Nội dung phần lớn còn chưa chính xác, thiếu căn cứ, chưa được phân tích cụ thể, thiếu bằng chứng thuyết phục.	Nội dung có vài chỗ thiếu tính chính xác, và thiếu căn cứ; được phân tích nhưng chưa chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung đảm bảo chính xác, có căn cứ, được phân tích cụ thể nhưng chưa chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung đảm bảo tính chính xác, có căn cứ và được phân tích kỹ càng với các lập luận chặt chẽ và có bằng chứng thuyết phục
3. Sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu	10	Format sai, lỗi chính tả rất nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Format vài chỗ không thống nhất, tương đối nhiều lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả
4. Ý tưởng sáng tạo	10	Không nêu được ý tưởng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Mới chỉ nêu được ý tưởng, chưa thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ, đôi chỗ chưa phân tích rõ ràng	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Khái quát chung về tâm lý học trường học 1.1. Khái niệm tâm lý học trường học. 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển 1.3. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý sử dụng trong điều kiện trường học	5/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm		
2	Chương 2. Mô hình tâm lý học trường học	4/1	Thuyết trình; Phát vấn;	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời		

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.1. Mô hình Tâm lý học trường học ở các nước trên thế giới 2.2. Mô hình tam giác phân phối hệ thống dịch vụ của tâm lý học trường học		Tổ chức thảo luận nhóm	câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm		
3	Chương 3. Đặc điểm hoạt động trợ giúp tâm lý học trường học 3.1. Đặc điểm chân dung nhà tâm lý học trường học 3.2. Học sinh và hoạt động trợ giúp tâm lý học đường 3.3. Các lĩnh vực hoạt động chính của nhà tâm lý học đường	4/1	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm		
4	Chương 4. Tổ chức hoạt động trợ giúp tâm lý học đường 4.1. Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của nhà tâm lý học đường 4.2. Xây dựng và tổ chức hoạt động của phòng Tâm lý học đường 4.3. Xây dựng và tổ chức các hoạt động đặc	4/1	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1 A2.1	CLO 4,7

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	thù của tâm lý học đường					
5	Chương 4. Tổ chức hoạt động trợ giúp tâm lý học đường (tiếp theo)	4/1	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1 A2.1	CLO 4,7
6	Chương 4. Tổ chức hoạt động trợ giúp tâm lý học đường (tiếp theo)	4/1	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1 A2.1	CLO 4,7
7	Kiểm tra giữa kỳ	0/5	Báo cáo sản phẩm nhóm		A1.1	CLO7
8	Bài 1. Thực tế trường học và mô tả hoạt động tâm lý học tại trường học	1/4	Tham quan, thực tế Thảo luận Báo cáo kết quả	Tham quan, thực tế Thảo luận nhóm Báo cáo kết quả thực tế		CLO5
9	Bài 2. Phân tích mô hình hoạt động của một phòng tâm lý học đường tại địa phương.	1/4	Tham quan, thực tế Thảo luận Báo cáo kết quả	Tham quan, thực tế Thảo luận nhóm Báo cáo kết quả thực tế		CLO5
10	Bài 3. Thực hành đề xuất các biện pháp phát triển tâm lý học đường tại trường học	3/2	Tham quan, thực tế Thảo luận Báo cáo kết quả	Tham quan, thực tế Thảo luận nhóm Báo cáo kết quả thực tế		CLO6
11	Thi hết môn	0/5	Bài tập cá nhân		A2.1	CLO 4

9. Tài liệu học tập

9.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Hoàng Thế Hải	2022	Đề cương bài giảng: Tâm lý học trường học	Lưu hành nội bộ

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
2	Huỳnh Văn Sơn (chủ biên)	2020	Hướng dẫn công tác Tâm lý học trường học trong trường trung học	NXB Giáo dục Việt Nam
Sách, giáo trình tham khảo				
3	National Association of School Psychologists	2020	The professional standards of the National Association of School Psychologists	National Association of School Psychologists

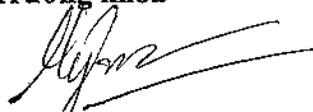
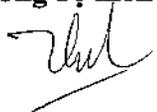
9.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	School Psychology	https://www.apa.org/ed/graduate/specialize/school	
2	About School Psychology	https://www.nasponline.org/about-school-psychology/who-are-school-psychologists	

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS. Hoàng Thế Hải
---	--	--

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ - GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Child and adolescent psychopathology
1.3	Mã học phần:	32035105
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	BS CKII. Lâm Tứ Trung
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm bệnh học trẻ em và vị thành niên là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tâm lý học. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về các rối loạn tâm thần phổ biến ở trẻ em và tuổi vị thành niên như rối loạn cảm xúc, rối loạn lo âu, rối loạn phát triển, rối loạn hành vi, tâm thần phân liệt... Những kiến thức này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho các học phần tiếp theo như nghiên cứu khoa học, tham vấn, phương pháp đánh giá trí tuệ và nhân cách, quản lý hành vi lớp học.

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2			PI4.1	PI4.2	PI4.3		PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO5													R

b. Định hướng ứng dụng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2			PI4.1	PI4.2	PI4.3		PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO 1		R											
CLO 2		R											
CLO3		R											
CLO4		R											
CLO5													R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tự luận	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Vấn đáp	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3,4,5

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Tự luận	Nhận diện không đầy đủ biểu hiện và liệt kê không đầy đủ tiêu chí chẩn đoán các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên.	Nhận diện được đầy đủ các biểu hiện nhưng liệt kê không đầy đủ tiêu chí chẩn đoán các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên.	Nhận diện được đầy đủ các biểu hiện và liệt kê đầy đủ tiêu chí chẩn đoán các rối loạn tâm thần phổ biến ở trẻ em và vị thành niên.
Vấn đáp	Giải thích được nguyên nhân gây rối loạn tâm thần theo các quan điểm khoa học khác nhau. Không kể tên được các phương pháp, hình thức và lực lượng hỗ trợ học sinh bị rối loạn tâm thần. Có thái độ tiêu cực với người rối loạn tâm thần.	Giải thích được nguyên nhân gây rối loạn tâm thần theo các quan điểm khoa học khác nhau. Kể tên được các phương pháp, hình thức và lực lượng hỗ trợ học sinh bị rối loạn tâm thần. Có thái độ tiêu cực với người rối loạn tâm thần.	Giải thích được nguyên nhân gây rối loạn tâm thần theo các quan điểm khoa học khác nhau. Kể tên được các phương pháp, hình thức và lực lượng hỗ trợ học sinh bị rối loạn tâm thần. Có thái độ tích cực đối với người rối loạn tâm thần.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Khái quát chung về tâm bệnh học trẻ em và vị thành niên 1.1 Một số khái niệm cơ bản 1.2 Các lý thuyết giải thích nguyên nhân tâm bệnh ở trẻ em và vị thành niên 1.3 Một số quan điểm sai lệch về tâm bệnh	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 3, 5
2	Chương 2: Một số rối loạn tâm thần thường gặp ở trẻ em và vị thành niên 2.1 Rối loạn hành vi 2.2 Rối loạn cảm xúc	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1;2,5
3	Chương 2: Một số rối loạn tâm thần thường gặp ở trẻ em và vị thành niên	4/1	Thuyết trình; Phát vấn;	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi	A1.1	CLO 1;2,5

	2.3 Rối loạn phổ tự kỷ 2.4 Tăng động giảm chú ý		Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	của GV; Thảo luận nhóm		
4	Chương 2: Một số rối loạn tâm thần thường gặp ở trẻ em và vị thành niên 2.3 Rối loạn lo âu	4/1	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1,2,5
5	Chương 2: Một số rối loạn tâm thần thường gặp ở trẻ em và vị thành niên 2.5 Khuyết tật học tập 2.6 Chậm phát triển trí tuệ	4/1	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1,2,5
6	Thi giữa kỳ		Tự luận	Tham gia thi giữa kỳ	A1.1	CLO 1,2
7	Chương 2: Một số rối loạn tâm thần thường gặp ở trẻ em và vị thành niên 2.7 Tự làm đau và hành vi tự sát	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 1,2,5
8	Chương 2: Một số rối loạn tâm thần thường gặp ở trẻ em và vị thành niên 2.8 Nghiện game; mạng xã hội	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 1,2,5
9	Chương 3: Hỗ trợ trẻ em và vị thành niên có rối loạn tâm thần 3.1 Phương pháp, hình thức can thiệp, điều trị các rối loạn tâm thần	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1.	CLO 4, 5
10	Chương 3: Hỗ trợ trẻ em và vị thành niên có rối loạn tâm thần 3.2 Hỗ trợ trẻ em và vị thành niên có rối loạn tâm thần dựa vào trường học	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1.	CLO 4, 5
11	Thi kết thúc học phần		Vấn đáp	Tham gia thi kết thúc học phần	A2.1.	CLO 3,4,5

học tập**9.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Nguyễn Văn Siêm	2007	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	NXB. ĐHQG Hà Nội
2	Phạm Toàn	2019	Tâm bệnh học	NXB Trẻ
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Nguyễn Thị Như Mai	2012	Tâm bệnh học trẻ em lứa tuổi mầm non	NXB ĐHSP Hà Nội.
4	Lê Thị Minh Hà	2019	Tâm bệnh học trẻ em	Đề cương bài giảng
5	American Psychiatric Association	2013	Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders (DSM-5)	APA
6	The World Health Organization	2018	International Classification of Diseases (ICD-11)	WHO

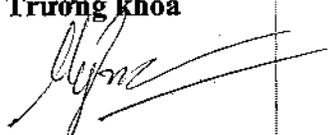
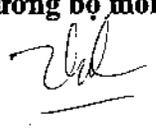
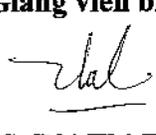
9.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Tâm thần học trẻ em	https://healthvietnam.vn	
2	Rối loạn tâm thần	https://www.msmanuals.com/	

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu
---	--	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ – GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Ethical principles of psychologists
1.3	Mã học phần:	32035106
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5.	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6.	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS Hồ Thị Thúy Hằng
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần nhằm cung cấp cho người học những kiến thức về các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý. Thông qua các kiến thức lý thuyết và bài tập tình huống, người học có thể nắm bắt được những yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp và ứng dụng trong thực hành nghề tâm lý.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng phân tích được các vấn đề cơ bản của đạo đức nghề tâm lý; Xác định được những trách nhiệm mà nhà tâm lý cần có; Vận dụng các kiến thức và kỹ năng trong học phần vào thực tế công việc của nhà tâm lý.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có khả năng phân tích được các vấn đề cơ bản về đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý.
- CO2: Xác định được những trách nhiệm mà nhà tâm lý cần có đối với nghề nghiệp và vận dụng vào thực tế công việc của nhà tâm lý.
- CO3: Thể hiện sự tôn trọng và chấp hành những tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Phân tích được khái niệm đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa đạo đức nghề nghiệp với pháp luật; các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý.
CLO2	Phân tích được trách nhiệm chuyên môn, mối quan hệ nghề nghiệp, các vấn đề hành chính trong đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý.
CLO3	Đánh giá được những sai phạm trong đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý
CLO4	Phân tích các cơ sở xây dựng quy điều đạo đức nghề nghiệp và các quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý ở Việt Nam
CLO5	Vận dụng các kiến thức được học trong học phần vào thực tế công việc của nhà tâm lý.

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)						
	PLO1 (PI1.1)	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7 (PI7.2)
CLO 1	R						
CLO 2	R						
CLO 3	R						
CLO 4	R						
CLO 5							M

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3,4,5

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	- Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên.	- Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên.	- Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên.
Tiểu luận	- Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo đúng quy định, nhiều lỗi kỹ thuật.	- Trình bày đầy đủ nội dung, chưa vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.	- Trình bày đầy đủ nội dung, vận dụng, liên hệ thực tiễn. - Hình thức trình bày văn bản theo quy định, không có lỗi kỹ thuật.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Những vấn đề chung về đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận	A1.1	CLO 1

	1.1 Đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ với pháp luật					
2	Chương 1: Những vấn đề chung về đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý 1.2. Nguyên tắc đạo đức nghề tâm lý	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận	A1.1	CLO 1
3	Chương 2: Các vấn đề đạo đức đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý 2.1 Trách nhiệm chuyên môn	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận	A1.1	CLO 2
4	Chương 2: Các vấn đề đạo đức đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý 2.2. Mối quan hệ nghề nghiệp	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận	A1.1	CLO 2
5	Chương 2: Các vấn đề đạo đức đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý 2.3. Các vấn đề hành chính	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận	A1.1	CLO 2
6	Kiểm tra giữa kỳ		Tổ chức thi giữa kỳ	Tham gia thi giữa kỳ	A1.1	CLO 1,2
7	Chương 3: Xây dựng quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý ở Việt Nam 3.1. Nghiên cứu những sai phạm đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý	1/4	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO3
8	Chương 3: Xây dựng quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý ở Việt Nam 3.2. Cơ sở xây dựng quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý	1/4	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 4,5
9	Chương 3: Xây dựng quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý ở Việt Nam 3.3. Các quy điều đạo đức cụ thể	1/4	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận	A2.1	CLO 4,5

10	Chương 3: Xây dựng quy điều đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý ở Việt Nam 3.3. Các quy điều đạo đức cụ thể	1/4	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Đọc tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận	A2.1	CLO 4,5
11	Thi kết thúc học phần	5	Tiểu luận	Tham gia thi kết thúc học phần	A2.1.	CLO 3,4,5

9. Tài liệu học tập

9.1 Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Hồ Thị Thúy Hằng	2022	Đề cương bài giảng “Đạo đức nghề nghiệp của nhà tâm lý học”	
Sách, giáo trình tham khảo				
2		2022	Giáo trình Đạo đức nghề công tác xã hội	

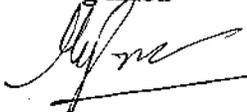
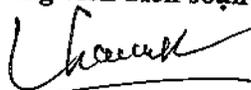
9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Ethical principles of psychologis and code of conduct.	https://www.apa.org/ethics/code	
2	APS Code of Ethics	www.psychology.org.au	

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  TS Hồ Thị Thúy Hằng
---	--	--

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ - GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên đề Tâm lý học trị liệu ứng dụng
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Applied Psychotherapy
1.3	Mã học phần:	32035115
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	15 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	30 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS Bùi Thị Thanh Diệu
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	BS CKII Lâm Tứ Trung
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học trị liệu ứng dụng là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tâm lý học. Học phần gồm 3 chương cung cấp cho người học những kiến thức khoa học về trị liệu tâm lý. Trong đó, chương 1 cung cấp kiến thức khái quát về TLH trị liệu. Chương 2 đề cập đến các hướng tiếp cận trong trị liệu tâm lý. Chương 3 cung cấp một số liệu pháp trị liệu tâm lý như trị liệu phân tâm, nhận thức hành vi, thân chủ trọng tâm và một số kỹ thuật trị liệu khác. Những kiến thức này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho việc tổ chức và triển khai các hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, học viên có khả năng phân tích được cơ chế hình thành hành vi; Đánh giá được việc sử dụng kỹ thuật quản lý hành vi lớp học của giáo viên trong từng tình huống cụ thể; có năng lực nhận diện vấn đề hành vi của học sinh và năng lực quản lý hành vi lớp học.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có khả năng phân tích cơ chế hình thành hành vi
- CO2: Có năng lực quản lý hành vi lớp học
- CO3: Có khả năng đánh giá được việc sử dụng kỹ thuật quản lý hành vi lớp học của giáo viên trong từng tình huống cụ thể
- CO4: Có khả năng xây dựng được kế hoạch tổ chức giáo dục kỹ năng cho học sinh trong quản lý hành vi lớp học

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được các cách tiếp cận trị liệu
CLO2	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trị liệu
CLO3	Vận dụng được một số kỹ thuật trị liệu cơ bản vào tình huống thực tiễn
CLO4	Đảm bảo nguyên tắc đạo đức khi ứng dụng kỹ thuật trị liệu

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)														
	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4			PLO5		PLO6		PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI1.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI4.3			PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO 1							R								
CLO 2							R								
CLO3							R								
CLO4															R

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Vấn đáp	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3,4

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;

- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ. - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin. - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên.
Vấn đáp	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn liệu pháp phù hợp, chưa trình bày được cách thực hiện. - Chưa đảm bảo nguyên tắc đạo đức trong quá trình vận dụng liệu pháp tâm lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn liệu pháp phù hợp, chưa trình bày được cách thực hiện. - Đảm bảo nguyên tắc đạo đức trong quá trình vận dụng các liệu pháp tâm lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn liệu pháp phù hợp với tình huống, trình bày được cách thực hiện. - Đảm bảo nguyên tắc đạo đức trong quá trình vận dụng các liệu pháp tâm lý.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Khái quát chung về TLH trị liệu 1.1 Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của TLH trị liệu 1.2 Hình thức trị liệu 1.3 Các nguyên tắc trong trị liệu 1.4 Tiến trình trị liệu tâm lý 1.5 Những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình trị liệu 1.6 Đạo đức trong thực hành trị liệu tâm lý	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Nghiên cứu tài liệu; trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 2
2	Chương 2: Một số hướng tiếp cận chính trong trị liệu tâm lý 2.1 Tiếp cận phân tâm	2/3	Thuyết giảng; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1

	2.2 Tiếp cận nhận thức hành vi 2.3 Tiếp cận nhân văn hiện sinh					
3	Chương 3: Các liệu pháp, kỹ thuật trị liệu 3.1 Liệu pháp phân tâm	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu; trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1
4	Chương 3: Các liệu pháp, kỹ thuật trị liệu 3.1 Liệu pháp phân tâm	0/5	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu; trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1
5	Chương 3: Các liệu pháp, kỹ thuật trị liệu 3.2 Liệu pháp nhận thức – hành vi	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu; trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1
6	Thi giữa kỳ		Tổ chức thi giữa kỳ	Tham gia thi giữa kỳ	A1.1	CLO 1,2
7	Chương 3: Các liệu pháp, kỹ thuật trị liệu 3.2 Liệu pháp nhận thức – hành vi	0/5	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu; trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1
8	Chương 3: Các liệu pháp, kỹ thuật trị liệu 3.3 Liệu pháp thân chủ trọng tâm	3/2	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 3,4
9	Chương 3: Các liệu pháp, kỹ thuật trị liệu 3.4 Một số hình thức trị liệu khác	2/3	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi; Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 3,4
10	Chương 3: Các liệu pháp, kỹ thuật trị liệu 3.4 Một số hình thức trị liệu khác	0/5				
11	Thi kết thúc học phần		Tổ chức thi	Tham gia thi	A2.1	CLO 4,5

9. Tài liệu học tập

9.1 Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Lê Thị Minh Hà	2011	Giáo trình Tâm lý học trị liệu	NXB ĐHSP Hồ Chí Minh
2	Nguyễn Minh Tiến	2015	Giáo trình đại cương tâm lý trị liệu	Tài liệu tập huấn câu lạc bộ Trăng Non, HCM
3	Nguyễn Công Khai	2000	Tâm lý trị liệu	NXB ĐHQG Hà Nội
4	Phạm Toàn	2018	Giáo trình Tâm lý trị liệu (lý thuyết và thực hành)	NXB ĐHQG HCM
Sách, giáo trình tham khảo				
4	Seth J.Gillihan	2019	Vượt qua lo âu, chữa lành tâm trí	NXB Nhã Nam

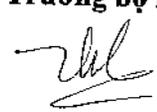
9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Lý thuyết về trị liệu	https://www.verywellmind.com/psychotherapy-4157172	
2	Hiểu về trị liệu	https://www.apa.org/topics/psychotherapy/understanding	
3	Liệu pháp tâm lý	https://healthvietnam.vn/thu-vien/tai-lieu-tieng-viet/tam-than/lieu-phap-tam-li	

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu
---	--	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TL GD CTXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THẠC SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

Chuyên ngành:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên đề Các phương pháp đánh giá cảm xúc, hành vi trẻ em và thanh thiếu niên
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	90
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS. Lê Mỹ Dung
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	<input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Chuyên đề Các phương pháp đánh giá cảm xúc, hành vi trẻ em và thanh thiếu niên trình bày các quan niệm cơ bản, các nguyên tắc phương pháp luận chi đạo việc đánh giá tâm lý trẻ em, chỉ ra các phương pháp đánh giá nhân cách và trí tuệ trẻ em. Hướng dẫn sử dụng các phương pháp, công cụ đánh giá nhân cách và trí tuệ trẻ em,

nghiên cứu rút ra những nhận xét và kết luận khoa học cũng như các ý kiến đề xuất từ kết quả.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về đánh giá tâm lý trẻ em, chỉ ra các phương pháp đánh giá nhân cách và trí tuệ trẻ em, từ đó vận dụng vào hoạt động đánh giá, chẩn đoán tâm lý trẻ em làm cơ sở cho hoạt động phòng ngừa, can thiệp, trị liệu tâm lý trẻ em.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có hiểu biết về các phương pháp đánh giá trí tuệ và nhân cách trẻ em.
- CO2: Vận dụng các phương pháp đánh giá trí tuệ và nhân cách để phát hiện và giải thích các đặc điểm trí tuệ và nhân cách của trẻ em.
- CO3: Thể hiện trung thực, trách nhiệm và phù hợp quy tắc đạo đức nghề.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được các phương pháp đánh giá trí tuệ trẻ em
CLO2	Trình bày được các phương pháp đánh giá nhân cách trẻ em
CLO3	Nhận diện được các đặc điểm trí tuệ và nhân cách của trẻ em
CLO4	Lựa chọn và sử dụng được một số trắc nghiệm đánh giá trí tuệ và nhân cách trẻ em
CLO5	Diễn giải được kết quả đánh giá của một số trắc nghiệm trí tuệ, nhân cách trẻ em

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

a. Định hướng nghiên cứu

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		PLO6		PLO7	
	PI1.1	PI1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1.		PI45.1	PI6.1	PI6.2.	PI6.3	PI7.1.	PI7.2
CLO 1	R													
CLO 2	R													
CLO3					R								R	
CLO4					R								R	
CLO5					R								R,A	

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tiêu luận	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO1,2,3
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tiêu luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 4,5

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Rubric đánh giá tiêu luận

Tiêu chí Đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Cấu trúc	Cấu trúc không cân đối, thiếu hợp lý	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý	Cấu trúc cân đối, hợp lý.
Nội dung	- Nội dung phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề - Lập luận không chặt chẽ, logic	- Nội dung phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. - Lập luận khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	- Nội dung có phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic
Kết luận	Không phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề, format...)	Format rất nhiều chỗ không nhất quán. Lỗi chính tả rất nhiều	Vài sai sót nhỏ về format. Một vài lỗi chính tả	Nhất quán về format trong toàn bài. Không có lỗi chính tả

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH/TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Giới thiệu về học phần. Chương 1.	5/0	Thuyết trình về nội dung học phần và những	- Lắng nghe, ghi chép về nội dung học	R1.1	CLO 1,2

2-3	<p>NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐÁNH GIÁ</p> <p>1.1. Các khái niệm cơ bản về đánh giá</p> <p>1.2. Vai trò của kiểm tra đánh giá</p> <p>1.3. Mục tiêu của đánh giá</p> <p>1.4. Các loại hình đánh giá</p> <p>1.5. Các phương pháp đánh giá tâm lý người.</p>		<p>vấn đề chung về đánh giá</p> <p>- Thảo luận nhóm: khái niệm, vai trò, mục tiêu, cách loại hình, phương pháp đánh giá tâm lý người.</p> <p>- Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>- Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo.</p>	<p>phần và những vấn đề chung về đánh giá</p> <p>- Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: khái niệm, vai trò, mục tiêu, cách loại hình, phương pháp đánh giá tâm lý người.</p> <p>-Tự học</p> <p>Đọc tài liệu [6,8]</p>		
	<p>Chương 2. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TRÍ TUỆ TRẺ EM</p> <p>1.1. Khái niệm trí tuệ, đánh giá trí tuệ</p> <p>1.2. Các phương pháp đánh giá trí tuệ trẻ em.</p>	4/1	<p>- Thảo luận nhóm: Khái niệm trí tuệ, cấu trúc của trí tuệ, các phương pháp đánh giá trí tuệ.</p> <p>- Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>- Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: Tìm hiểu, chọn lọc và trình bày các trắc nghiệm đánh giá trí tuệ trẻ em</p>	<p>- Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Khái niệm trí tuệ, cấu trúc của trí tuệ, các phương pháp đánh giá trí tuệ.</p> <p>-Báo cáo nhóm</p> <p>- Tự học</p> <p>Đọc tài liệu [1,2, 3,7], [8, tr70-78]</p>	R1.1	CLO 1,2,3
3-4	1.3. Các công cụ đánh giá trí tuệ trẻ em	7/3	<p>- Thảo luận nhóm: Các công cụ đánh giá trí tuệ trẻ em</p> <p>- Hướng dẫn đọc tài liệu</p> <p>- Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài</p>	<p>- Tìm kiếm/ dịch trắc nghiệm tâm lý</p> <p>-Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về các công cụ, trắc nghiệm đánh</p>	R1.1	CLO 4

			học tiếp theo: Thực hành đánh giá trí tuệ trẻ em	giá trí tuệ trẻ em		
5	1.4. Thực hành đánh giá trí tuệ trẻ em	2/3	Hướng dẫn thực hành đánh giá trí tuệ trẻ em	Thực hành cá nhân Báo cáo kết quả thực hành	R1.1	CLO 5
6	Chương 3. CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NHÂN CÁCH TRẺ EM 1.1. Khái niệm nhân cách, đánh giá nhân cách 1.2. Các tiêu chí đánh giá sự hình thành nhân cách 1.3. Các phương pháp đánh giá nhân cách trẻ em	3/2	Thảo luận nhóm: Khái niệm nhân cách, cấu trúc của nhân cách, các phương pháp đánh giá nhân cách trẻ em. Hướng dẫn đọc tài liệu Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: Tìm hiểu, chọn lọc và trình bày các trắc nghiệm đánh giá nhân cách trẻ em	- Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về: Khái niệm nhân cách, cấu trúc của nhân cách, các phương pháp đánh giá nhân cách trẻ em. - Báo cáo nhóm - Tự học Đọc tài liệu [4,5,6,9,10], [8, tr130- 221].	R1.1	CLO 1,2,3
7-8	1.4. Các công cụ đánh giá nhân cách trẻ em.	7/3	Thảo luận nhóm: Các công cụ đánh giá nhân cách trẻ em Hướng dẫn đọc tài liệu Giao nhiệm vụ tự học chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: Thực hành đánh giá nhân cách trẻ em	- Tìm kiếm/ dịch trắc nghiệm tâm lý - Làm việc nhóm, thảo luận và báo cáo về các công cụ, trắc nghiệm đánh giá nhân cách trẻ em.	R1.1	CLO 4
9	1.5. Thực hành đánh giá nhân cách trẻ em	2/3	Hướng dẫn thực hành đánh	Thực hành cá nhân	R1.1	CLO 4,5

			giá nhân cách trẻ em	Báo cáo kết quả thực hành		
	Hướng dẫn thực hiện bài tiểu luận cuối khoá		Hướng dẫn học viên thực hiện bài tiểu luận.	Trên cơ sở kiến thức đã học ở môn học, HV làm bài tiểu luận đáp ứng yêu cầu nội dung nghiên cứu tâm lý học có độ dài từ 20-30 trang.	R2.1	CLO 4,5

9. Tài liệu học tập

9.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
2	Võ Thị Minh Chí	2017	Album Chẩn đoán tâm lý- nhận thức của trẻ vào lớp 1	NXB Khoa học xã hội
3	Ngô Công Hoàn	2004	Những trắc nghiệm tâm lý tập 1, tập 2.	NXB đại học sư phạm
4	Trần Kiều	2005	Trí tuệ và đo lường trí tuệ.	NXB Chính trị quốc gia,
5	Lê Khanh	2007	Khám phá trẻ em qua nét vẽ	NXB Phụ nữ,
6	Nguyễn Văn Nhận, Nguyễn Sinh Phúc.	2004	Trắc nghiệm tâm lý lâm sàng	NXB Quân đội nhân dân
7	Nguyễn Đức Sơn,	2018.	Giáo trình đánh giá nhân cách	NXB ĐHSP, Hà Nội
8	Nguyễn Huy Tú	2007	Bộ trắc nghiệm sáng tạo TSD-Z của Klaus K.Urban với những ứng dụng ở nước ngoài và Việt Nam	NXB Đại học sư phạm, HN
9	Trần Trọng Thùy	1992	Khoa học chẩn đoán tâm lý	NXB Giáo dục
10	Frank M. Gresham, Stephen N.Elliott	1990	Social Skills – Rating System Manual, American Guidance Service.	Inc, USA

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
11	John D. Mayer, Peter Salovey, David R. Caruso, Mayer Salovey Caruso	2000	Emotional Intelligent Test-MSCEIT, Version 2.0,	Inc, USA
Sách, giáo trình tham khảo				
11	Trương Khánh Hà	2013	Giáo trình Tâm lý học phát triển	NXB ĐHQG Hà Nội,
12.	Phạm Minh Hạc	2007	Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI-E cải biên	NXB Khoa học xã hội
13.	Bùi Văn Huệ, Phan Thị Hạnh Mai	2004	Tâm lý học tiểu học	NXB Giáo dục
14	Đào Thị Oanh	2007	Vấn đề nhân cách trong tâm lý học ngày nay	NXB Giáo dục
15.	Nguyễn Huy Tú	2004	Tài năng, quan niệm, nhân dạng và đào tạo	NXB Giáo dục
16	Trần Trọng Thủy	2002	Bài tập thực hành Tâm lý học	NXB Giáo dục
17.	Dana Castro	2017	Thăm khám tâm lý trong thực hành lâm sàng	NXB Tri thức

9.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Liênk trang web	Ngày cập nhật
1	Tâm lý học	http://vientamlyhoc.vass.gov.vn/an-pham-khoa-hoc/Pages/tap-chi.aspx	2025
2	Tâm lý học, Khoa học giáo dục	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam (vnies.edu.vn)	2025
3	Sinh lý và Tâm lý học lứa tuổi	TAP CHÍ GIÁO DỤC (moet.gov.vn)	2025
4	Tâm lý học, Khoa học xã hội, nhân văn và giáo dục	UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education (jshe.vn)	2025
5	Tâm lý học, Giáo dục học	Hệ thống thông tin KHCN - Trường ĐHSP Hà Nội (hnue.edu.vn)	2025
6	Tâm lý học, Khoa học xã hội và nhân văn	http://tckh.hcmup.edu.vn/	2025

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Có âm thanh, máy chiếu	1	Giấy A0, Bút dạ

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS Lê Mỹ Dung
---	--	--

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM- ĐHQĐ
KHOA: TÂM LÝ - GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIỀN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho học sinh
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Educating social-emotional competence for students
1.3	Mã học phần:	
1.4	Số tín chỉ:	03
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30
-	Bài tập/Thảo luận:	15
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0
-	Tự học:	60
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Lê Thị Duyên
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Giáo dục học và giáo dục đặc biệt
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	<input type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung chính của học phần bao gồm: Học phần cung cấp những nội dung chính về năng lực cảm xúc – xã hội; các thành tố cấu trúc và quá trình giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho người học; Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho người học và phối hợp các lực lượng giáo dục giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về năng lực cảm xúc – xã hội, quá trình giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho người học. Từ đó học viên vận dụng vào thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho người học phù hợp, hiệu quả.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có kiến thức cơ bản về năng lực cảm xúc xã hội và giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội
- CO2: Có khả năng vận dụng kiến thức để thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho người học; huy động và sử dụng nguồn lực trong tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội.
- CO3: Có thái độ tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện nhân cách bản thân

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được những vấn đề khái quát về năng lực cảm xúc – xã hội
CLO2	Phân tích được các thành tố và quá trình giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội
CLO3	Xây dựng được chương trình và kế hoạch giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho các đối tượng giáo dục
CLO4	Tổ chức thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho các đối tượng giáo dục
CLO5	Tư vấn, tham vấn về giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho các lực lượng giáo dục như giáo viên, phụ huynh, cán bộ quản lý
CLO6	Tích cực, chủ động trong hoạt động nghề nghiệp

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

CLOS	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)													
	PLO1		PLO2	PLO3		PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
PI	1.1.	1.2		3.1	3.2	4.1	4.2	4.3		6.1	6.2	6.3	7.1	7.2
CLO1		R												
CLO2		R												
CLO3				R,A										
CLO4				R,A										
CLO5						R								
CLO6														R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Sản phẩm học tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Tiểu luận	P2.1 Sản phẩm bài tiểu luận	R2.1	W2.1 100%	W2 60%	CLO 3,4

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

R1.1. Sản phẩm học tập nhóm

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D
		8.5-10	7-8.4	5.5-6.9	< 5.4
R3.1. Chuyên cần	20	Tham gia đầy đủ số lần họp nhóm	Tham gia 70-85% số lần họp nhóm	Tham gia 50-70% số lần họp nhóm	Tham gia từ dưới 50% số lần họp nhóm
R3.2. Thái độ tham gia nhóm (Hợp tác nhóm)	20	Luôn chủ động, tích cực tham gia và thực hiện hiệu quả tất cả các nhiệm vụ được giao Tích cực đưa ra các ý kiến, sáng tạo, hữu ích	Khá chủ động, tích cực và thực hiện hiệu quả phần lớn các nhiệm vụ được giao Đưa ra được các ý kiến hữu ích, ít sáng tạo	Tương đối chủ động và thực hiện hiệu quả một nửa nhiệm vụ được giao Đưa được một vài ý kiến hữu ích, không sáng tạo	Không chủ động và thực hiện kém hiệu quả nhiệm vụ được giao Không đóng góp ý kiến nào
R3.3. Chất lượng sản phẩm giao nộp	60	Sáng tạo/đáp ứng tốt yêu cầu	Đáp ứng khá tốt yêu cầu	Đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu

R2.1. Rubric đánh giá tiểu luận cuối kỳ

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D
		8.5-10	7-8.4	5.5-6.9	< 4

R2.1. Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	20	Thực đầy đủ các nhiệm vụ (80%-100%), nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện 60-79% các nhiệm vụ nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-59% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
R2.2. Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	60	Nội dung đảm bảo tính chính xác, có căn cứ và được phân tích kỹ càng với các lập luận chặt chẽ và có bằng chứng thuyết phục	Nội dung đảm bảo chính xác, có căn cứ, được phân tích cụ thể nhưng chưa chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung có vài chỗ thiếu tính chính xác, và thiếu căn cứ; được phân tích nhưng chưa cụ thể, chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung trình bày chưa chính xác, thiếu căn cứ và không có bằng chứng thuyết phục
R2.3. Sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu	10	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, tương đối nhiều lỗi chính tả	Format sai, lỗi chính tả rất nhiều
R2.4. Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ, đôi chỗ chưa phân tích rõ ràng	Mới chỉ nêu được ý tưởng, chưa thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Không nêu được ý tưởng

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH/TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục năng lực xúc – xã hội 1.1. Năng lực cảm xúc – xã hội 1.1.1. Các lý thuyết về năng lực cảm xúc – xã hội 1.1.2. Khái niệm 1.1.3. Phân loại 1.1.4. Biểu hiện, đặc điểm	5/5	- Giới thiệu chương trình, phương pháp học tập và cách thức kiểm tra đánh giá - Chia nhóm, xây dựng nguyên tắc lớp học - Đánh giá đầu vào môn học của học viên thông qua sử dụng kỹ thuật KWL - Thuyết trình, Thảo luận nhóm	Học ở lớp: - Trả lời các câu hỏi của giảng viên đưa ra - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận Học ở nhà: - Học viên đọc trước tài liệu ở nhà phần nội dung chương 1.	A1.1	CLO1

2	<p>Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục năng lực xúc – xã hội</p> <p>1.2. Giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa, bản chất của giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>1.2.2. Các nguyên tắc giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>1.2.3. Các thành tố cấu trúc của giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p>	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kỹ thuật nhóm chuyên gia để tìm hiểu nội dung - Trao đổi và trình bày tại lớp 	<p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Trình bày vấn đề nội dung thảo luận <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu 	A1.1	CLO2
3	<p>Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục năng lực xúc – xã hội</p> <p>1.2.4. Quá trình giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>a. Mục tiêu</p> <p>b. Nội dung</p> <p>c. Hình thức, phương pháp giáo dục</p> <p>d. Đánh giá kết quả giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p>	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu nội dung - Trao đổi và trình bày tại lớp 	<p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Trình bày vấn đề nội dung thảo luận <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu 	A1.1	CLO1 CLO2
4	Thi giữa kỳ		Bài tập nhóm	Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm	A1.1	CLO1 CLO2
5	<p>Chương 2: Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>2.1. Đặc điểm tâm lý đối tượng giáo dục</p> <p>2.2. Quy trình xây dựng và tổ chức kế hoạch giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>2.3. Định hướng cấu trúc kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p>	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết trình - Đặt câu hỏi và trao đổi trước lớp - Thảo luận nhóm - Thực hiện phiếu bài tập 	<p>Học ở lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe - Đặt câu hỏi trao đổi - Thảo luận nhóm và báo cáo kết quả thảo luận nhóm <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại lý thuyết trên lớp - Đọc tài liệu 	A1.1 A2.2	CLO3 CLO4
6	Chương 2: Thiết kế và tổ chức hoạt động	5/5	- Thảo luận nhóm xây dựng kế	Học ở lớp:	A1.1 A1.2	CLO3

	<p>giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>2.4. Thực hành thiết kế kế hoạch hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho người học</p> <p>2.5. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội cho người học</p>		<p>hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm chủ đề ở trường trung học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động nhóm - Thực hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm - Trình bày kết quả thảo luận - Thực hành <p>Học ở nhà:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu tài liệu - Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội 		CLO4
7	<p>Chương 4. Phối hợp các lực lượng giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>4.1. Vai trò của các lực lượng giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p> <p>4.2. Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục năng lực cảm xúc – xã hội</p>	5/5	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp thảo luận nhóm (Thực hiện dự án) 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận - Thực hành theo yêu cầu giáo viên - Đặt câu hỏi các vấn đề quan tâm 	A1.1 A1.2	CLO5 CLO6
8	Đánh giá cuối kỳ		Tiểu luận	Nộp bài tiểu luận theo yêu cầu	A1.2	CLO3,4

9. Tài liệu học tập

9.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

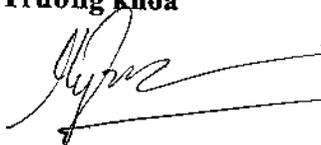
TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	[1] Tony Buzan	2014	<i>Sức mạnh của trí tuệ xã hội</i>	NXB Tổng hợp TP HCM
2	Trần Hữu Bình, Trần Nguyễn Ngọc	2021	Các rối loạn cảm xúc	Nhà xuất bản y học
Sách, giáo trình tham khảo				

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
3	Bùi Văn Huệ	2003	Tâm lý học xã hội	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội
4	Trần Thị Tú Anh	201	<i>Phát triển năng lực cảm xúc – xã hội cho học sinh tiểu học thông qua hoạt động dạy học</i>	Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, mã số: B2016-DHH-05. Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	<i>Phòng học</i>	<i>Có âm thanh, máy chiếu</i>	<i>1</i>	<i>Giấy A0, Bút dạ</i>
2	<i>Nghiên cứu thực tế tại nơi công tác (Trường PT)</i>	<i>Tài liệu lưu trữ</i>		

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  TS. Lê Thị Duyên
---	--	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ – GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Tâm lý học nhóm
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Psychology of groups
1.3	Mã học phần:	32035052
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS Hoàng Thế Hải
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS Lê Mỹ Dung
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Tâm lý học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tâm lý học nhóm là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ Tâm lý học. Học phần gồm 5 chương cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về tâm lý học nhóm. Trong đó chương 1 giới thiệu về đối tượng, nhiệm vụ, cách tiếp cận và phương pháp của TLH nhóm. Chương 2 cung cấp kiến thức về cá thể, nhóm và xã hội. Chương 3 trình bày về động lực học nhóm, chương 4 gồm những nội dung liên quan đến quản lý và phát triển nhóm. Chương 5 cung cấp một số kỹ năng làm việc nhóm. Những kiến thức này sẽ làm nền tảng, cơ sở cho các học phần tiếp theo như Tham vấn; Tâm lý học khác biệt, Công tác xã hội trong trường học.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, học viên có kiến thức khoa học về tâm lý học nhóm như cách tiếp cận và phương pháp của TLH nhóm; cơ chế tâm lý xã hội của nhóm; những yếu tố quyết định hành vi tổ chức; có năng lực làm việc nhóm; quản lý và phát triển nhóm.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- CO1: Có kiến thức khoa học về cách tiếp cận và phương pháp của TLH nhóm
- CO2: Có kiến thức khoa học về cơ chế tâm lý xã hội của nhóm; ý nghĩa của việc phân loại nhóm
- CO3: Có năng lực làm việc nhóm
- CO4: Có năng lực quản lý và phát triển nhóm

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)
CLO1	Trình bày được cách tiếp cận và phương pháp của TLH nhóm
CLO2	Phân tích được ý nghĩa của việc phân loại nhóm
CLO3	Phân tích được cơ chế tâm lý xã hội trong nhóm
CLO4	Phân tích được những yếu tố quyết định hành vi tổ chức
CLO5	Có kỹ năng làm việc nhóm
CLO6	Có kỹ năng quản lý và phát triển nhóm

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)												
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4			PLO5	PLO6			PLO7	
	PI1.1	PI1.2		PI3.1	PI4.1	PI4.2	PI4.3		PI6.1	PI6.2	PI6.3	PI7.1	PI7.2
CLO 1	R												
CLO 2	R												
CLO3	R												
CLO4	R												
CLO5									M				
CLO6									M				

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Bài tập nhóm	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2,3,5
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Tự luận	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 4,6

6.2 Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động học theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

Tiêu chí đánh giá	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)
Bài tập nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ - Hình thức bản cáo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả bằng hình thức đọc lại văn bản - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin - Chưa trả lời được câu hỏi của các nhóm và của giảng viên 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung đầy đủ - Hình thức bản báo cáo đúng quy định - Trình bày kết quả trước lớp một cách lưu loát, tự tin - Trả lời chính xác câu hỏi của các nhóm khác và của giảng viên
Tự luận	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa liên hệ, vận dụng được thực tiễn. - Hình thức trình bày chưa khoa học, lỗi văn bản 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, chưa liên hệ, vận dụng được thực tiễn. - Hình thức trình bày khoa học, không có lỗi văn bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày đầy đủ nội dung, liên hệ, vận dụng được thực tiễn. - Hình thức trình bày khoa học, không có lỗi văn bản.

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Nhập môn TLH nhóm	4/1	Thuyết giảng; Phát vấn;	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi,	A1.1	CLO 1,5

	1.1 Đối tượng, nhiệm vụ của TLH nhóm 1.2 Các tiếp cận và phương pháp của TLH nhóm		Tổ chức thảo luận nhóm	Thảo luận nhóm		
2	Chương 2: Cá thể, nhóm và xã hội 2.1 Cá thể, nhóm và xã hội 2.2 Khái niệm về nhóm 2.3 Phân loại nhóm xã hội	4/1	Thuyết giảng; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 2,5
3	Chương 3: Động lực học nhóm 3.1 Động lực phát triển của nhóm	4/1	Thuyết giảng; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 3,5
4	Chương 3: Động lực học nhóm 3.2 Các giai đoạn phát triển của nhóm 3.3 Ứng dụng động lực học nhóm trong quản lý nhóm	3/2	Thuyết giảng; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận nhóm	A2.1	CLO 3
5	Chương 4: Quản lý và phát triển nhóm 4.1. Khái niệm quản lý nhóm 4.2. Quản lý nhóm 4.3. Xây dựng nhóm	3/2	Thuyết giảng; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận nhóm	A2.1.	CLO 4,5,6
6	Thi giữa kỳ		Tự luận	Tham gia thi giữa kỳ	A1.1	CLO 1,2,3,5
7	Chương 4: Quản lý và phát triển nhóm 4.4. Xây dựng tổ chức biết học hỏi 4.5. Quản lý sự thay đổi	4/1	Thuyết giảng ; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận nhóm	A2.1.	CLO 4,5,6
8	Chương 4: Quản lý và phát triển nhóm 4.6 Quản lý hành vi tổ chức	4/1	Thuyết giảng ; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận nhóm	A2.1.	CLO 3,4,5
9	Chương 5: Một số kỹ năng làm việc với nhóm 5.1 Kỹ năng quản lý thời gian	2/3	Thuyết giảng; Phát vấn; Tổ chức hoạt động	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận nhóm	A1.1	CLO5

	5.2 Kỹ năng tổ chức cuộc họp		động nhóm nhỏ			
	Chương 5: Một số kỹ năng làm việc với nhóm 5.3 Kỹ năng phản hồi 5.4 Kỹ năng đàm phán	2/3	Thuyết giảng; Phát vấn; Tổ chức hoạt động nhóm nhỏ	Nghiên cứu tài liệu, trả lời câu hỏi, Thảo luận nhóm	A1.1	CLO5
11	Thi kết thúc học phần		Tổ chức thi	Tham gia thi kết thúc học phần	A2.1	CLO4,6

9. Tài liệu học tập

9.1 Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Rivas, M. & López, M	2012	Tâm lý xã hội và tổ chức	CEDE. Madrid
2	Trần Quốc Thành	2011	Tâm lý học xã hội	NXB ĐHSP Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Morales, J.F. và Huici	2012	Tâm lý học xã hội	McGraw-Hill. Madrid
4	Hồ Ngọc Hải	1996	Các phương pháp của TLH xã hội	NXB KHXH
5	Donelson R. Forsyth	2014	The Psychology of Groups	University of Richmond

9.2 Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Tài liệu liên quan đến TLH nhóm	https://nhapmontamly.com	19/11/2022
2	The Psychology of Groups	https://nobaproject.com/	19/11/2022

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường B3, A5, A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS Hoàng Thế Hải
---	--	---

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KHOA: TÂM LÝ – GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIÊN SĨ

Trình độ đào tạo: Tiên sĩ
Chuyên ngành:

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 9310401

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chuyên đề Xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách học sinh
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Developing programs for prevention and full potential child development
1.3	Mã học phần:	32035114
1.4	Số tín chỉ:	03 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	30 tiết
-	Bài tập/Thảo luận:	15 tiết
-	Thực hành/Thí nghiệm:	0 tiết
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	PGS.TS Lê Mỹ Dung
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	
-	Học phần học trước:	Tâm lý học trường học
-	Học phần song hành:	
1.8	Loại học phần:	Bắt buộc Tự chọn bắt buộc Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	<input type="checkbox"/> Kiến thức chung Kiến thức Cơ sở ngành Kiến thức Chuyên ngành <input type="checkbox"/> Luận văn tốt nghiệp

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách người học là học phần bắt buộc của khối kiến thức chuyên ngành cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về chương trình phòng ngừa: khái niệm, lịch sử nghiên cứu, các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và công cụ phòng ngừa. Ngoài ra học phần còn giúp người học có thể đánh giá sàng lọc các vấn đề tâm lý lứa tuổi và các nguy cơ rối nhiễu tâm trí, từ đó xây dựng được chương trình phòng ngừa và phát triển nhân cách toàn diện cho học sinh toàn trường.

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá giữa kỳ	A1.1 Kiểm tra giữa kỳ	P1.1 Tiểu luận	R1.1	W1.1 100%	W1 40%	CLO 1,2, 3,7
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Kiểm tra cuối kỳ	P2.1 Thực hành cá nhân	R2.1	W2.1 100%	W3 60%	CLO 3,4,5,6,7

6.2. Nhiệm vụ của học viên

Học viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Rubric đánh giá

R1. RUBIC ĐÁNH GIÁ TIỂU LUẬN						
Tiêu chí	Trọng số (%)	A 8.5-10	B 7-8.4	C 5.5-6.9	D 4-5.4	F < 4
R2.1. Thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, đúng hạn	20	Thực đầy đủ các nhiệm vụ (80%-100%), nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện 60-79% các nhiệm vụ nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-59% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện 40-49% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
R2.2. Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	60	Nội dung đảm bảo tính chính xác, có căn cứ và được phân tích kỹ càng với các lập luận chặt chẽ và có bằng chứng thuyết phục	Nội dung đảm bảo chính xác, có căn cứ, được phân tích cụ thể nhưng chưa chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung có vài chỗ thiếu tính chính xác, và thiếu căn cứ; được phân tích nhưng chưa cụ thể, chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung phần lớn còn chưa chính xác, thiếu căn cứ, chưa được phân tích cụ thể, thiếu bằng chứng thuyết phục.	Nội dung trình bày chưa chính xác, thiếu căn cứ và không có bằng chứng thuyết phục
R2.3. Sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu	10	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, trong đó nhiều lỗi chính tả	Format rất nhiều chỗ sai, không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Format sai, lỗi chính tả rất nhiều

R2.4. Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ, đôi chỗ chưa phân tích rõ ràng	Mới chỉ nêu được ý tưởng, chưa thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Không nêu được ý tưởng
---------------------------	----	---	--	---	--	------------------------

R1. RUBIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THỰC HÀNH CÁ NHÂN

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D	F
		8.5-10	7-8.4	5.5-6.9	4-5.4	< 4
R2.1. Thực hiện nhiệm vụ thực hành đầy đủ, đúng hạn	20	Thực đầy đủ các nhiệm vụ (80%-100%), nộp sản phẩm đúng hạn	Thực hiện 60-79% các nhiệm vụ nộp sản phẩm trong thời gian gia hạn	Thực hiện 50-59% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Thực hiện 40-49% các nhiệm vụ, nộp sản phẩm sau thời gian gia hạn	Không thực hiện các nhiệm vụ, không nộp sản phẩm
R2.2. Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu	60	Nội dung đảm bảo tính chính xác, có căn cứ và được phân tích kỹ càng với các lập luận chặt chẽ và có bằng chứng thuyết phục	Nội dung đảm bảo chính xác, có căn cứ, được phân tích cụ thể nhưng chưa chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung có vài chỗ thiếu tính chính xác, và thiếu căn cứ; được phân tích nhưng chưa cụ thể, chặt chẽ, một số bằng chứng chưa thuyết phục	Nội dung phân lớn còn chưa chính xác, thiếu căn cứ, chưa được phân tích cụ thể, thiếu bằng chứng thuyết phục.	Nội dung trình bày chưa chính xác, thiếu căn cứ và không có bằng chứng thuyết phục
R2.3. Sử dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu	10	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi chính tả nhỏ	Format vài chỗ không thống nhất, tương đối nhiều lỗi chính tả	Format rất nhiều chỗ sai, không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Format sai, lỗi chính tả rất nhiều
R2.4. Ý tưởng sáng tạo	10	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng mới được thể hiện đầy đủ, đôi chỗ chưa phân tích rõ ràng	Mới chỉ nêu được ý tưởng, chưa thể hiện đầy đủ và phân tích rõ ràng	Ý tưởng chưa được phát triển đầy đủ và không độc đáo	Không nêu được ý tưởng

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn;	Lắng nghe; nghiên	A1.1	CLO 1, 2, 3, 7

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	NGỪA RỐI NHIỀU TÂM LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN NHÂN CÁCH HỌC SINH 1.1. Các khái niệm chính 1.1.1. Phòng ngừa 1.1.2. Sàng lọc 1.1.3. Rối nhiễu tâm lý 1.1.4. Khó khăn tâm lý 1.1.5. Phát triển toàn diện nhân cách 1.2. Lịch sử nghiên cứu về chương trình phòng ngừa tâm lý học đường diện nhân cách học sinh		Tổ chức thảo luận nhóm	cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm		
2	Chương 1: TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA RỐI NHIỀU TÂM LÝ VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN NHÂN CÁCH HỌC SINH 1.3. Vai trò và nguyên tắc xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách học sinh 1.3.1. Vai trò 1.3.2. Nguyên tắc 1.4. Các công cụ, phương tiện hỗ trợ thực hiện xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1, 2, 3, 7
3	Chương 2: CÁC VẤN ĐỀ TÂM LÝ HỌC ĐƯỜNG CẢN ĐƯỢC PHÒNG NGỪA 2.1. Sự phát triển tâm lý lứa tuổi và các khó khăn tâm lý	5/0/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV;	A1.1	CLO 1, 2, 3, 7

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	2.1.1. Sự thay đổi về mặt sinh lý lứa tuổi 2.1.2. Các khủng hoảng lứa tuổi 2.2. Các rối nhiễu tâm lý học đường 2.2.1. Rối nhiễu liên quan đến nhận thức 2.2.2. Rối nhiễu liên quan đến cảm xúc 2.2.3. Rối nhiễu liên quan đến hành vi 2.3.4. Rối nhiễu liên quan đến mối quan hệ liên nhân cách			Thảo luận nhóm		
4	Chương 3: QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN NHÂN CÁCH HỌC SINH 3.1. Quy trình sàng lọc 3.1.1. Xác định đặc thù khó khăn tâm lý lứa tuổi 3.1.2. Xây dựng kế hoạch và công cụ sàng lọc 3.1.3. Sàng lọc thử, đánh giá điều chỉnh công cụ sàng lọc 3.1.4. Tổ chức thực hiện sàng lọc khó khăn tâm lý của học sinh 3.1.5. Đánh giá, điều chỉnh và đưa ra khuyến nghị cho chương trình phát triển và phòng ngừa	4/1/0	Thuyết trình; Phát vấn; Tổ chức thảo luận nhóm	Lắng nghe; nghiên cứu tài liệu và trả lời câu hỏi của GV; Thảo luận nhóm	A1.1	CLO 1,2,3,7
5	Chương 3: QUY TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ PHÁT TRIỂN TOÀN	5/0/0	Tổ chức thảo luận nhóm; Thực hành trải nghiệm	Thảo luận nhóm; Thực hành bài tập xây	A1.1	CLO 1,2,3,7

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	DIỆN NHÂN CÁCH HỌC SINH 3.2. Quy trình xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển nhân cách học sinh 3.2.1. Xác định nội dung phòng ngừa 3.2.2. Lập kế hoạch phòng ngừa 3.2.3. Triển khai tổ chức công tác phòng ngừa 3.2.4. Đánh giá hiệu quả chương trình phòng ngừa 3.2.5. Theo dõi và hỗ trợ sự phát triển nhân cách học sinh		tình huống giả định	dựng quy trình		
7	Chương 4: TỔ CHỨC XÂY DỰNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH HỌC SINH 4.1. Nội dung phòng ngừa và phát triển nhận thức của học sinh 4.1.1. Chương trình sàng lọc, phòng ngừa và phát triển nhận thức cảm tính (óc quan sát, sự nhạy cảm) 4.1.2. Chương trình sàng lọc, phòng ngừa và phát triển tập trung chú ý 4.1.3. Chương trình sàng lọc, phòng ngừa và phát triển trí nhớ 4.1.4. Chương trình sàng lọc, phòng ngừa và	3/2/0	Tổ chức thảo luận nhóm; Thực hành trải nghiệm tình huống giả định	Thảo luận nhóm; Thực hành bài tập xây dựng quy trình	A2.1	CLO 4,5,6,7

Tuần/ Buổi (5 tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	<p>phát triển tư duy, tương tượng</p> <p>4.1.5. Chương trình sàng lọc, phòng ngừa và phát triển ngôn ngữ</p> <p>4.2. Nội dung phòng ngừa và hình thành thái độ, cảm xúc tích cực của học sinh</p> <p>4.2.1. Chương trình sàng lọc và phòng ngừa các rối nhiễu cảm xúc (trầm cảm, hưng cảm...)</p> <p>4.2.2. Xây dựng chương trình hình thành thái độ, cảm xúc tích cực</p>					
8	<p>Chương 4: TỔ CHỨC XÂY DỰNG NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH HỌC SINH</p> <p>4.3. Nội dung phòng ngừa và xây dựng hành vi mong đợi cho học sinh</p> <p>4.3.1. Chương trình sàng lọc và phòng ngừa các rối nhiễu hành vi: chống đối xã hội; hành vi gây hấn; hành vi nghiện; hành vi vi phạm pháp luật...</p> <p>4.3.2. Xây dựng chương trình hình thành hành vi chuẩn mực cho học sinh: các kỹ năng mềm, thói quen tích cực v.v...</p> <p>4.4. Nội dung phòng ngừa và hình thành mối quan hệ giao tiếp liên nhân cách của học sinh</p>	3/2/0	<p>Tổ chức thảo luận nhóm; Thực hành trải nghiệm tình huống giả định</p>	<p>Thảo luận nhóm; Thực hành bài tập xây dựng quy trình</p>	A2.1	CLO 4,5,6,7

Tuần/ Buổi (Số tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
	4.4.1. Chương trình sàng lọc và phòng ngừa các khó khăn trong mối quan hệ (rối loạn gắn bó; khó khăn xây dựng mối quan hệ; khó khăn hợp tác...) 4.4.2. Xây dựng chương trình hình thành hành vi mối quan hệ tốt đẹp cho học sinh với người khác					
9	Chương 5: THỰC HÀNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH HỌC SINH 5.1. Xác định nội dung xây dựng chương trình phòng ngừa 5.2. Xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển nhân cách học sinh	0/5/0	Bài tập thực hành cá nhân	Thực hành trải nghiệm	A2.1	CLO 4,5,6,7
10	Chương 5: THỰC HÀNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG NGỪA VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH HỌC SINH 5.3. Thử nghiệm thực hiện chương trình 5.4. Báo cáo kết quả thực hiện	0/5/0				
11	Thi hết môn		Thi thực hành		A2.1.	CLO 4,5,6,7

9. Tài liệu học tập

9.1 Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Sách, bài giảng, giáo trình chính				
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	2022	Giáo trình Xây dựng chương trình phòng ngừa và phát triển toàn diện nhân cách người học	Khoa Tâm lý-Giáo dục

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
2	Tài liệu tập huấn Tâm lý học đường	2011	Phát triển phòng ngừa toàn trường và các chương trình can thiệp cho học sinh.	Đại học Sư phạm Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Quỹ tài năng trẻ Tâm lý học-Giáo dục học	2016	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học toàn quốc "Sức khỏe tâm thần trong trường học"	NXB Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
4	Đặng Bá Lãm. Weiss Bahr	2007	Giáo dục, tâm lý và sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên ngành	NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
5	William Strein, Jessica Koehler	2003	Best Practices in Developing Prevention Strategies for School; Psychology Practice. Best Practices in Developing Prevention Strategies for School;	Psychology Practice.
6	American Psychological Association	2014	Guidelines for Prevention in Psychology	American Psychological Association. Vol. 69, No. 3, 285-296

3.4. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	School Based Prevention Programs	https://en.wikipedia.org/wiki/School_Based_Prevention_Programs	
2	School Based Prevention	https://www.sciencedirect.com/topics/medicine-and-dentistry/school-based-prevention	

4. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A6, A1	Máy tính, projector, phấn, bảng, micro	1	Tất cả

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 11 năm 2025

Trưởng khoa  PGS.TS Lê Mỹ Dung	Trưởng bộ môn  PGS.TS. Bùi Thị Thanh Diệu	Giảng viên biên soạn  PGS.TS Lê Mỹ Dung
---	--	--

PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC
BẢNG ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HIỆN HÀNH
 Ngành: Tâm lý học (NCS có trình độ cử nhân)

TT	Hạng mục	KHUNG ABET		CTĐT - Trong nước		CTĐT - Quốc tế	
		Số tín chỉ ^(a)	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Khối kiến thức chung	4	3,33				
2	Khối kiến thức trình độ thạc sĩ	26	21,7	31	22,8		
3	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trình độ TS	14	11,7	21	14,5		
4	Nghiên cứu khoa học và luận án	76	63,3	84	61,7		
	TỔNG	120	100%	136	100%		
1	Khối Kiến thức trình độ thạc sĩ			Bất buộc (R)	Tự chọn tự do (E)?	Bất buộc (R)	Tự chọn tự do (E)?
1.1	Khối Kiến thức chung	4	10	4	0		
1.2	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	26	90	15	12		
	TỔNG	30	100%	19	12		
2	Khối kiến thức trình độ tiến sĩ			Bất buộc (R)	Tự chọn tự do (E)?	Bất buộc (R)	Tự chọn tự do (E)?
2.1	Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, học phần TS	14	15,5	18	3		
2.2	NCKH và Luận án	76	84,5	84	0		
	TỔNG	90	100%	102	3		
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ TỐI THIỂU	120		136			

BẢNG ĐỐI SÁNH KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HIỆN HÀNH
Ngành: Tâm lý học (NCS có trình độ Thạc sĩ)

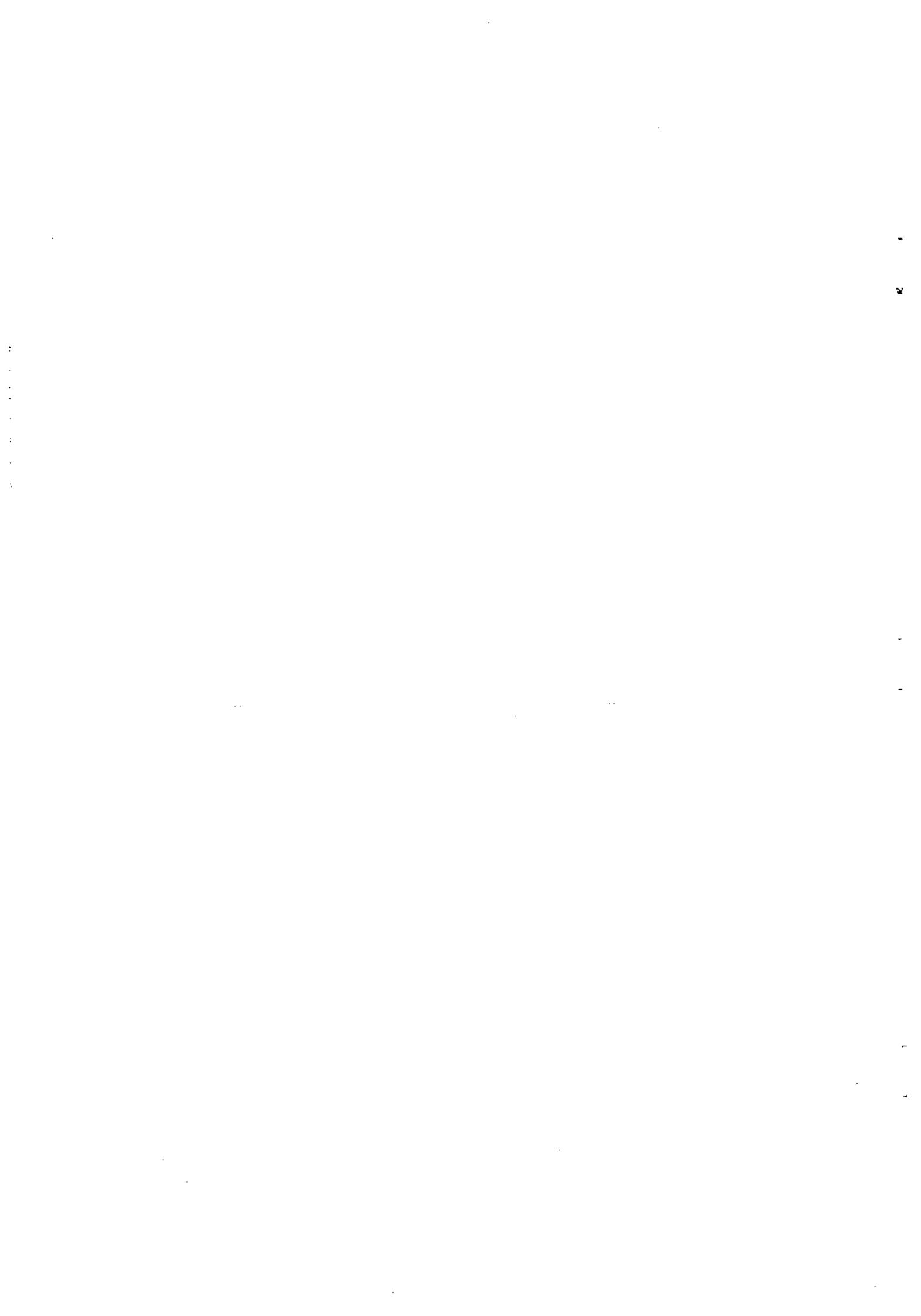
TT	Hạng mục	KHUNG ABET		CTĐT - Trong nước		CTĐT - Quốc tế	
		Số tín chỉ ^(a)	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
0	Các khối kiến thức						
1	Cơ sở ngành và chuyên ngành	14	15,6	21	20	14	23,3
2	Nghiên cứu khoa học và luận án	76	84,4	84	80	46	76,7
	TỔNG	90	100%	105	100%	60	100%
1	Khối Kiến thức trình độ tiến sĩ (số TC)			Bắt buộc (R)	Tự chọn tự do (E)?	Bắt buộc (R)	Tự chọn tự do (E)?
				Tỷ chọn bắt buộc (SE)	Tỷ chọn tự do (E)?	Tỷ chọn bắt buộc (SE)	Tỷ chọn tự do (E)?
	Tiêu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ, học phần TS	14		18	0	14	0
	NCKH và Luận án	76		84	0	46	0
	TỔNG	90		102	3	60	
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ TỐI THIỂU	90		105		60	

PHỤ LỤC 3. PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA: TÂM LÝ - GIÁO DỤC - CTXH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÂN BỐ TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY THEO CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chưa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

STT	Học kỳ	Tên học phần (Liệt kê tất cả các học phần theo thứ tự từ năm 1 đến năm cuối)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										Đóng góp của HP				Đối sánh với mẫu 4		
			PLO1		PLO2		PLO3		PLO4		PLO5		Mức I	Mức R	Mức M	Tổng PI đánh giá		Tổng PI	
			PH.1.1	PH.1.2	PI2.1	PI2.2	PI3.1	PI3.2	PI4.1	PI4.2	PI5.1	PI5.2							
1		Tiểu luận tổng quan	M,A	R	R			I						1	2	1	4	1	
2		Nghiên cứu định tính và định lượng trong TLH			M	R,A	I	R						1	2	1	4	1	
3		Chuyên đề tiền sĩ 1	M	M,A			I	I			R			2	1	2	5	1	
4		Nghiên cứu khoa học				R	M	R		M				0	2	2	4	0	
5	1	Luận án tiền sĩ	M	M			M	I	R					1	1	3	5	0	
7		TLH ứng dụng trong tổ chức và quản lý	R		M,A	M				R,A				0	2	2	4	2	
8		TLH ứng dụng trong trường học	R		M,A	M				R,A				0	2	2	4	2	
9		TLH ứng dụng trong y tế	R		M,A	M				R,A				0	2	2	4	2	



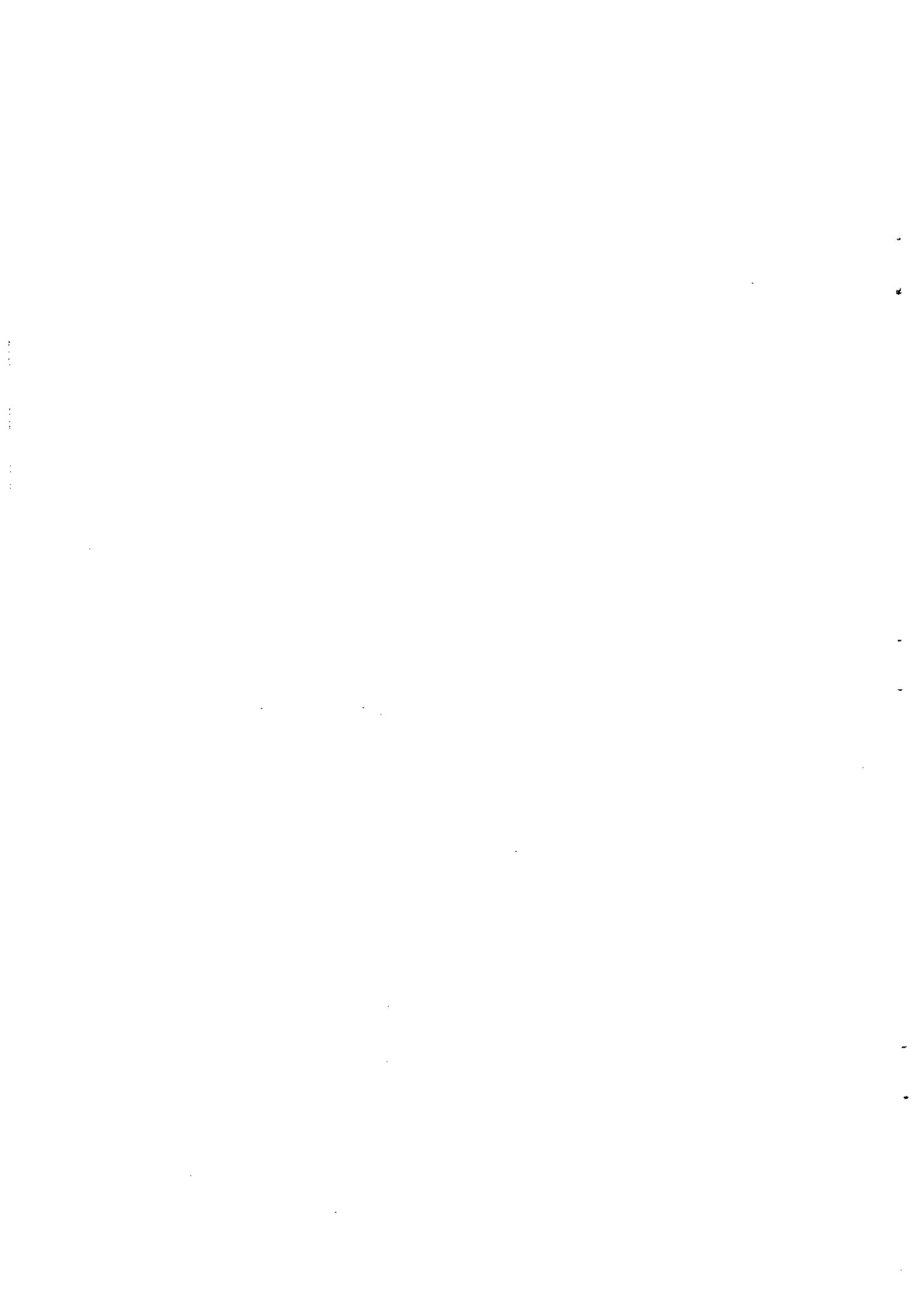
PHỤ LỤC 4: TRÌNH TỰ GIẢNG DẠY CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
PLO1	Có khả năng cập nhật tri thức hiện đại, chuyên sâu và liên ngành về tâm lý học.	PI1.1: Khả năng cập nhật và tổng hợp tri thức mới trong lĩnh vực tâm lý học	Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học	CLO 1. Phân biệt được nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng CLO 2. Phân tích được những ưu thế và trường hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng
			Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục	CLO 1. Phân tích được các lý thuyết tâm lý học giáo dục hiện đại, các cơ chế tâm lý cốt lõi (nhận thức, siêu nhận thức, động lực, cảm xúc) và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của người học.
			Tâm lý học ứng dụng trong quản lý	CLO 1. Liệt kê và phân tích được các phương diện ứng dụng của tâm lý học trong hoạt động quản lý CLO2. Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào việc tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý. CLO 3. Đánh giá khách quan, khoa học từ góc độ tâm lý học về tổ chức và hoạt động quản lý tổ chức
			Tâm lý học ứng dụng trong trường học	CLO 1. Phân tích và đánh giá lý thuyết và thực tiễn của vấn đề ứng dụng tâm lý trong trường học
	Tâm lý học ứng dụng trong y tế			CLO1. Phân tích được một số lý thuyết phổ biến được ứng dụng trong lĩnh vực y tế

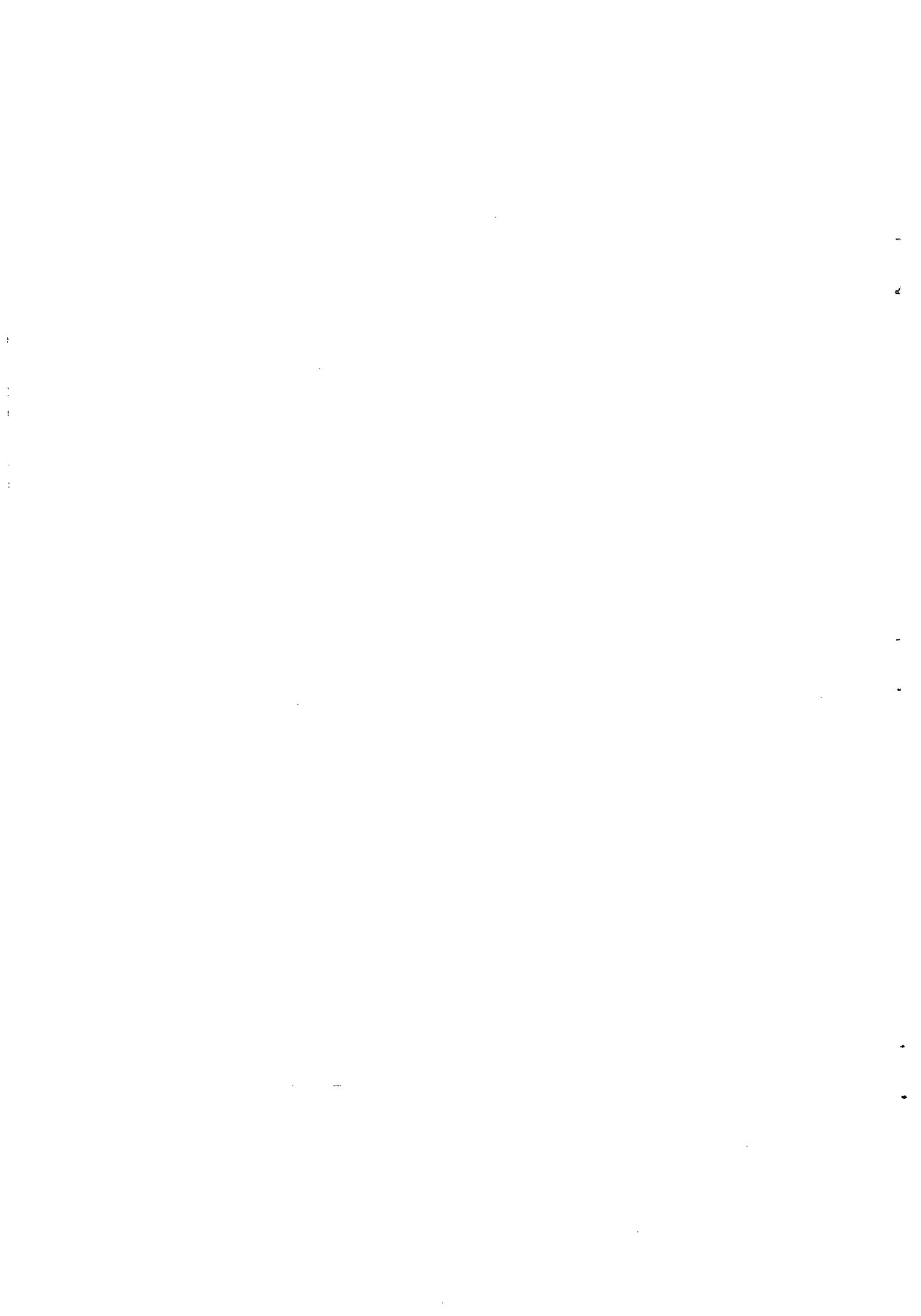
Chuẩn đầu ra CTDĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			<p data-bbox="357 1025 440 1301">Chuyên đề tiến sĩ: Tiểu luận tổng quan</p> <p data-bbox="492 913 575 1420">Chuyên đề tiến sĩ 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu</p> <p data-bbox="624 898 707 1435">Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu</p> <p data-bbox="769 898 812 1435">Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu</p>	<p data-bbox="346 165 460 869">CLO 1. Thực hiện được các bước tìm kiếm và phân loại tài liệu có hệ thống để xây dựng kho tài liệu chuyên sâu cho đề tài luận án.</p> <p data-bbox="476 165 591 869">CLO 1. Cập nhật và trình bày được tri thức hiện đại, chuyên sâu và liên ngành liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu</p> <p data-bbox="606 165 721 869">CLO 1. Phân tích và tổng hợp được cơ sở lý luận, các mô hình/lý thuyết chuyên ngành có liên quan để đặt vấn đề nghiên cứu</p> <p data-bbox="736 165 851 869">CLO 1. Vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích dữ liệu định tính và định lượng trong nghiên cứu tâm lý học.</p> <p data-bbox="867 165 950 869">CLO 1. Liệt kê và phân tích được các phương diện ứng dụng của tâm lý học trong hoạt động quản lý</p> <p data-bbox="965 165 1111 869">CLO2. Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào việc tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý.</p> <p data-bbox="1127 165 1194 869">CLO 3. Đánh giá khách quan, khoa học từ góc độ tâm lý học về tổ chức và hoạt động quản lý tổ chức</p> <p data-bbox="1210 165 1324 869">CLO 1. Thực hiện được các bước tìm kiếm và phân loại tài liệu có hệ thống để xây dựng kho tài liệu chuyên sâu cho đề tài luận án.</p>
	<p data-bbox="965 1473 1210 1648">PI1.2: Khả năng phát triển tri thức mới trong lĩnh vực tâm lý học...</p>		<p data-bbox="1012 936 1044 1413">Tâm lý học ứng dụng trong quản lý</p>	



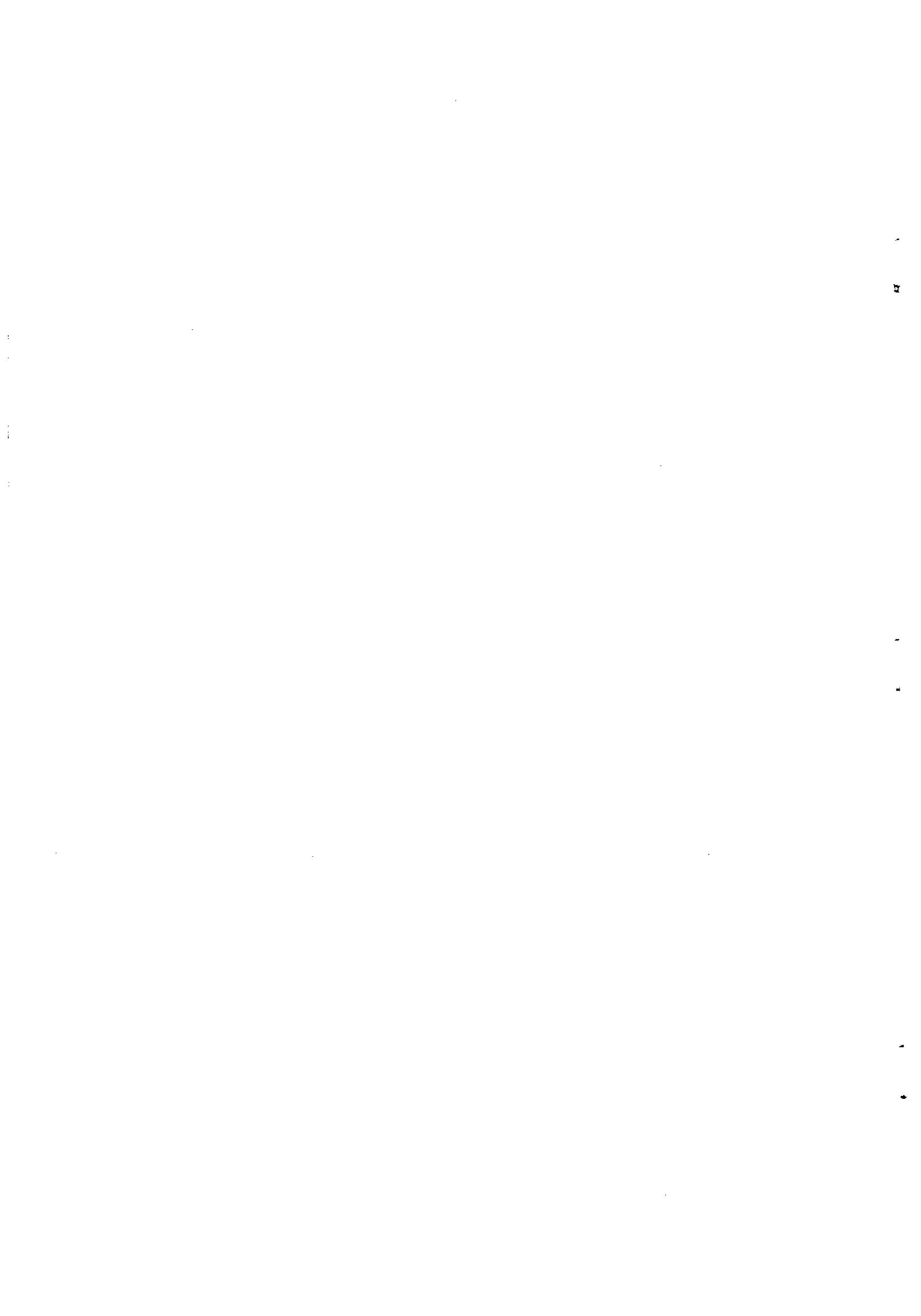
Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
PLO2	Có khả năng vận dụng kiến thức hiện đại, chuyên sâu về tâm lý học vào các lĩnh vực nghề nghiệp	PI2.1: Đề xuất các biện pháp tâm lý học cho các vấn đề trong giáo dục, y tế, tổ chức, xã hội...	Chuyên đề tiến sĩ 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu	CLO 1. Cập nhật và trình bày được tri thức hiện đại, chuyên sâu và liên ngành liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu
			Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu	CLO 1. Phân tích và tổng hợp được cơ sở lý luận, các mô hình/lý thuyết chuyên ngành có liên quan để đặt vấn đề nghiên cứu
			Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu	CLO 1. Vận dụng thành thạo các phương pháp phân tích dữ liệu định tính và định lượng trong nghiên cứu tâm lý học.
			Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học	CLO 1. Phân biệt được nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng CLO 2. Phân tích được những ưu thế và trường hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng Clo 3. Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng vào một nghiên cứu tâm lý học cụ thể
			Tâm lý học ứng dụng trong quản lý	CLO2. Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào việc tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý.
			Tâm lý học ứng dụng trong trường học	CLO 2. Xây dựng được kế hoạch và quy trình sàng lọc, đánh giá các vấn đề tâm lý trong trường học một cách khoa học



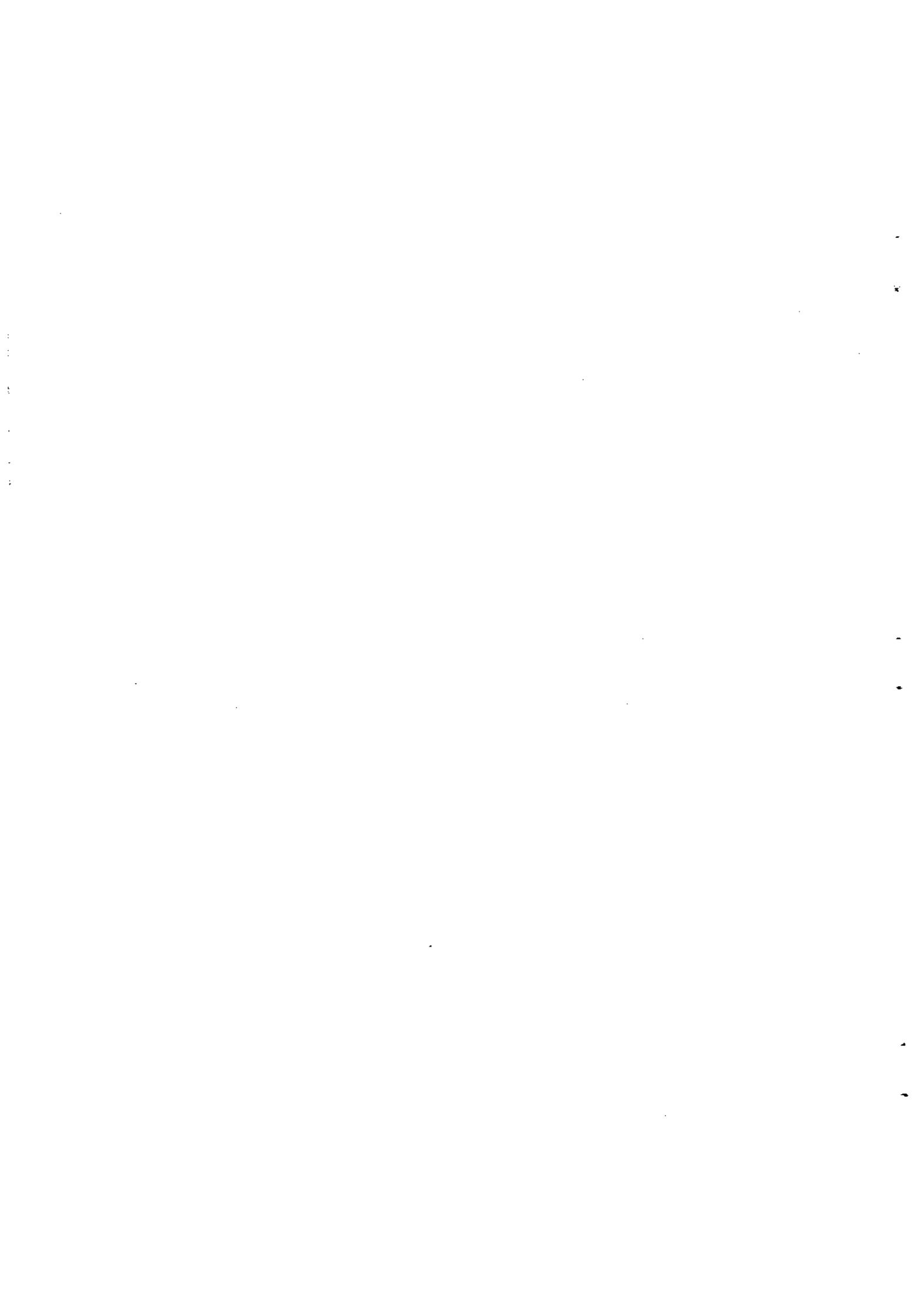
Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
				<p>CLO3. Nghiên cứu đề xuất kế hoạch, quy trình tư vấn, hỗ trợ tâm lý trong trường học</p> <p>CLO 4. Nghiên cứu đề xuất kế hoạch và quy trình kết nối các nguồn lực trong ứng dụng tâm lý học vào trường học.</p> <p>CLO 5. Thiết kế và tổ chức thực hiện được chương trình phát triển toàn diện nhân cách người học trong nhà trường</p>
			Tâm lý học ứng dụng trong y tế	<p>CLO 2. Vận dụng được kiến thức tâm lý học vào thực hành chăm sóc sức khỏe, chẩn đoán và điều trị</p> <p>CLO 3. Xác định được yếu tố tâm lý của bệnh nhân và nhân viên y tế</p> <p>CLO 4. Xây dựng được chương trình hỗ trợ tâm lý trong bệnh viện</p>
			Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu	CLO 2. Phân tích kết quả nghiên cứu một cách khoa học, đáp ứng yêu cầu của một chuyên đề tiến sĩ.
	PI2.2: Tích hợp kiến thức liên ngành trong các hoạt động nghề nghiệp		Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục	<p>CLO 1. Phân tích được các lý thuyết tâm lý học giáo dục hiện đại, các cơ chế tâm lý cốt lõi (nhận thức, siêu nhận thức, động lực, cảm xúc) và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của người học.</p> <p>CLO 2. Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào quá trình dạy, học và kiến tạo môi trường học tập.</p>



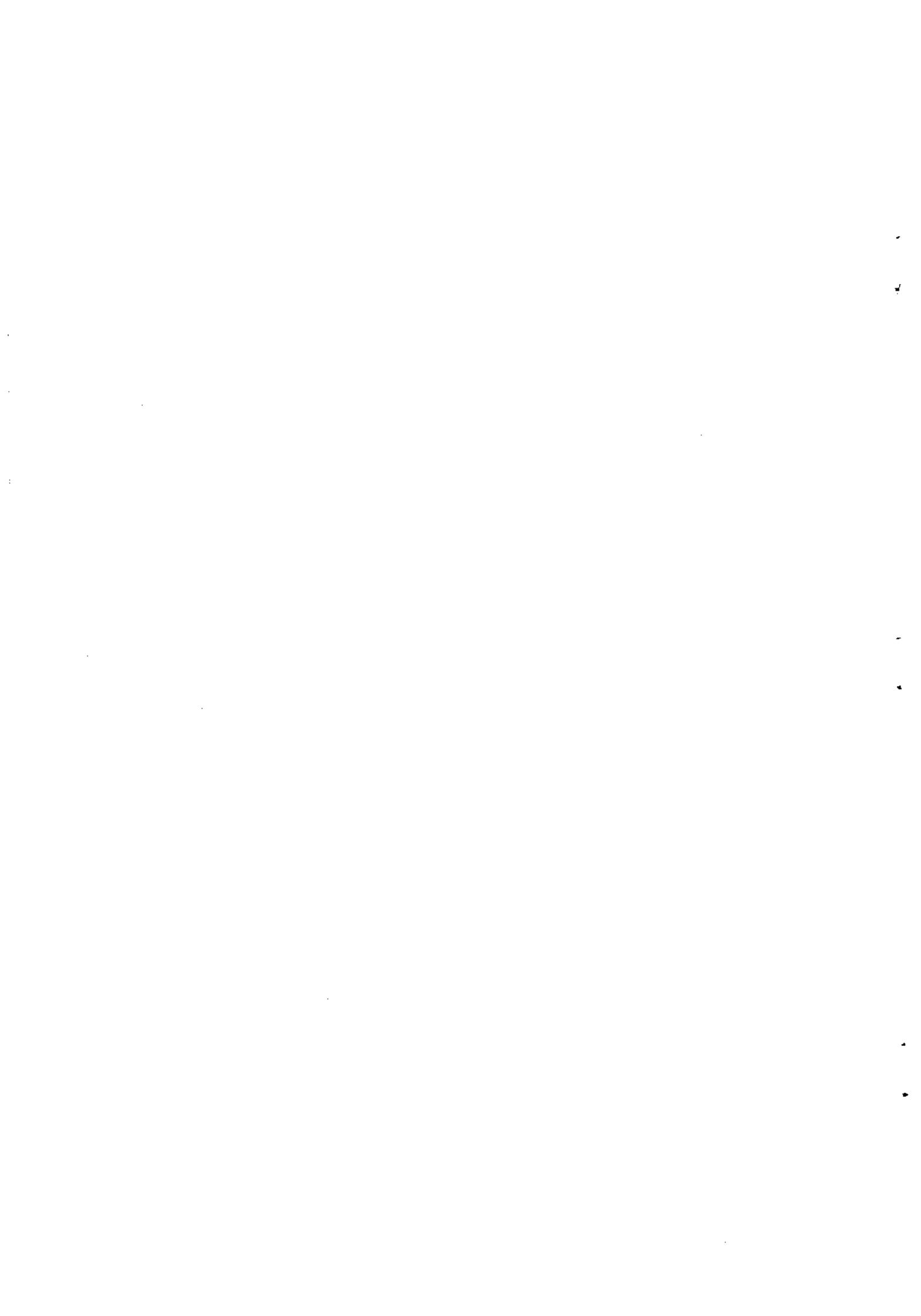
Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
PLO3	Có năng lực nghiên cứu độc lập và sáng tạo trong lĩnh vực TLH	PI3.1: Tổ chức và thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực TLH một cách độc lập	Chuyên đề tiến sĩ 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu	CLO 3. Đánh giá được tính thời sự và tính ứng dụng của các lý thuyết trong bối cảnh giáo dục cụ thể tại Việt Nam và quốc tế
			Chuyên đề tiến sĩ: Tiểu luận tổng quan	CLO 2. Phân tích, đánh giá và tổng hợp các quan điểm lý thuyết hiện đại.
			Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu	CLO 2. So sánh, đánh giá được các thiết kế nghiên cứu và các phương pháp phân tích dữ liệu khả thi để đạt được mục tiêu luận án
			Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu	CLO 2. Phân tích kết quả nghiên cứu một cách khoa học, đáp ứng yêu cầu của một chuyên đề tiến sĩ.
			Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học	Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào quá trình dạy, học và kiến tạo môi trường học tập.
			Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục	CLO 1. Phân tích được các lý thuyết tâm lý học giáo dục hiện đại, các cơ chế tâm lý cốt lõi (nhận thức, siêu nhận thức, động lực, cảm xúc) và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của người học. CLO 2. Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào quá trình dạy, học và kiến tạo môi trường học tập.



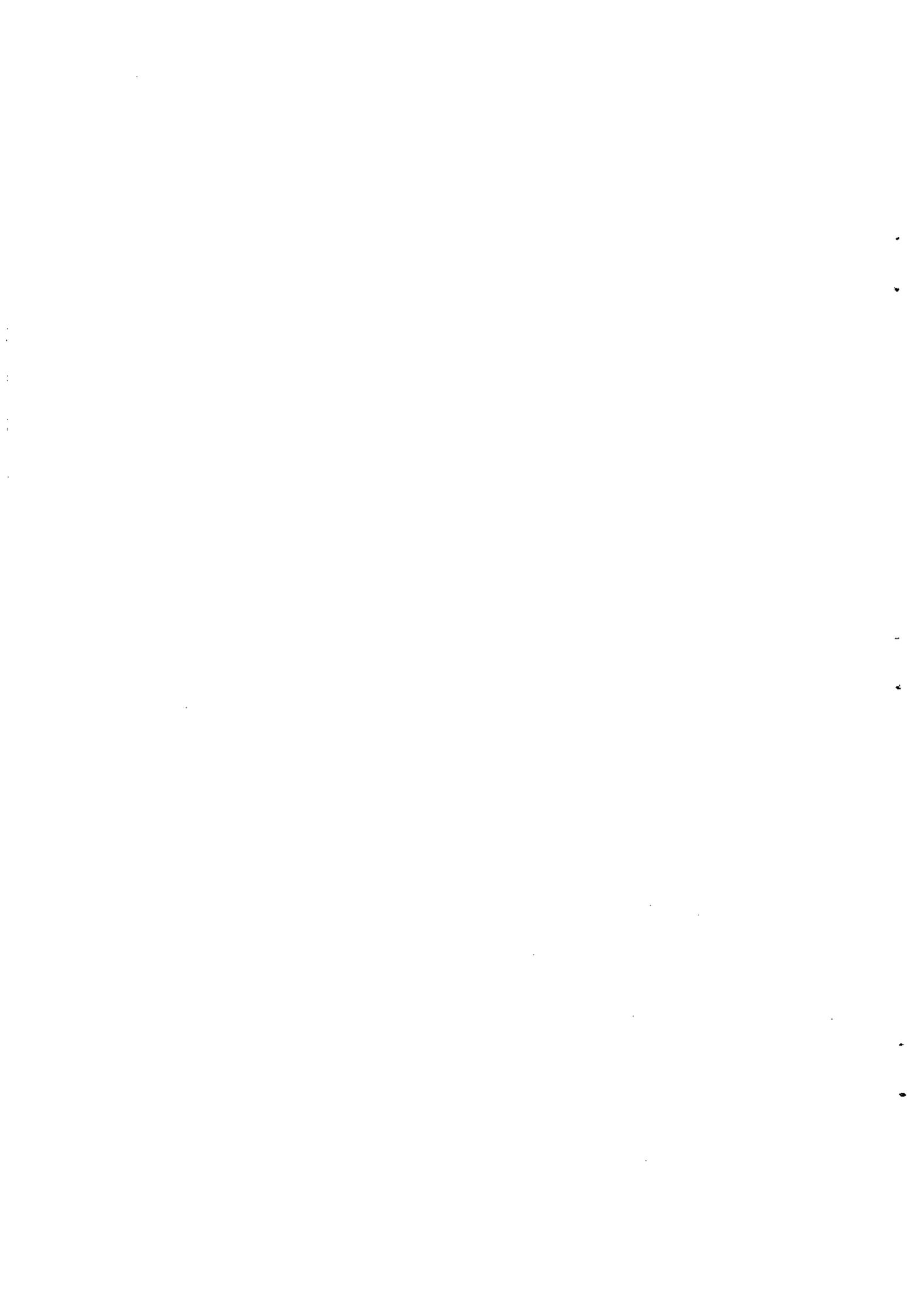
Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
				<p>CLO 4. Thiết kế, triển khai và đánh giá các chương trình can thiệp/tư vấn dựa trên bằng chứng khoa học nhằm giải quyết các vấn đề tâm lý giáo dục</p> <p>CLO2. Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào việc tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý.</p> <p>CLO 3. Đánh giá khách quan, khoa học từ góc độ tâm lý học về tổ chức và hoạt động quản lý tổ chức</p> <p>CLO 3. Tổng hợp được các thông tin ở tài liệu để xác định và luận giải khoảng trống nghiên cứu làm cơ sở cho luận án</p>
			Tâm lý học ứng dụng trong quản lý	
			Chuyên đề tiến sĩ: Tiểu luận tổng quan	<p>CLO 3. Thiết kế và phát triển khung lý thuyết, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu phù hợp với luận án.</p> <p>CLO 3. Trình bày và bảo vệ được lý do lựa chọn thiết kế nghiên cứu và phương pháp phân tích, đảm bảo tính khoa học và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu Tâm lý học.</p>
			Chuyên đề tiến sĩ 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu	
			Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu	<p>CLO 4. Thực hiện được các bước thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu chuyên sâu, độc lập giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai nghiên cứu</p>



Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			<p data-bbox="338 875 464 1451">Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu</p> <p data-bbox="464 875 715 1451">Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu</p>	<p data-bbox="338 136 464 875">CLO 5. Tổng hợp, viết báo cáo khoa học chuyên đề tổ chức và phương pháp nghiên cứu rõ ràng, logic, đáp ứng yêu cầu của một chuyên đề tiến sĩ.</p> <p data-bbox="464 136 589 875">CLO 3. Thể hiện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hợp tác học thuật trong quá trình phân biện, công bố kết quả nghiên cứu.</p> <p data-bbox="589 136 715 875">CLO 3. Thể hiện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hợp tác học thuật trong quá trình phân biện, công bố kết quả nghiên cứu.</p>
		<p data-bbox="730 1451 926 1653">PI3.2: Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế</p>	<p data-bbox="730 875 926 1451">Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu</p>	<p data-bbox="730 136 926 875">CLO 5. Tổng hợp, viết báo cáo khoa học chuyên đề tổ chức và phương pháp nghiên cứu rõ ràng, logic, đáp ứng yêu cầu của một chuyên đề tiến sĩ.</p>
PLO4	<p data-bbox="942 1653 1224 1899">Có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp</p>	<p data-bbox="942 1451 1224 1653">- PI4.1: Tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu, giảng</p>	<p data-bbox="942 875 1146 1451">Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học</p> <p data-bbox="1146 875 1224 1451">Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục</p>	<p data-bbox="942 136 1067 875">CLO 4. Đánh giá khách quan, khoa học về cách tổ chức nghiên cứu và việc lựa chọn, tiến hành nghiên cứu tâm lý học</p> <p data-bbox="1067 136 1161 875">Clo 3. Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng vào một nghiên cứu tâm lý học cụ thể</p> <p data-bbox="1161 136 1224 875">CLO 5. Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học ứng dụng.</p>



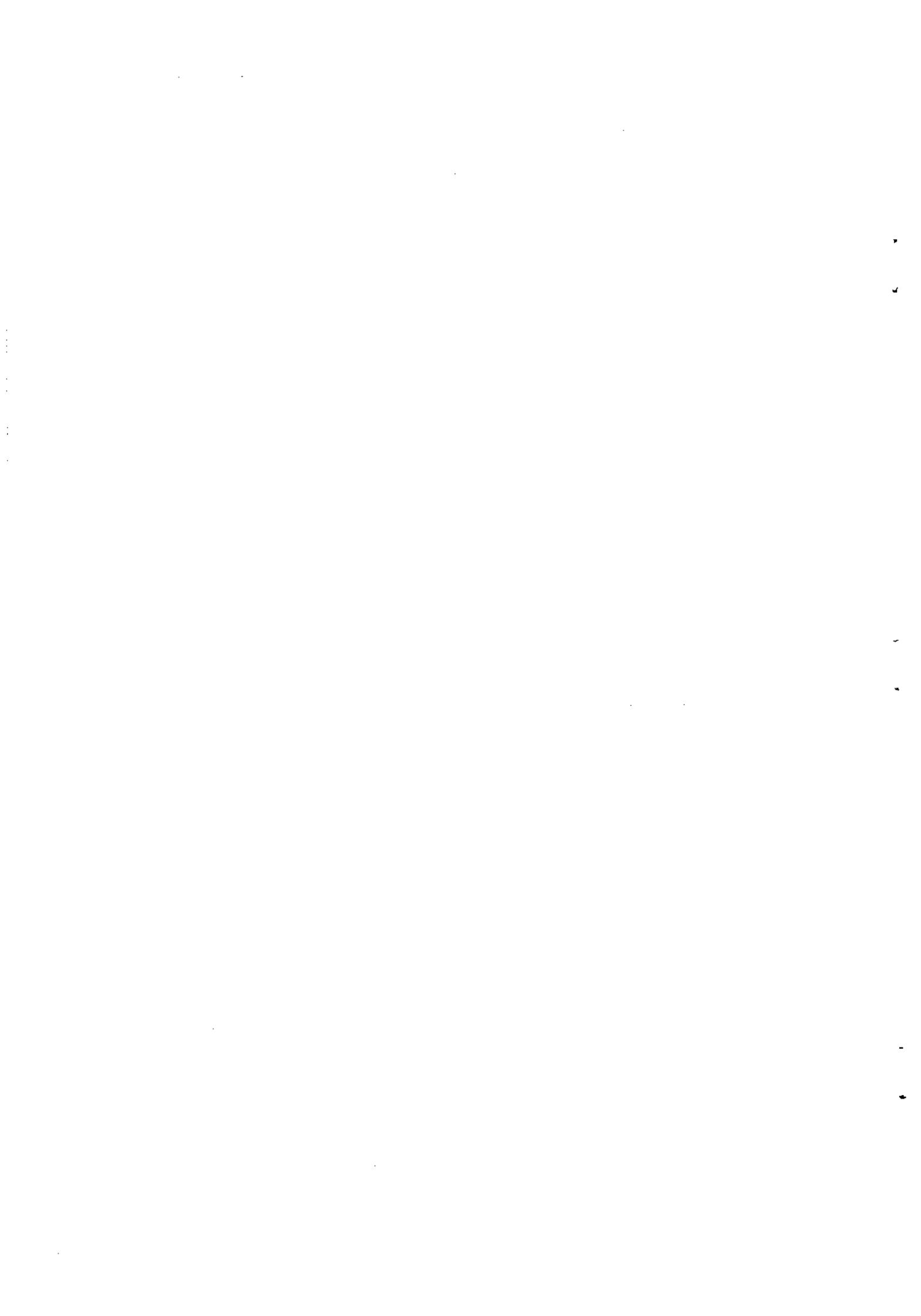
Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
		đạy và thực hành tâm lý học.	Tâm lý học ứng dụng trong trường học	<p>CLO 2. Xây dựng được kế hoạch và quy trình sàng lọc, đánh giá các vấn đề tâm lý trong trường học một cách khoa học</p> <p>CLO3. Nghiên cứu đề xuất kế hoạch, quy trình tư vấn, hỗ trợ tâm lý trong trường học</p> <p>CLO 4. Nghiên cứu đề xuất kế hoạch và quy trình kết nối các nguồn lực trong ứng dụng tâm lý học vào trường học.</p> <p>CLO 5. Thiết kế và tổ chức thực hiện được chương trình phát triển toàn diện nhân cách người học trong nhà trường</p>
			Tâm lý học ứng dụng trong Y tế	CLO 5. Thái độ nhân văn trong hoạt động hỗ trợ tâm lý
			Chuyên đề tiến sĩ: Tiểu luận tổng quan	CLO 4. Xây dựng và trình bày một bản Tiểu luận Tổng quan hoàn chỉnh với cấu trúc học thuật chặt chẽ, lập luận khoa học, và tuân thủ tuyệt đối quy tắc trích dẫn chuyên ngành.
			Chuyên đề tiến sĩ 1: Cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu	CLO 4. Thực hiện báo cáo chuyên đề và bảo vệ kết quả nghiên cứu một cách học thuật, có đạo đức và trách nhiệm
			Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu	CLO 3. Trình bày và bảo vệ được lý do lựa chọn thiết kế nghiên cứu và phương pháp phân tích, đảm bảo tính khoa học và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu Tâm lý học.



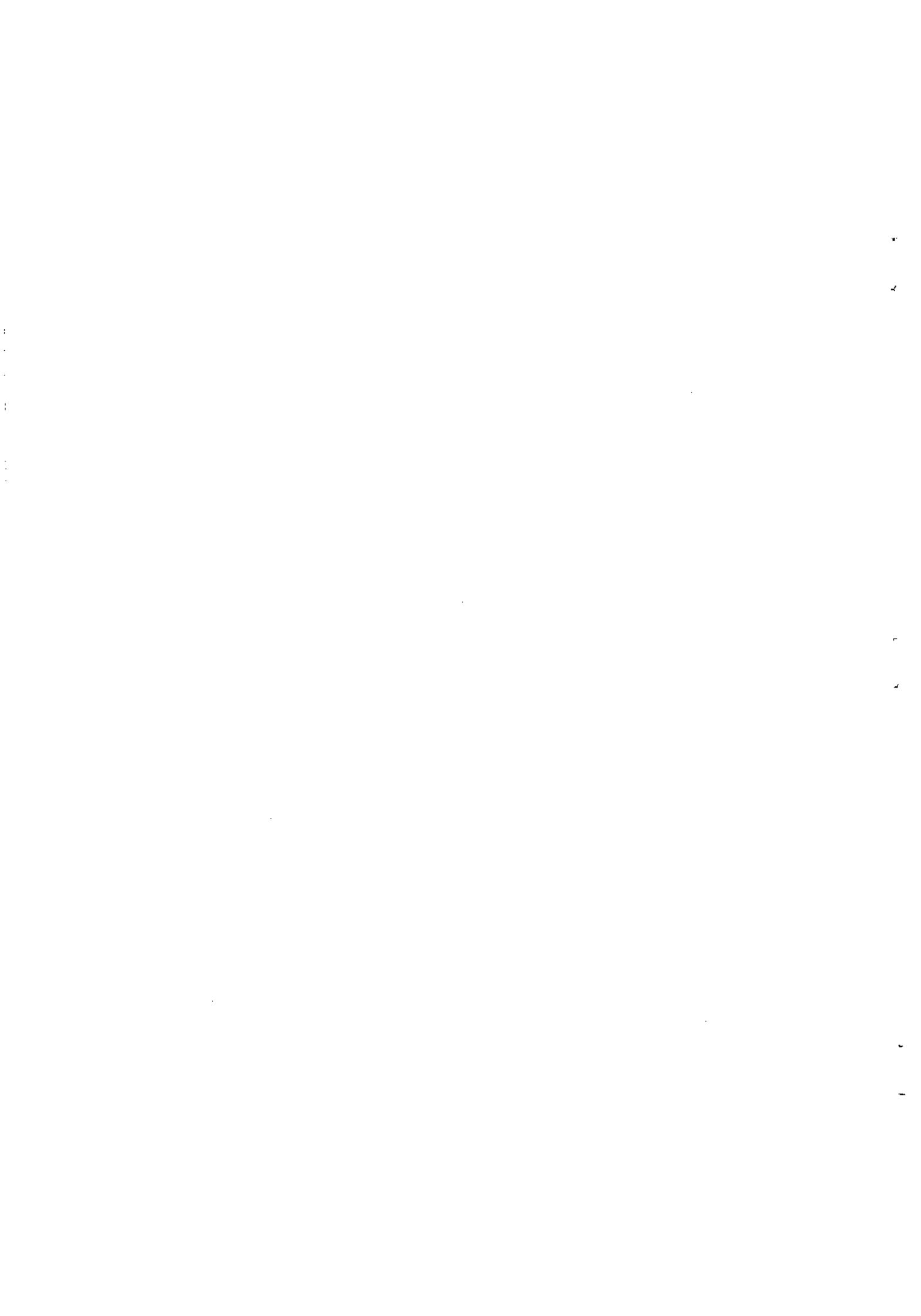
Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Nội dung chi tiết của Chuẩn đầu ra (PLOs)	Performance Indicators (PIs)	Học phần đáp ứng PI	Chuẩn đầu ra môn học CLO đáp ứng một PI
			Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu	CLO 3. Thể hiện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hợp tác học thuật trong quá trình phân biện, công bố kết quả nghiên cứu.
		- PI4.2: Có trách nhiệm xã hội, tôn trọng sự đa dạng văn hóa và nhân quyền trong hoạt động chuyên môn.	Tâm lý học ứng dụng trong quản lý	CLO2. Vận dụng được các lý thuyết tâm lý học vào việc tạo động cơ cho người lao động; quản lý nhóm và tập thể lao động; xây dựng văn hoá tổ chức; phát triển nhân cách và nâng cao hiệu quả lao động của nhà quản lý. CLO 2. Xây dựng được kế hoạch và quy trình sàng lọc, đánh giá các vấn đề tâm lý trong trường học một cách khoa học CLO3. Nghiên cứu đề xuất kế hoạch, quy trình tư vấn, hỗ trợ tâm lý trong trường học CLO 4. Nghiên cứu đề xuất kế hoạch và quy trình kết nối các nguồn lực trong ứng dụng tâm lý học vào trường học. CLO 5. Thiết kế và tổ chức thực hiện được chương trình phát triển toàn diện nhân cách người học trong nhà trường
			Chuyên đề tiến sĩ: Tiểu luận tổng quan	CLO 4. Xây dựng và trình bày một bản Tiểu luận Tổng quan hoàn chỉnh với cấu trúc học thuật chặt chẽ, lập luận khoa học, và tuân thủ tuyệt đối quy tắc trích dẫn chuyên ngành.



PL O5	Có khả năng phát triển chuyên môn nghề nghiệp	<p>- P15.1: Dẫn dắt nhóm nghiên cứu, tư vấn chuyên môn cho các tổ chức, phân biện xã hội trong lĩnh vực tâm lý học.</p> <p>- P15.2: Tự học suốt đời, cập nhật tri thức mới và thích ứng với sự thay đổi của môi trường học thuật và nghề nghiệp.</p>	<p>Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học</p> <p>Tâm lý học ứng dụng trong trường học</p> <p>Tâm lý học ứng dụng trong quản lý</p> <p>Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học</p> <p>Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục</p> <p>Chuyên đề tiến sĩ: Tiểu luận tổng quan</p>	<p>CLO 1. Phân biệt được nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng</p> <p>CLO 2. Phân tích được những ưu thế và trường hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng</p> <p>CLO 4. Đánh giá khách quan, khoa học về cách tổ chức nghiên cứu và việc lựa chọn, tiến hành nghiên cứu tâm lý học</p> <p>CLO 6. Thể hiện kỹ năng dẫn dắt, tư vấn nhóm chuyên môn ứng dụng tâm lý trong trường học, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp.</p> <p>CLO 3. Đánh giá khách quan, khoa học từ góc độ tâm lý học về tổ chức và hoạt động quản lý tổ chức</p> <p>CLO 1. Phân biệt được nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng</p> <p>CLO 2. Phân tích được những ưu thế và trường hợp sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng</p> <p>CLO 4. Đánh giá khách quan, khoa học về cách tổ chức nghiên cứu và việc lựa chọn, tiến hành nghiên cứu tâm lý học</p> <p>CLO 5. Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý học ứng dụng.</p> <p>CLO 4. Xây dựng và trình bày một bản Tiểu luận Tổng quan hoàn chỉnh với cấu trúc học thuật chặt chẽ, lập luận</p>
----------	---	--	--	--



				<p>khoa học, và tuân thủ tuyệt đối quy tắc trích dẫn chuyên ngành.</p> <p>CLO 4. Xây dựng và trình bày một bản Tiểu luận Tổng quan hoàn chỉnh với cấu trúc học thuật chặt chẽ, lập luận khoa học, và tuân thủ tuyệt đối quy tắc trích dẫn chuyên ngành.</p> <p>CLO 5. Tổng hợp, viết báo cáo khoa học chuyên đề tổ chức và phương pháp nghiên cứu rõ ràng, logic, đáp ứng yêu cầu của một chuyên đề tiến sĩ.</p> <p>CLO 3. Thể hiện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm và hợp tác học thuật trong quá trình phân biện, công bố kết quả nghiên cứu.</p>
			<p>Chuyên đề tiến sĩ: Tiểu luận tổng quan</p>	
			<p>Chuyên đề tiến sĩ 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu</p>	
			<p>Chuyên đề tiến sĩ 3: Kết quả nghiên cứu</p>	



PHỤ LỤC 5: DANH SÁCH GIÁNG VIÊN

1. Danh sách giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	TS	PGS	ntanh@ued.udn.vn	Tâm lý – Giáo dục - CTXH	- Tâm lý học ứng dụng trong quản lý - Tâm lý học ứng dụng trong trường học
2	Lê Mỹ Dung	TS	PGS	lmdung@ued.udn.vn	Tâm lý – Giáo dục - CTXH	- Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong Tâm lý học - Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục
3	Hoàng Thế Hải	TS	PGS	hthai@ued.udn.vn	Tâm lý – Giáo dục - CTXH	- Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục - Tâm lý học ứng dụng trong quản lý
4	Bùi Thị Thanh Diệu	TS	PGS	bt Dieu@ued.udn.vn	Tâm lý – Giáo dục - CTXH	- Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong Tâm lý học - Tâm lý học ứng dụng trong y tế
5	Hồ Thị Thủy Hằng	TS		htrhang@ued.udn.vn	Tâm lý – Giáo dục	- Tâm lý học ứng dụng trong y tế - Tâm lý học ứng dụng trong trường học
6	Nguyễn Thị Hằng Phương	TS	PGS	nthphuong@ued.udn.vn	Tâm lý – Giáo dục - CTXH	- Tâm lý học ứng dụng trong y tế - Tâm lý học ứng dụng trong trường học

7	Lê Thị Ngọc Lan	TS		ltnlan@ued.udn.vn	Tâm lý – Giáo dục - CTXH	Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong Tâm lý học - Tâm lý học ứng dụng trong giáo dục
---	-----------------	----	--	-------------------	-----------------------------	---

2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
1	Lê Quang Sơn	TS	GS	Tâm lý học	lqson@ued.udn.vn	Đại học Y dược	<ul style="list-style-type: none"> Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong Tâm lý học Tâm lý học ứng dụng trong quản lý

3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Chuyên ngành	Email	Cơ quan	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần tham gia giảng dạy
1	(họ và tên), (năm sinh), (chức vụ)	Học vị, (nước), (năm)	Học hàm, (năm)					
...								

Ghi chú: Kinh nghiệm giảng dạy: Nơi giảng dạy, thời gian, ngôn ngữ

3. Giảng viên giảng dạy Cơ sở ngành/ Chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài hoặc tiếng Anh

Danh sách giảng viên giảng dạy chương trình CLC bằng tiếng nước ngoài hoặc tiếng Anh

STT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Thâm niên công tác	Học phần giảng dạy	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học
1								
2								

4. Trợ giảng

Danh sách trợ giảng tham gia giảng dạy chương trình Chất lượng cao

TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Thâm niên công tác	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học
1							
2							
...							

3. Giảng viên giảng dạy Cơ sở ngành/ Chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài hoặc tiếng Anh

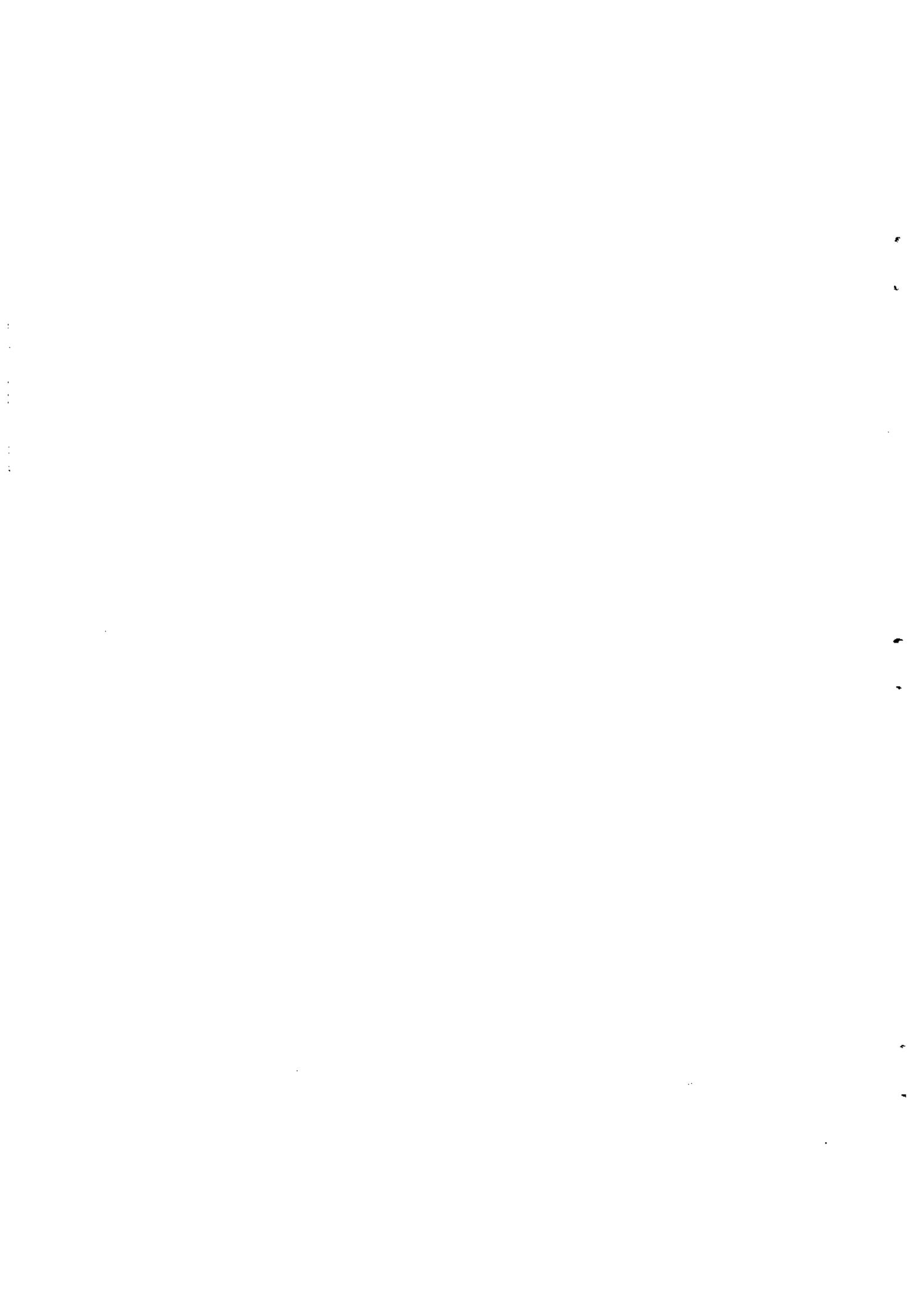
Danh sách giảng viên giảng dạy chương trình CLC bằng tiếng nước ngoài hoặc tiếng Anh

STT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Thâm niên công tác	Học phần giảng dạy	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học
1								
2								

4. Trợ giảng

Danh sách trợ giảng tham gia giảng dạy chương trình Chất lượng cao

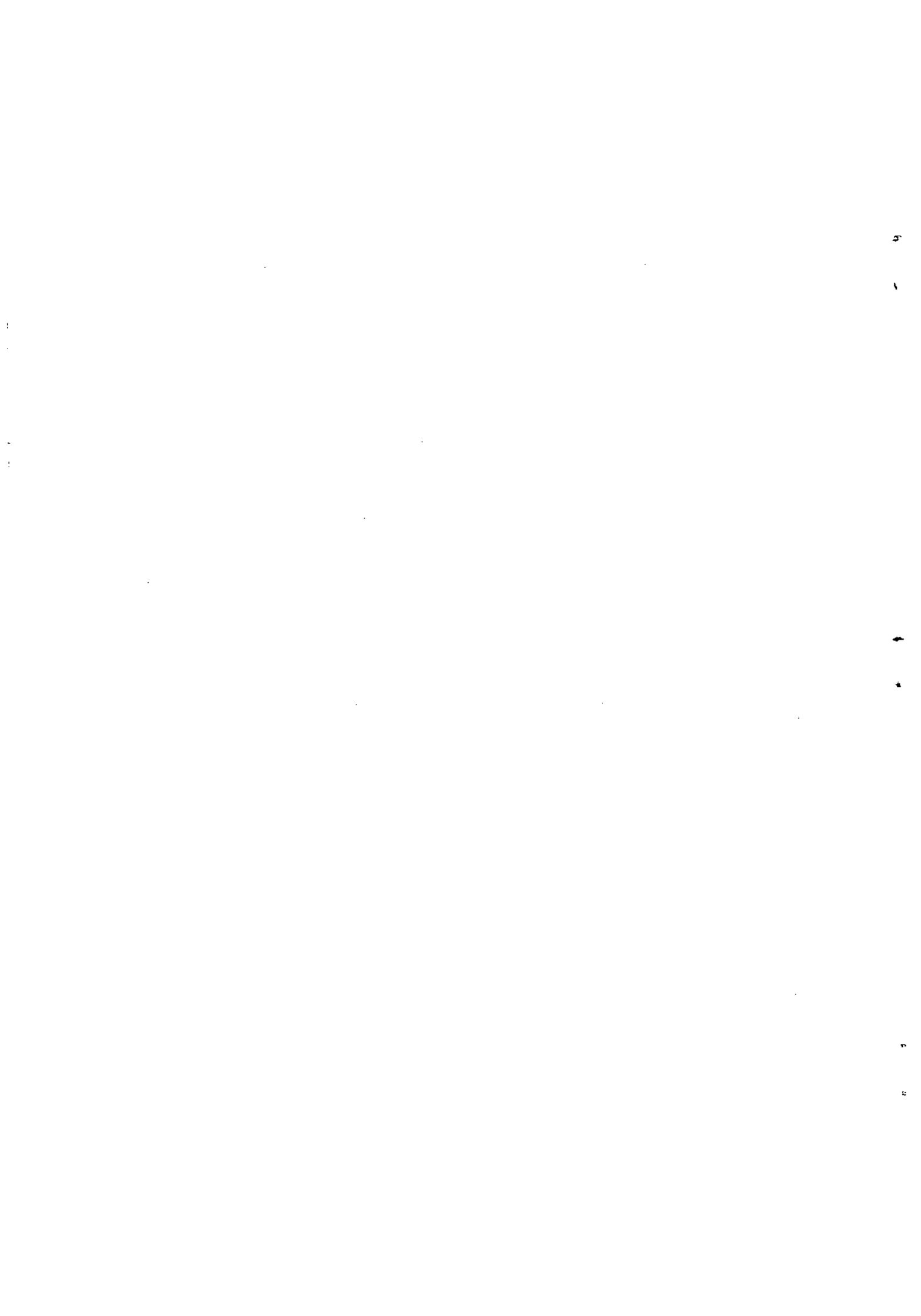
TT	Họ và tên	Năm sinh	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Thâm niên công tác	Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ Tin học
1							
2							
...							



PHỤ LỤC 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy chương trình đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần / môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	105	16.268			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1.818			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	11	4.263			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	51	7839			
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	37	2028	Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong TLH; TLH ứng dụng trong y tế; TLH ứng dụng trong giáo dục; TLH ứng dụng trong trường học; TLH ứng dụng trong quản lý	HK1, 2	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	80	Chuyên đề tổng quan, chuyên đề NCS 1,2,3, Bảo vệ luận án		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	3	240			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1330			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	44	8622			



PHỤ LỤC 7: THƯ VIỆN, GIÁO TRÌNH, SÁCH, TÀI LIỆU THAM KHẢO

7. 1. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 1200 m² trong đó diện tích phòng đọc: 950 m²
- Số chỗ ngồi: 150 ;
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 60
- Phần mềm quản lý thư viện: ALNET, M.G.A.DATA.
- Thư viện điện tử: Kết nối dung chung cho mạng lưới thư viện Đại học Đà Nẵng để tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận nguồn tài liệu phục vụ học tập và nghiên cứu một cách thuận tiện nhất. Hiện tại, nguồn tài nguyên điện tử trong thư viện là 39.916 file và số lượng file được cập nhật liên tục, học viên có thể dễ dàng tra cứu nguồn tài liệu đã được số hóa theo đường link <http://thuvien.ued.vn:8080/dspace>

7.2. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

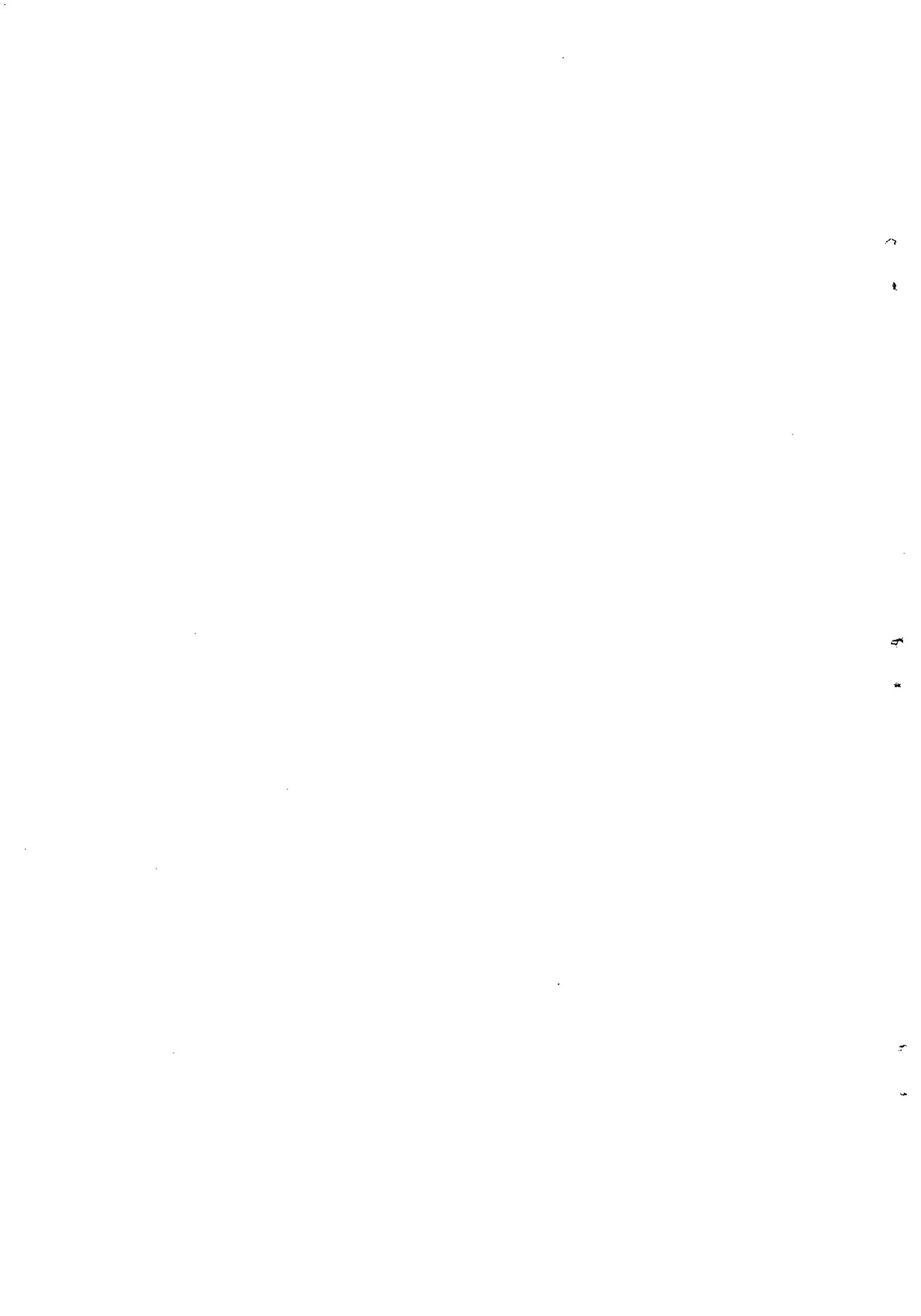
STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Tâm lý y học ứng dụng	Huỳnh Tấn Sơn	ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch, 2023	1	TLH ứng dụng trong y tế		Năm thứ 1	
2	Giáo trình TLH y học	Bộ môn y đức và khoa học hành vi	Trường ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	1	TLH ứng dụng trong y tế		Năm thứ 1	
3	Textbook of Applied Medical Psychology	Susanne S	University Press of Southern Denmark, United Kingdom	1	TLH ứng dụng trong y tế		Năm thứ 1	
4	Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học	Hoàng Mộc Lan	NXB ĐHQGHN, 2013	1	Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học		Năm thứ 1	



5	Introduction to Social Research: Quantitative and Qualitative Approaches	Punch, K.	London: Sage, 1998	1	Phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong tâm lý học	Năm thứ 1
6	Tâm lý học ứng dụng trong quản lý giáo dục	Lê Quang Sơn, Bùi Thị Thanh Diệu	Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2024	1	Tâm lý học ứng dụng trong quản lý	Năm thứ 1
7	Management of organizational behavior Bản dịch tiếng Việt	Hersey Paul, Kenneth Blanchard	NXB Thống kê, HN, 2004	1	Tâm lý học ứng dụng trong quản lý	Năm thứ 1
8	Vận dụng phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu: Từ hình thành ý tưởng đến phát hiện khoa học	Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên)	NXB Khoa học xã hội, 2022	1	Chuyên đề 2 – tổ chức và phương pháp nghiên cứu	Năm 2
9	Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches	John W. Creswell & J. David Creswell	SAGE Publications	1	Chuyên đề 2 – tổ chức và phương pháp nghiên cứu	Năm 2
10	Tâm lý học giáo dục	Lê Quang Sơn (Chủ biên)	NXB Đà Nẵng, 2019	1	TLH ứng dụng trong giáo dục	Năm 1
11	Tâm lý học hoạt động và ứng dụng trong giáo dục	Phan Trọng Ngo (Chủ biên)	Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2000	1	TLH ứng dụng trong giáo dục	Năm 1
12	Educational Psychology	Woolfolk, A.	Pearson Education, 2022	1	TLH ứng dụng trong giáo dục	Năm 1



13	Publication Manual of the American Psychological Association (7th Ed.)	APA	APA, 2020	1	Chuyên đề 1 – Cơ sở lý luận	Năm 2
----	--	-----	-----------	---	-----------------------------	-------



100

100

100



